

Wason
DS522
V651
n.s.
no. 13-16
1956

#13-16
July - Nov 1956

VĂN - HÓA

NGUYỆT - SAN

CO'-QUAN VĂN-HÓA VIỆT-NAM



SAIGON

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

MỤC-LỤC

- Diển-văn của Ngô Tông-Thống, trong buổi lễ đặt viên gạch đầu tiên xây cất Trung-tâm Văn-hóa Việt-Nam, tại Sài-gòn (3-7-56) trang I
- Huân-từ của Ngô Tông-Thống, nhân dịp lễ phát thưởng cho học-sinh, về cuối niên-học 1955-56. trang II
- Diển-văn của Ông Bộ-Trưởng Nguyễn-dương-Đôn, trong hai buổi lễ phát thưởng cho các trường trung-học Sài-gòn Chợt lớn (11 và 12-7-56), trang V

Số trang

I.— Văn-hóa Việt-Nam

- Thi-sĩ bình-dân Trần-tế-Xương (*Đặc-Tô*) 1423
- Cương nghĩa-liệt : Nguyễn-Biều (*Hoài-Quang*) 1437
- Liên-tưởng (*Lạc-Đó*) 1445
- Sóc-trăng bút-ký (*Đào-văn-Hội*) 1450
- Kho vàng bí-mật tại Việt-Nam (tiếp theo) (*Ng-công-Huân*) 1459
- Cái án bán tơ trong truyện Kiều (*Bùi-quang-Tụng*) 1461
- Sơ-kính tân-trang (tiếp theo) (*Bùi-Lương chú-giải*) 1468
- Thi-ca : Nhân vợ chồng Ngâu (*Tế-Xuyên*) 1471
- Qua bến Sài-thành (*Nam-Hưng*) 1472
- Hai con gà trống (*Trần-văn-Thước*) 1472
- Mừng gặp bạn cũ (*Vũ-văn-Lễ*) 1473

Số trang

- Thơ dịch : Bình Ngô đại cáo (tiếp theo) (*Nguyễn-sỹ-Thiền dịch*) 1474
- II.— Văn-hóa Thế-giới.
- Đạo-đức-kinh quốc-văn giải-thích (tiếp theo) (*Nghiêm Tồn dịch-thuật*) 1478
- Tơ sợi nhân-tạo (*Diệp-Chi*) 1484
- Triết-lý Tuân-từ (*Nguyễn-đăng-Thục*) 1497
- Kim-cương nhân-tạo (*Ng-chung-Tú*) 1503
- Beethoven (*Anh Nguyễn*) 1506
- Máy chữ (*Nguyễn-văn-Phúc*) 1510
- Sáu mươi năm cách-mạng tại Trung-hoa (tiếp theo) (*Trần-tuấn-Khai*) 1513
- III.— Tin-tức Văn-hóa.
- Tin trong nước 1516
- Tin ngoài nước 1529

DIỄN-VĂN CỦA NGÔ TÔNG-THỐNG

Trong buổi lễ đặt viên gạch đầu tiên xây cất Thư-viện Quốc-gia,
và Trung-tâm Văn-hóa Việt-Nam, tại Thủ-đô Saigon,
ngày 3-7-56 (1)

THƯA quý Vị,

Hôm nay, tôi hân-hoan tới chủ tọa buổi lễ này, để đặt viên gạch đầu tiên cho Thư-viện Quốc-gia và Trung-tâm Văn-hóa Việt-Nam. Kiến-thiết trung-tâm này là đặt thêm cơ-sở cho nền quốc-học, gây dựng và bồi-đắp bằng những tài-liệu văn-nghệ và học-thuật, vừa rút ở nền văn-hóa cổ-truyền, vừa đón nhận của các văn-hóa thế-giới tự-do. Công cuộc khuyến-trưng nền quốc-học sẽ lâu dài và vĩ đại, vì vậy mà Chánh-phủ luôn luôn giatâm đến.

Thưa quý Vị,

Trải mấy ngàn năm lịch-sử, mặc dầu đã chịu ảnh hưởng sâu rộng của nền văn-hóa Trung-quốc, văn-hóa nghệ-thuật của nước nhà, qua các thời-đại, vẫn luôn luôn giữ được cá tính dân-tộc, và do đó, hằng nuôi dưỡng một ý-chí, một tinh thần độc-lập, đã kết-tinh trong những trang sử oanh-liệt về võ-công cũng như về văn-trị.

(1) Bản báo trân-trọng đăng bản diễn-văn này lên trang đầu, vì đây là cả một chương-trình hoạt-dộng của nền văn-hóa Việt-Nam, mà ta có thể tóm tắt bằng chính những lời của Ngô Tông Thống :

- giữ gìn " nền văn-hóa cổ-truyền ", những " tư-tưởng thuần-túy, cao-siêu của tiên-bổi . .
- " đón nhận những tài-liệu của các văn-hóa thế-giới tự-do ", tôn trọng " nhân-vị và những giá-trị tinh-thần ", để khuyến-trưng nền quốc-học, và phát-triển khả-năng của con người.
- " Làm giàu thêm cho nền văn-hóa dân-tộc, và đồng thời, góp phần vào nền văn-hóa chung của nhân-loại. "

W. 105507
đ. 101

Bền-phận của thế-hệ ta ngày nay chẳng những là gìn giữ, mà còn gia tăng cái di sản quý báu ấy, bồi-dưỡng cái dân-tộc-tinh ấy, để truyền lại cho đời sau, vì không có thành-trì kiên-cố nào khả dĩ đảm-bảo vững chắc sự vĩnh tồn của giống nòi hơn là cái tinh thần độc-lập tự-chủ ấy.

Trong giai-đoạn hiện-tại, người dân Việt cần thắm nhuần những tư tưởng thuần túy cao-siêu của tiền-bổi, trước làn sóng của những lý-thuyết ngoại-lai duy-vật dùng con người làm con vật sản-xuất, mà chính con người lại phải là cứu-cánh của mọi cố gắng chánh-trị cũng như kinh-tế.

Sứ-mạng của văn-hóa là phụng-sự, phụng-sự phát-triển khả-năng của con người, để mỗi người được nảy nở toàn nhiên. Muốn đạt mục-dịch ấy, muốn cho tư-tưởng có thể vượt lên trên những phân biệt ranh-giới, thì phải lấy sự tôn-trọng nhân-vị và những giá-trị tinh-thần làm căn-bản.

Bởi vậy, cho nên ta tha-thiết với nền văn-hóa cổ-hữu là vì nền văn-hóa ấy nhìn nhận con người là vạn-vật chí linh. Nhưng ta sẽ là người nhìn ngắm nghĩ ngợi, nếu ta quên rằng thế-giới năm châu hiện nay luôn luôn giao-hoán. Nước ta đứng vào một địa-điểm tiên-phong tại Đông-Nam-Á, trên nhiều đường giao thông quốc-tế, thì lẽ dĩ nhiên, phải hứng đón các luồng tư-tưởng từ bốn phương đưa lại. Trong cuộc sinh-hoạt tinh thần, dân-tộc cũng phải tiến-hóa ăn nhịp với các dân-tộc tân-tiến trên thế-giới tự-do.

Vậy nên, ngoài việc khai thác kho tàng văn-hóa của tiền-nhân, chúng ta còn phải tìm học những văn-hóa các nước ngoài để có thể hấp thụ những cái hay, làm giàu thêm cho nền văn hóa chung của nhân loại.

Tôi mong rằng Thư-Viện Quốc gia và Trung-tâm Văn-hóa mà chúng ta khởi công xây dựng hôm nay với sự giúp đỡ về tài chánh của Viện trợ Mỹ, sẽ là một cơ-sở mãnh-liệt để thúc đẩy công cuộc kiến tạo một nền quốc-học phong phú, biểu dương sức sống dồi-dào, tinh-thần bất diệt và ý chí tiên-thủ của dân tộc ta.

Với triển vọng ấy, tôi đặt trọn tin tưởng vào tiền đồ của nền quốc-học và của Văn-hóa nước Việt.



HUẤN-TỪ CỦA

NGÒ TÔNG-THỐNG

nhân dịp lễ phát thưởng cho học-sinh về, cuối niên-học
1955-56

CÁC cháu thân mến,

Với buổi lễ phát thưởng này, các cháu đã tiến thêm một chặng trên đường học-vấn. Tôi ngó lời khen ngợi sự gắng công học tập của các cháu trong chín tháng vừa qua.

Ngày nay, các cháu được sinh-hoạt vui-vẻ đầm-ấm ở học-đường cũng như ở gia-đình, đó là nhờ sự thành-công của toàn dân trong công cuộc thực-hiện độc-lập, xây-dựng Cộng-Hòa, cùng sự tận lực hy-sinh của chiến-sĩ Quốc-gia để vẫn hồi an-ninh trật-tự.

Mai kia, các cháu trưởng thành, sẽ có nhiệm-vụ kế-tục sự nghiệp của phụ-huynh; các cháu sẽ phải lo sao cho cái « gia tài » mà các cháu thừa hưởng, được bền-bì và tăng gia mãi.

Nước nhà cần nhiều nhân-tài, nhiều chuyên-viên để kiến thiết quốc-gia, hầu theo kịp bước tiến của các dân-tộc. Số nhân-tài ấy,

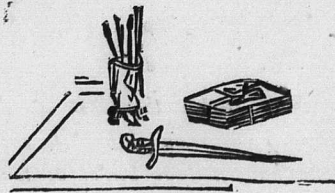
không thể có đủ ngay trong một lúc được, và sẽ đào tạo lần lần trong thế-hệ các cháu. Đó là một vinh-dự đang chờ đợi các cháu vậy.

Cho nên, ngay bây giờ các cháu hãy cố gắng trau dồi tài-năng và đức-hạnh. Các cháu cần nhớ: học không những để giúp ích cho bản-thân và gia-đình mà chính là để trở nên những công-dân xứng đáng của nước Việt-Nam Tự-do và Độc-lập.

Các phần-thưởng này, dù to hay nhỏ, đều chứng tỏ kết-quả tốt đẹp mà các cháu đã thu được trong năm học vừa qua, nhưng các cháu không nên lấy đó làm tự mãn, mà trái lại, cần phải tiến không ngừng. Có ý-chí tiến-thủ trong thời thơ-ấu, thanh niên, thì khi ra đời các cháu sẽ thành công trong nghề-nghiệp hay nhiệm-vụ và sẽ hưởng được nhiều phần thưởng tinh-thần cao quý hơn nữa, của cuộc đời.

Nghỉ hè đã đến, các cháu sẽ bồi-bổ thêm sức khoẻ để chuẩn-bị vào học niên khóa sau. Các cháu sẽ nhân dịp trở về làng mạc, phường thôn của mình để tham-gia vào cuộc kiến-thiết quốc-gia, xây-dựng dân-chủ với các thanh-thiếu-niên địa-phương của mình.

Tôi có lời thăm gia-đình các cháu và mong các cháu khoẻ mạnh luôn.



DIỄN-VĂN CỦA

Ông NGUYỄN-DƯƠNG-ĐÔN

BỘ-TRƯỞNG QUỐC-GIA GIAO-DỤC

đọc trong các buổi Lễ Phát-thưởng tại rạp Thống-Nhất
cho các trường Trung-học, Saigon-Cholon (1)

A— Tại lễ Phát thưởng ngày 11-7-56, cho hai trường nữ Trung-học Gia-Long và Trưng-Vương :

THƯA quý Vị,

Các em Học-sinh,

Mùa thi cử đã rộn rịp đến và đi, nhường bước cho những ngày phát phần thưởng, tung bừng hơn, vui-vẻ hơn.

Tôi đọc thấy niềm hân-hoan trên vùng trán, trong đôi mắt các học-sinh ưu-tú có mặt nơi đây. Tôi vui mừng với quý vị Phụ-huynh học-sinh hiện đang chứng kiến giờ phút vẻ-vang của con em mình, sau một niên học siêng năng, cần mẫn. Cùng các Giáo-chức đã tận tâm làm tròn nhiệm-vụ trong năm qua, tôi ngỏ lời khen ngợi và cảm ơn.

Ngày hôm nay, điều đã làm tôi hài lòng hơn cả là được thấy sự họp mặt của cả hai Trường Nữ-học Trưng-Vương và Gia-Long tại nơi

(1) Bản-báo lục đăng hai bài :

— Một khuyến các nữ-sinh tham-gia công-cuộc xã-hội, mà không lãng-quên bổn-phận đối với gia-đình.

— Một khuyến các nam-sinh đặc-biệt chú-ý tới các ngành học chuyên-môn, hiện đang cần-thiết cho việc canh-tân xứ-sở.

Thiết-tưởng đó cũng là hai vấn-đề xây dựng, trong chương-trình hoạt-động của nền văn-hóa nước nhà.

đây. Thêm một lần nữa, tình đoàn-kết giữa giáo-sư và học-sinh của hai trường đã được biểu dương rõ-rệt. Tinh-thần đoàn-kết là sức mạnh của một dân tộc.

Trên bước đường tiến-hóa, ngày nay phụ-nữ Việt-nam có một trách-nhiệm không nhỏ trong công cuộc kiến-thiết Quốc-gia xã-hội. Trong hàng phụ-nữ đã có nhiều người mạnh dạn bước chân lên đàng chính-trị, góp phần xây-dựng trong quốc-hội lập-hiến, cũng có người đỗ bằng bác-sĩ, kỹ-sư, đem tài-trí mà tô-diềm cho cuộc đời thêm tươi đẹp. Chính bên cạnh các em là những nữ giáo-sư ngày ngày dạy dỗ các em cho nên người hữu-dụng. Bao nhiêu phụ-nữ trí-thức này đã dự phần vào công cuộc phục-hưng xứ-sở.

Chắc rằng các nữ-sinh đều muốn nối gót các bậc tiền-phong đó để tích-cực tham-gia công cuộc chung. Trong xã-hội hiện tại, nữ-lưu không còn có thể chỉ hoạt-động trong phạm-vi gia-đình. Tham-gia những tổ-chức từ-thiện, giúp đỡ các cô-nhi, quả-phụ, ủy-lạo các thương-binh, thăm hỏi đồng-bào xấu-số, thúc đẩy những Hội Nữ-công để áp-dụng khoa-học trong công cuộc dưỡng-nhi hay gia-chánh, trau-giồi văn-hóa để phát-huy những thuần-phong mỹ-tục, đánh đổ những dị-doan mê-tín, đều là những việc phụ-nữ nên làm.

Tuy-nhiên, để khỏi có những sự sai-lầm tai-hại, tôi thấy cần nhắc rằng : công việc xã-hội là những công việc phải làm, nhưng không phải vì thế mà người phụ-nữ có thể xao-lãng sứ-mệnh thiêng-liêng của mình, là linh-hồn của đời sống gia-đình.

Một vị phụ-nữ có kiến-thức, có tinh-thần, tất biết gây trong chốn gia-môn một bầu không khí êm-đềm, một hoàn-cảnh thanh-cao để giúp mọi người sống theo đạo-lý. Từ Mạnh-Tử đến các bậc anh-hùng liệt-nữ cận kim, biết bao nhiêu người đã do nơi người mẹ hiền đào-tạo.

Đó là vài ý-nghĩ mà tôi muốn thêm vào những lời của Bà Hiệu-trưởng. Tôi mong rằng các em sẽ theo đúng các lời khuyên-nhủ của Bà, và trong công việc hàng ngày, sẽ luôn luôn giữ một tinh-thần tươi-đẹp. Bây giờ khen ngợi các em đã cố-gắng nhiều trong niên học vừa qua, tôi chúc các em vui-vẻ về nghỉ, để rồi lại háng-hái cố-gắng thêm lúc nào trở lại học đường.



B— Tại lễ Phát thưởng ngày 12-7-56, cho hai trường Trung-học Trưng-vinh-Ký và Chu-văn-An.

Thưa quý Vị,

Các em Học-sinh,

Việc phát phần thưởng chung cho học-sinh hai trường Chu-văn-An và Trưng-vinh-Ký nhân dịp cuối niên-học này, tôi nhận thấy rất có ý-nghĩa, vì nó trọng-trung cho tinh-thần đoàn-kết.

Các em Học-sinh,

Tinh-thần đoàn-kết ấy rất cần-thiết cho việc phục hưng xứ sở. Trong lúc này, các học-sinh cũng như toàn thể dân-chúng cần phải ý-thức rõ-rệt nhiệm-vụ của mình. Là những thanh-niên tru-tú với trí óc sáng-suốt, với cánh tay dấn mạnh, với bầu nhiệt-huyết bùng-bột háng-hái, các em sẽ góp một phần không nhỏ trong công cuộc cứu-quốc và kiến-quốc. Hiện nay còn là học-sinh, các em phải cố gắng thành tài. Như lời một giáo-sư của các em vừa khuyên-nhủ, các em cần phải hiểu rõ ý-nghĩa của hai tiếng « học-hành ». Trong khi trau giồi trí-thức, các em khác với học-sinh thời xưa, cần phải cố gắng để thấu hiểu văn-minh khoa-học của Tây-phương : đó là công việc tối quan-hệ để cho nước ta tiến bộ bằng người. Nhưng giống như các em nho-sĩ thuở trước, các em cần phải hiểu rõ giá-trị của tinh-thần ; chính tinh-thần hưởng sức mạnh vật chất theo một mục-dích cao-cả, đẹp-đẽ. Chính tinh-thần thúc-đẩy các em đem tài học ra để thi-hành với xã-hội một cách hữu-ích. Nói tóm lại, nền quốc-học của chúng ta cần được xây-dựng bằng sự hòa-đồng nền văn-hóa của Tây-phương với nền văn-hóa cổ-truyền của Đông-phương. Chúng ta dùng khoa-học để làm chủ thế giới vật-chất ; lại dùng tinh-thần đạo-đức để hướng-dẫn khoa-học. Đó là ý-nghĩa chính của bài học cuối năm mà giáo sư Lê-chí-Thiệp vừa mới giảng thêm cho các em.

Bây giờ, tôi muốn nói với các em về một vấn đề khác không kém phần quan hệ. Tôi muốn nói đến công cuộc kiến-thiết xứ sở. Các em tất đã hiểu rằng để canh-tân nước nhà, chúng ta phải chăm chú nhiều đến những ngành chuyên-môn. Nền Kỹ-nghệ và Kỹ-thuật sẽ được mở-mang mạnh mẽ. Trước tình trạng này, tôi khuyên các em nên đặc-biệt chú trọng đến vấn-đề hướng-nghiệp.

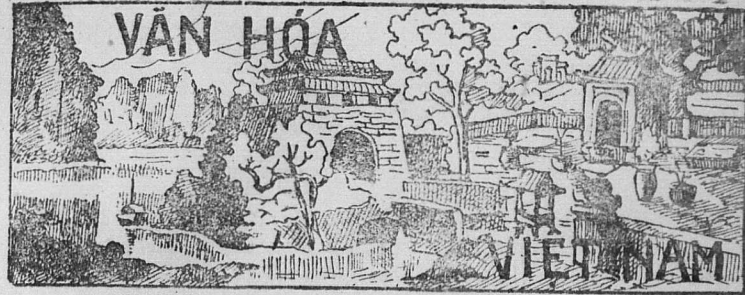
Trong việc này, các em phải căn-cứ vào sở-trường và khuynh-hướng riêng của mình. Nhưng nếu xét có đủ khả-năng, hoặc có khả năng về nhiều môn

học khác nhau, thì các em nên lựa chọn các ngành mà nước nhà đang cần đến, tức là ngành chuyên-môn. Công-nghệ, cơ-khí, hóa-học, điện-khí, thủy-diện, thủy-nông, kinh-tế, y-khoa, xã-hội...bề học mênh-mông, muôn đường nghìn lối, nếu các em sáng-suốt và nhiệt-thành thì lo gì chẳng có dịp thi-thố tài-năng để phụng sự quê hương, xứ sở. Nước nhà đã độc-lập, một chân trời mới đầy tươi sáng vừa hé mở để chờ đón tuổi xanh.

Nhưng muốn đi sâu vào khoa-học, các em cần khảo-sát các sách ngoại ngữ và có khi lại ra nước ngoài du-học, vì một nước tân-tiến tới đâu cũng vẫn phải cho thanh-niên xuất-duơng thấu thái những đặc-điểm của nước ngoài. Bởi vậy, các em nên rèn luyện về sinh-ngữ để có một lợi khí sẽ dùng về sau trong những công cuộc nghiên-cứu. Cũng vì lẽ ấy, do nghị-định ngày 5 tháng 4 năm nay, tôi đã định bắt đầu từ sang năm, trong các kỳ thi tú-tài phần thứ nhất và thứ hai, ngoài Pháp-văn và Anh-văn, các thí-sinh được lựa chọn một trong các thứ tiếng Ý, Tây-ban-nha, Đức, Nhật. Về những sinh-ngữ này, các em chỉ cần hiểu biết cách hành-văn thông thường, mục-dích là để tăng thêm phương-tiện trên đường học-vấn. Ngày nay, không có một quốc-gia nào có thể sinh sống một cách lẻ-loi, riêng biệt. Chính sách bế quan tỏa cảng đã trở nên một quan niệm lỗi-thời, một ngộ-nhận không sao tha thứ được, trong bước tiến của cá nhân hay đoàn-thể. Từ cuối thế kỷ trước, dưới thời Minh-Trị, nước Nhật đã hồ-hào thanh-niên luyện tập sinh-ngữ, ngõ hầu thấu thái những thành-tích kỳ-diệu của nền kỹ-thuật nước ngoài, mà vẫn giữ được tinh-thần dân-tộc. Đó chỉ là một tí-dụ cụ-thể khiến cho ta suy nghĩ để khỏi lầm đường lạc lối.

Trước cảnh non sông đổi mới, trong khi phong-trào kiến-thiết quốc-gia đương tràn-lan khắp hang cùng ngõ hẻm, học-đường đâu lại thờ ở không hưởng ứng? Thanh-niên có đâu lại không hăng-hái tham-gia việc canh-tân đất nước! Vì thế, tôi có những lời kêu gọi các em.

Trước khi ngừng lời, tôi chúc tất cả các em, trò được thưởng cũng như các trò khác, sẽ vui vẻ khỏe mạnh trong mấy tháng hè, rồi lại học tập, để sau này trở nên những phần tử xứng đáng, làm vẻ-vang cho Gia-đình và Tổ-quốc.



THI-SĨ BÌNH-DÂN TRẦN-TẾ-XƯƠNG

(1870-1907)

của ĐẶC-TÒ

KHI nói tới văn-chương bình-dân, ta không thể sao quên được thi-sĩ Trần-tế-Xương, nhà thơ của non Côi sông Vj, mà ta thường gọi là Tú Xương. Sinh-trưởng giữa thời-kỳ phong-kiến, trong khi dư-luận chưa biết ưa chuộng tiếng nước nhà, coi nôm-na là cha mách quẻ, và còn hay nhắc-nhở tới những kẻ chức trọng quyền cao, Trần-tế-Xương không ngại dùng các lời thông-thường, để tả những cảnh thông-thường. Sống trong bần-bách, ông đã đi sát quần chúng, nên đã có những tình-tinh và tư-tướng, bình-dị, thiết-thực, mà thanh-cao. Cách phản-ứng của ông đối với thời-cực, thật đĩnh cho chúng ta lưu tâm, suy nghĩ.

Trần-tế-Xương sinh năm 1870, tại làng Vj-Xuyên, sau đổi thành phố Hàng Nâu, tỉnh Nam-dịnh. Trong bài "Phú Thủy đồ", ông đã phác-họa chân-dung của mình :

Xem thấy con nhà phong-nhã ở chốn thị-thành,

Râu rậm như chổi, đầu to tầy dảnh.

Cứng lắm phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo,

Cứng lắm lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ đốm tam khoanh.

Tính-tình phóng-khoảng tự-nhiên, lại ưa giọng mỉa-mai, giễu-cợt, nên ông đã tự trào :

Chẳng phải quan mà chẳng phải dân,
Ngơ-ngơ ngân-ngân hóa ra dần.

Hầu con trà rượu ngày sai vật,
Lương vợ ngô khoai tháng phát dần.
Có lúc vánh râu vai phụ lão,
Cũng khi lên mặt dạng văn thân.
Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ ?
Lâu để mà xem cuộc chuyện văn.

Tuy tài-hoa có thừa, mà suốt đời, ông không làm nên danh-phận gì, lại lâm vào cảnh nghèo-nàn, cực khổ. Ông thường ứng khẩu thành chương, lời lẽ lưu-loát, nhẹ-nhàng và dí-dỏm.

Sau khi đã hỏng thi mấy lượt, bằng hữu, vì mê-tín, khuyên ông nên thay chữ đệm giữa tên của ông, để được may mắn hơn. Ông đã đổi tên Trần-tế-Xương, thành Trần-cao-Xương. Nhưng, sự ngẫu nhiên mà quá quáng vẫn không để ông có dịp được thi thử tài-năng, và ông vẫn trượt :

« Tế » đổi làm « Cao » nên sự thế,
« Kiệt » trông ra « Tiếp » hơi trời đi !

Ngày rằm tháng chạp năm Bình-ngọ, Thành-Thái thứ XVIII (29 tháng giêng năm 1907 dương-lịch), ông về quê ngoại làng Đệ-tứ, huyện Mỹ-lộc, ăn giỗ. Ông đi bộ từ tỉnh lỵ, dưới trời mưa, tiết lạnh, lại nhân mắc bệnh đau tim, nên khi tới nơi, ông thấy trong người nhọc mệt, bèn lên tự đường, tạm nghỉ lưng, chờ đợi giờ cúng. Lúc người nhà vào gọi dậy, thì ông đã mất, giữa năm 37 tuổi.

I— Chí-khí hiên-ngang

Về cá-nhân, Trần-tế-Xương đã có hai điều bất-mân : gia-cảnh đã thanh-bạch, ông lại không lập được chút công-danh, vì đã bao lượt long-dong nơi trường-ốc, mà chỉ đậu được tú-tài. Ông không khỏi ngậm-ngùi buồn-tủi, nhưng không phải vì thế mà chán-nản, ngã lòng. Ông muốn trả nợ bút nghiên, giúp đỡ gia-dình, chứ không phải vì ích-kỷ mà mơ ước điều vinh-hoa, phú-quí. Ông vốn coi thường các danh-lợi khách, và tin rằng ở đời, nhiệm-vụ của kẻ thức-giả là phải sống sao cho ra người. Khi đã giữ được nhân-phẩm, khi đã giúp ích non sông xã-hội, thì các điều khác chẳng có gì đáng cho ta quá ư lưu-tâm, chú-ý. Ta hãy đọc qua

lời chế-giễu của ông đối với các câu chúc-tụng ngày Tết, thì đủ rõ ông coi thường những mơ-ước của thế-nhân :

Lãng-lãng mà nghe nó chúc nhau,
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.
Phen này ông quyết đi buồn cõi,
Thiên-hạ bao nhiêu đứa già trâu !

Lãng lãng mà nghe nó chúc giàu,
Trăm nghìn vạn mở đề vào đầu ?
Phen này ắt hẳn gà ăn bạc.
Đồng rưng đồng rơi lọ phải cầu.

Lãng-lãng mà nghe nó chúc sang,
Đứa thì mua tước, đứa mua quan.
Phen này ông quyết đi buồn lọng,
Vừa bán vừa la cũng đất hàng.

Lãng-lãng mà nghe nó chúc con,
Sinh năm đẻ bảy được vuông tròn.
Phổ-phường chật hẹp người đông-đức,
Bồng-bể nhau lên nó ở non.

Riêng ông chỉ ước-mong :

Bắt chước ai, ta chúc mấy lời,
Chúc cho khắp hết cả trên đời !
Vua, quan, sĩ, thứ, người muốn nước,
Sao được cho ra cái giống người !

Phải chăng vì lý-tưởng « sống cho ra người », mà suốt đời, ông đã giữ được chí-khí hiên-ngang. Dù túng thiếu hay chẳng làm nên, ông cũng nhất-định không chịu khuất-phục một ai, mà vẫn ngang-tàng, phóng-đạt.

Ông nghèo, song vẫn vui cười, tự chế-giễu :
Khi túng toan lên bán cả trời,
Trời cười thẳng bé nó hay chột.

Cho hay công nợ âu là thế,
Mà cũng phong-lưu suốt cả đời.
Tiền bạc mặc thân con mụ kiếm,
Ngựa xe chẳng có lúc nào ngơi.
Có năm ba chữ nhồi trong ruột,
Khéo khéo khéo mà nó lại rơi !

Buồn gì bằng ngày Tết, mà cũng không có đủ phương tiện để mừng xuân. Lại buồn hơn nữa, là kẻ có chút tiền-nong, thì lại phung-phí nhỏ-nhãng, không biết thưởng xuân, nghênh đón những cái tế-nghị của xuân sang :

Khéo bảo nhau rằng mới với mẹ,
Thấy ai mặc rách chẳng ai nghe.
Khăn là bác nợ to tay rế,
Váy lĩnh có kia quết khắp hề.
Công đức tu-hành sư có lọng,
Xu hào dùng-đình Mán ngồi xe.
Chẳng phong-lưu cũng ba ngày Tết,
Kiết-cú như ai vẫn rượu chè.

Lời văn dùng toàn những tiếng phò-thông, không có những hán-tự cầu-kỳ, mà vẫn thánh-thót, nhẹ-nhàng, lại vô cùng mỉa-mai, chua-chát. Khấn so sánh với xiêm, công đức đối với hào xu, thật là ngạo mạn và thảm-thía biết chừng nào ! Tuy nhiên, dù nghèo túng, và thấy những cảnh tượng chướng tai, gai mắt, ông vẫn bình-tâm giễu cợt, tự đặt mình ra ngoại vật, để lãng quên thực-tế :

Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo,
Tiền bạc trong kho chứa lĩnh tiêu.
Rượu cúc nhẩn đêm, hàng biếng quẩy,
Trà sen mượn hỏi, giá còn kệu.
Bánh đường sắp gói, e nồm chầy,
Gò lựa toan làm, sợ nắng thiêu.
Thôi thế thì thôi, dành Tết khác,
Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo.

Bần-bách đến nỗi không đủ ăn mặc, ông cũng thân nhiên tự-hào :

Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông,
Tưởng rằng ốm nặng hóa ra không.
Một tuồng rách rưới con như bố,
Ba chữ nghèo-ngạo vợ chán chồng.
Đất biết bao giờ xoay vận đỏ,
Trời làm cho bố lúc chơi ngông.
Tìm chùa tìm cảnh, ta tu quách !
Cửa Phật quanh năm vẫn áo sòng.

Dã-sử còn chép rằng : ông đứng bảo-lính cho một người bạn vay nợ, rồi kẻ kia đánh lừa không trả, ông bị tịch-biên gia-sản, mất cả nhà cả đất. Rồi có lần đi hát ã-đầu, ông đã bị mất ô. Đã thiếu-thốn, lại gặp những sự bất-công, người khác tất không khỏi cảm giận, oán hờn ; nhưng ông chỉ coi đó là những chi-tiết, đáng làm đầu-đề cho lời văn trào-phúng.

Văn-chương ngoại hạng không quan chăm,
Nhà cửa giao canh, nợ phải bồi.
Tin bạn hóa ra người thất thồ.
Vì ai nên nổi chịu làm voi.

Khi bị bạn chiếm mất chiếc ô, ông đã viết ra mấy câu thương tiếc đầy ý-nghị :

Hôm qua, anh đến chơi đây,
Giày đôn anh diện, ô tay anh cầm.
Rạng ngày sang trống canh năm,
Anh dậy, em vẫn còn nằm trơ-trơ.
Hỏi ô ô mất bao giờ,
Hỏi em, em những ăm-ờ không thưa.
Sợ khi rày gió mai mưa,
Lấy gì đi sớm về trưa với tình.

Còn lúc hồng thi, ông cũng buồn, nhưng vẫn giữ một giọng giễu-cợt :

Ngày mai tờ hồng tờ đi ngay,
Cúng giỗ từ đây nhớ lấy ngày.
Học đã sỏi cơm, nhưng chưa chín,
Thì không ăn ớt, thế mà cay.

Sách đèn phó mặc đàn con trẻ,
Thưng dẫu nhờ tay một mẹ mày.
Cống hi, mét xì, thông mọi tiếng,
Chẳng sang Tàu, tó cũng sang Tây.

Hơn nữa, ông vẫn coi thường những kẻ thiếu tài năng, mà đã trúng
tuyền để dàng :

Hai đứa tranh nhau cái thủ-khoa,
Đứa khoe văn-hoạt, đứa văn-già.
Năm nay đỗ rất phương hay chữ,
Kìa bác Lê kìa cũng thứ ba!

Thực ra, ông đã là khách tài-hoa, học rộng, biết nhiều, kẻ thức-
giả đương thời không mấy ai là không biết. Trong truyện, ông đã
ám chỉ vị phòng thành tên là Pháo, tức là ông Thành Pháo, trong mấy
câu vịnh một vấn tam cục như sau :

Tượng, tượng, xe, xe, phá lè rồi,
Sĩ đen, sĩ đỏ chẳng thành đôi.
Đố ai biết ngỏ quán nào kết ?
Má đã chut, rồi tốt cũng chui.

Tam-nguyên Yên-dò, khi đọc qua bài này, đã phải lắc đầu khen
ngợi, mà than rằng : « Vĩ - Xuyên thật có thi tài quán thiên hạ. Tiếc vì
không có phận mà thôi. »

Ông không đạt được công-danh, nhưng tự tín, tự cường, khinh rẻ
những kẻ làm nên, mà không xứng đáng :

Ở phố hàng Song, thật lắm quan,
Thành thì đen kịt, Đốc thì lang.
Chồng chung vợ chạ, kìa cô Bó.
Đậu lại quan xin, nợ chú Hàn.

Viên phòng thành vốn là một kẻ vô học, nhưng giàu có, được
quan trên thương yêu, cất lên chức đó. Ông Đốc học hồi đó, mặt có
nhiều vết lang trắng, mà hành vi lại thiếu phần mô phạm. Cô Bó đã có
tiếng là hư hỏng, mà chú Hàn thì đã chịu len lỏi, mới được chút
phần hàm.

Như vậy, một vài vị đã hiểu lầm, khi chê Tú Xương là đã thờ
văn than dài, vì không được chút công-danh phú-quí. Thực ra, nhà văn
sông Vĩ có đầu lại tâm-thường như kia. Ông chỉ tự giễu cợt bằng những
lời tả chân, nhưng đã luôn luôn giữ được mực thanh-cao, quân-tử, vì đã tin-
trởng ở đạo làm người. Nghèo túng, thi hồng, mất nhà, mất cửa, mà vẫn
hiên-ngang ngăm vịnh, một niềm chung thủy, chí-trách những thói xấu tật
hư, để bảo vệ cương-thường, phải chăng đó là một tấm gương, chẳng gọn
chút trần-ai ?

II .— Lòng tha-thiết với gia-đình :

Là một nhà Nho, Trần-tế-Xương không thể không tha-thiết với gia-
đình, vì không ít thì nhiều, kẻ trí-thức, dù tới thời nay, vẫn chịu ảnh-
hưởng của bốn chữ tu, tề, trị, bình. Cũng vì vậy, ông đã ước-mong trả
nợ bút nghiên, để làm đẹp lòng cha mẹ :

Mở mắt quyết cho vua chúa biết,
Mua danh khéo nữa mẹ cha già.

Với hai câu này, ta thấy ông tôn-kính song thân bao nhiêu, thì lại
tự kiêu với vua quan bấy nhiêu : ông chỉ muốn cho họ biết tới ông, chứ
chẳng hề cầu xin gì.

Khi thiếu-thốn, ông tránh lòng nghĩ tới vợ con nheo-nhóc, kém cả các bạn
tôi dòi :

Vợ lăm-le ở vú,
Con tấp-tênh đi bồi !

Rồi ông lại tự trách mình, sao không cố đi tìm công việc, để tránh
nỗi nghèo-nàn :

.....
Biết thân thuở trước đi lam quách,
Chẳng kị, không thông cũng cậu bồi.

Nhưng lẽ tự nhiên, đó chỉ là một ước vọng dầy mìa mai, chua xót,
ta không thể tưởng lầm, là một điều mong mỏi thực.

Trần tế Xương lại một niềm quý thương người bạn tấm cám, —
một trong những trang phụ nữ thời xưa, đã tận tụy hy sinh cho chồng
con, đáng nêu gương sáng ngàn đời. Ông đã nhiều lần nhắc nhớ tới
vị nội trợ đảm-dang, mà Trần-thanh-Mại, trong cuốn « Trống giồng sông Vĩ »,
đã coi là một « thiên-thần » :

« Mặt nhẵn-nhụi, chân tay trắng-trẻo, ai dám chê răng béo
răng gầy ;

Người ung-dung, tính-hạnh khoan-hòa, chỉ một bệnh hay gàn,
hay dở. »

« Đầu sông bãi bến, đua tài buôn chín bán mười,
Trong họ ngoài làng, vụng lẽ chào vơi nói thợ... »

Ông đã tặng bà Tú, cả một bài đường-luật :

Quanh năm buôn bán ở móm sông,

Nuôi-nấng năm con với một chồng.

Lặn-lội thân cò khi quãng vắng,

Eo-sèo mặt nước lúc đò đông.

Một duyên hai nợ, âu đành phận,

Năm nắng mười mưa, dám quản công.

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,

Có chồng, hờ-hững cũng như không.

Lúc làm câu đối dán Tết, ông lại vui đùa nhắc tới nội-nhân :

Nhập thể cục bất khả vô văn tự.

Chẳng hay ho cũng phải nghĩ một bài.

Hướng chi mình đã đỡ tú-tài,

Ngày tết đến cũng phải một hai câu đối.

Đối rằng :

Cục nhân-gian chi phạm giá, phong nguyệt tình hoài ;

Tối thể-thượng chi phong-lưu, giang-hồ khí cốt.

Viết vào giấy dán ngay lên cột,

Hỏi mẹ mày rằng đối hay hay ?

Rằng : hay thì thật là hay,

Chẳng hay sao lại đỡ ngay tú-tài.

Xưa nay em vẫn chịu ngài.

Bà Tú Xương đã mất năm 1931, sau bao nhiêu năm goá-bụa. Á-nam
Trần-tuần-Khải đã kính viếng, bằng mấy vần như sau :

Hơn sáu mươi năm đất Vĩ-Hoàng,

Vợ hiền, mẹ đức đã treo gương.

Ném chung trời Việt trăm cay đắng,

Vững với non Côi một mối giương.

Bia miệng đá lừng trang khôn-phạm,

Nếp nhà không thẹn tiếng văn-chương.

Tấm thân tuy thác, danh nào thác,

Hồn có thơm lây chốn suối vàng.

II.— Tinh-thần dân-tộc :

Một kẻ tài-hoa lối-lạc, và chí-khí hiên-ngang như ông, đâu có thể thờ-
ơ, lãnh-dạm, với non sông, đất nước, trong khi ngoại-tộc tới xâm-lãng.
Nhưng dưới một chính-thể chuyên-chế, mà cảnh-sát cùng mật-thám luôn luôn
dò xét, ông đã phải dè-dặt, giữ-gìn, không thể tỏ rõ nỗi lòng :

Đi thi, đi cử, các thầy nhỏ,

Ta dặn điều này phải nhớ cho.

Ra phố, khần ngang quàng lấy mặt,

Vào trường, quần rộng xắn lên khu.

Câu văn đặc ý đừng ngui ngùi,

Chén rượu mềm môi chớ gât gù.

Nghe nói khoa này, nghiêm-cấm lắm,

Đêm hôm phải sợ phép quan cò ! ...

Vì vậy, ông đã kín-đáo than :

Tình này ai tỏ cho ta nhỉ ?

Tâm-sự năm canh, một ngọn đèn.

hay :

Trời không chớp bề với mưa nguồn,

Đêm nào đếm nao, tớ cũng buồn.

Bối-rối tình-duyên con gió thoảng,

Nhặt pèo quang-cảnh bóng trăng suông.

Rồi, ông đã mượn cảnh đại-hạn mà nhắc-nhở tới nước non, hay cảnh
lạc đường, mà tỏ lòng mong đợi :

ĐẠI HẠN

Ngày nay đá nát với vàng thối, (1)

Thiên hạ mong mưa đứng lại ngồi.

Ngày trước biết gì ăn với ngủ,

Bây giờ lo cả nước cùng ngồi.

Trâu mừng ruộng nẻ cày không được,

Cá sợ ao khô vượt cá rời.

Tình-cảnh nhà ai, nông-nối ấy,

Quạt mo phe-phây mọi mình tôi.

LẠC ĐƯỜNG

Một mình đứng giữa quang bơ-ơ,

Có gặp ai không để đợi chờ.

Nước biếc non xanh, coi vắng-vẻ,

Kẻ đi người lại, dáng bơ-phờ.

Gọi người (2) chỉ thấy non xanh ngắt,

Đợi nước càng thêm tóc bạc phơ.

Đường đã thăm chừng, đã muộn-quách (3),

Biết đâu mà ngóng đến bao giờ!

Khi vịnh kẻ lên đồng, ông chỉ-trích người mê-tín, rồi mĩa-mai:

Đồng giời sao đồng không giúp nước,

Hay là đồng sợ sủng thần-công?

Trong truyền thống chín năm Đinh-Dậu (1897), Phan-bội-Châu đã tới tìm Trần-tế-Xương ở Nam-dĩnh; và khi được mời uống rượu, thì Phan-Sào-Nam đã nói ý:

— Tôi không muốn uống rượu... Xin cho nước thì hơn.

Rồi hai bạn đồng-chí lại cùng nhau gặp-gỡ lần thứ hai, vào khoảng tháng giêng năm Nhâm-dần, tức tháng hai năm 1902 dương-lịch.

(1) Có sách chép: với vàng phai

(2) Có sách chép: Hỏi người...

(3) Có nơi ghi: Đường đất xa xôi ai mách báo?

Ba năm sau, nhà chí-sĩ Đặng-từ-Mãn xuất-duyên, tới Quảng-dông, tìm Phan-bội-Châu, và đã đọc lại một bài thơ, do Trần-tế-Xương làm để nhân gửi họ Phan:

Mấy năm vượt bể lại trào non,

Em hỏi thăm qua bác hãy còn.

Mái tóc giáp-thìn đã nhuộm tuyết,

Điền đầu canh-tí chưa phai son (1).

Vá trời gặp hội mấy năm về,

Lấp bể ra công đất một hòn.

Có phải như ai mà chẳng chết,

Giang tay chống vững cột càn-khôn.

Nghe xong, Phan-Sào-Nam, tỏ vẻ mơ-màng, nghĩ-ngợi, rồi ngâm-ngùi bảo ông Đặng:

— Từ-Mãn, có hiểu chăng nỗi đau lòng của kẻ được nhân-nhe, mà không thể sao đáp lại, để tạ người tri-ký.

Rồi cả hai khách giang-hồ đã yên-lặng, cùng nhìn về phía trời Nam, xa-xôi, hiu-quạnh...

Trần-tế-Xương còn làm một bài thứ hai, nhưng Đặng-từ-Mãn không thuộc lòng:

Ta nhớ người xa cách núi sông,

Người xa xa lắm, nhớ ta không?

Sao đương vui-vẻ ra buồn-bã,

Vừa mới quen nhau, đã lạ-lùng.

Khi nhớ, nhớ càng trong mộng-tưởng,

Nỗi riêng, riêng đến cả tình-chung.

Tương-tu lợ phải là trai gái,

Một ngọn đèn xanh, trông đêm thừng.

Nhớ ai, là vì cùng theo một mộng-tưởng: trả nợ non sông; nhưng sự ưu-ái kia, tuy là một mối tình-chung, mà không thể nói ra, cứ phải coi như một nỗi riêng, canh cánh bên lòng, thật là đáng giận biết chừng nào!

(1) Năm canh-tí, Thành-Thái thứ XII (1.900) là năm Phan-bội-Châu đậu Thủ-khoa trường Nghệ. Năm Giáp-thìn, Thành-Thái thứ XVI (1.904), họ Phan xuất-duyên (tài-liệu lấy trong cuốn Trùng giòng Sông Vị).

Xét ra, có hai đường lối chính đề phụng sự giang-sơn : hoặc trực-tiếp chống lại kẻ thù chung, bằng cách đề kháng ở trong nước hay ngoài nước, hoặc gián-tiếp thức-tỉnh đồng-bào, bằng cách tố cáo những điều lỗi-lầm, bất công hay bi-đi. Phải chăng, Trần-tế-Xương, đã áp-dụng' phương sách thứ hai ?

Trước hết, ông đã mô-bà sự lơ-dờ của nhà Nho :

Nào có hay gì các chữ nho,
Ông nghề ông công cũng năm co.
Chỉ bằng đi học làm ông Phán,
Tốt rượu sâm-banh, sáng sửa bò...

hoặc :

Cổ hàng bán sách lư-rim ngũ,
Thầy khoa tư lượng nhập-nhôm ngồi...

Thấy kẻ hay chữ không còn được trọng-dụng, ông mỉa-mai ao-ước xoay ra nghề võ :

Người báo ông điên, ông chẳng điên,
Ông thương ông tiếc hóa ông phiền.
Kẻ yêu người ghét, hay gì chữ,
Đưa trọng thăng kình cũng vị tiền.
Ở biển ngạt-ngùng con lớt lạch,
Được voi tập-tên muốn đòi tiền.
Khi cười, khi khóc, khi than-thở,
Muốn bỏ văn chương, học võ biển !

Rồi, trước những cảnh đảo-diễn của thời-cực, ông không ngại ghi chép những điều mắt thấy tai nghe, đề ai nấy hiểu rõ « những hạt giống văn-minh », do bên ngoài mang tới !

Đây là một cô tây xuất gia đầu Phật :

Rút cái mẽ-day ném xuống sông.
Thôi thôi, tôi cũng mét-xi ông.
Ấu đành chùa đó, ấu đành phật,
Cũng chẳng con chi, cũng chẳng chồng.
Chớ thấy cầu kình mà mặc kệ,

Ai ngờ chữ sắc hóa ra không.
Tôi đây cũng muốn như cô nhi,
Cái nợ trần duyên, rú chữa xong.

Kia, là một ông Cò, dựa vào quyền-thế người ngoại-tộc :
Hà-nam danh-giá nhất ông Cò,
Trông thấy, ai ai chẳng dám ho.

Ở ngay trước cửa thiền, cũng diễn những trò ô-trọc :
... Một thằng trọc tuếch-ngồi kìa mỗ,
Hai à tròn xoe đứng múa bông.
Thấp-thoáng bên đèn, lên bóng cẩu,
Thướt-tha dưới án, nguýt sư ông...

Đến nỗi, kẻ tu hành mà sa vào vòng pháp-luật :
Quảng-đại từ-bi cũng phải tù,
Hay là sự-cụ vụng đường tu ?
Tụng kinh cứu khổ ba trăm quyển,
Ý hân còn quên một phép phù !
Còn nhiều người giàu sang phú quý, thì :
Chồng chung vợ chạ, kìa cô Bó,
Đậu lại quan xin, nợ chú Hàn.

Họ còn năm thiếp, bảy thê, nên Trần-tế-Xương đã nhần-nhủ :
Ai về nhần bảo đàn em bé,
Có ế thì tu chớ chớ chung.

Hơn nữa, vịnh một ông Phủ, ông đã phải kêu :
Chứ y, chữ chiêu không phê đến,
Ông chỉ phê ngay một chữ tiền.

Từ thời đó, đã bày ra cảnh-tượng, mà sau này, Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu tóm tắt, bằng một lời than-thở :

Văn-minh Đông-Á, trời thâu sạch,
Ngày lúc cương thường đảo ngược ru ?

Trần-tế-Xương đã trả tợn với đại-chúng, nên đã nhận rõ những sự éo-le thường nhật, mà ông đã ghi chép bằng những nét bút bình-dân, nhưng

vô cùng sâu cay, chua chát ! Ông là nhà văn trào phúng, tra giọng trớ trêu, cợt nhả, song ông đã cười ra nước mắt trước những cảnh đau lòng... Phải chăng vì vậy, mà ông đã từng phóng lạng, đề tiêu sậu vạ cồ.

o o

Dù chẳng có chút danh gì với núi sông, lại gặp bao nỗi gian-truân về vật chất, Trần-tế-Xương đã giữ vững tinh-thần dân-tộc. Ông đã cảm-thông với dân-chúng, dùng tiếng nói của dân-chúng, tha-thiết với gia đình đất nước như dân chúng, lại đã nêu ra những sự tai-hại của chính-thê ngoại-lai, và nhân đó, đã gián-tiếp thúc-dây đồng-bào trên chính-nghĩa. Thi-văn của ông vừa giản-dị, bình-dân, vừa dí-dỏm, tài-tình, vừa mỉa-mai, ý-nhị, thật đáng được lưu-truyền muôn thuở để thức-tỉnh giống nòi.



HÁN HỌC

(Theo văn bài « Hán học thời nay »)

Nguyên-văn của Trần-Tế-Xương

*Hán học thời nay hồng mắt rồi.
Mười người đi học, chín người thôi.
Cô hàng bán sách ltm-dim ngủ,
Thầy Khóa tư lương nhấp-nhôm ngồi.
Sĩ khí rụt rè, gà phật cáo,
Văn chương liều lĩnh, dấm ăn sôi.
Tội đầu dám mĩa làng tôi thế,
Trình có quan Tiên, Thúc chỉ tôi.*

BÀI HỌA

*Hán học đời ông đã thế rồi,
Rồi sau chẳng những thế mà thôi.
Sách nhỏ dù sẵn người Tàu bán,
Trường học nào đâu cụ Khóa ngồi ?
Chỉ mắt gang nung và thép luyện,
Còn ai sử nấu với kính sôi ?
Suốt vàng tương cũng không hơn thế,
Cụ trở về đây với chúng tôi !*

Tô Nam

GUONG NGHĨA-LIỆT

NGUYỄN-BIÊU

ăn cỗ đầu người

(Viết nhân ngày kỷ-niệm Nguyễn-Biêu, mùng 1 tháng 7
năm Bình-Thần, tức 6-8-1956)

của HOÀI-QUANG

HÀNG năm, cứ đến ngày mùng một tháng bảy âm-lịch, dân vùng Nghệ-Tĩnh ai là người tâm-huyết cũng nhớ kỷ-niệm tinh-thần bất-khuất và cao cả của Đức Thánh Nghĩa-vương, một vị danh-thần đời Hậu-Trần, có đền thờ ở làng Yên-hồ, cách Vinh chừng 13 cây số. Vậy đức thánh đó là ai, có công-trạng gì với đất nước, mà dân-gian thành-tâm sùng-bái như vậy ?

Chính vị này họ Nguyễn, húy Biêu, người làng Bình-Hồ, huyện Chi-là (nay thuộc xã Yên-hồ, huyện La-sơn, đồng-ly với phủ Đức-Thọ, tỉnh Hà-Tĩnh), đậu Thái-học-sinh (1) cuối đời Trần, làm quan đến chức Điện-tiền-thị ngự-sứ. Ông hết lòng giúp vua Trần-Trùng-Quang (tức Trần-Quý-Khoách) trong việc phục-quốc, tính rất cương-trực, gặp việc gì thì quả-quyết nói ngay.

Trước hồi bấy giờ độ sáu bảy năm, nhà Minh đã bắt cha con Hồ quý-Ly (1407), đặt quan cai trị, cố ý chiếm giữ nước ta. Tháng mười năm đó, con thứ vua Trần-nghệ-Tôn, là Giản-định-vương-Quy, khởi-nghĩa đánh quân Minh và nhờ sức hai ông, Đặng-Tất và Nguyễn-cảnh-Chân, đã thắng được vài trận nhỏ. Về sau, Giản-Định nghe lời dèm pha, giết mất hai vị công-thần này (1409), lòng người sinh chán ngán, không ai muốn giúp nữa. Bấy giờ, con ông Đặng-Tất là Đặng-Dung và con ông Nguyễn-cảnh-Chân là Nguyễn-cảnh-Dị đều bỏ vua Giản-Định và đi đón cháu vua Trần-nghệ-Tôn

(1) Tiên-sĩ

là Trần-quý-Khoách về Nghệ-an, lập làm vua ở hạt Chi-La (thuộc huyện La-Son), đời niên-hiệu là Trùng-Quang.

Vua Trùng-Quang bèn sai tướng lên bắt Giản-Định về Nghệ-an và tôn lên làm Thái-Thượng-hoàng, tính cùng lo việc khôi-phục nhà Trần. Không bao lâu, Giản-Định rồi bị tướng nhà Minh là Trương-Phụ bắt được, giải về Kim-Lãng. Về phần tướng sĩ của vua Trùng-Quang, giao-chiến với quân Minh mấy lần, song không được toàn thắng trận nào.

Năm Quý-tỵ (1413), quân sĩ mệt mỏi và lương-thực cạn dần, vua Trùng-Quang đành phải dời quân vào Hóa-châu, tức Thuận-hóa (Thừa-thiên). Lúc bấy giờ, vua Minh-Thái-Tổ sai quan sang trấn - thủ Nghệ-an và hạ chiếu dụ quan lại nước ta.

Biết mình thế yếu, vua Trùng-Quang bèn dựa theo lời chiếu dụ của vua nhà Minh, lựa người đi sứ cầu - phong với quân thù, chủ ý tìm kế hoán-bình. Thời ấy, Nguyễn-Biêu giữ chức ngự-sứ, và được vua tin dùng lắm. Khi vua cử ông đi sứ, ông khàng khái lĩnh mệnh, dù biết rằng công việc vô cùng khó khăn, nguy hiểm (1). Tương truyền rằng : cảm kích vì lòng trung nghĩa của ông, nhà vua có ngự tặng một bài thơ quốc-âm như sau, trước khi ông ra đi :

*Mấy vần thơ cũ ngợi hoàng-hoa,
Trình-trọng rầy nhân dựng khức ca.
Chiếu phượng mượn hàng tơ cặn kẻ,
Vó câu ngàn dặm tuyết xông pha.
Tang-bồng đã bắm lòng khi trẻ,
Khương-quế thêm cay tính tuổi già.
Việc nước một mai công ngộ vẹn,
Các lân danh-tiếng đợi lâu xa.*

(1) Theo sách Khâm-dịnh Việt-sử chép, thì trước kia vua Trùng-Quang đã sai quan Hành-khiển Nguyễn-Nhật-Tur và quan Thâm-hình Lê-Ngân sang Tàu để cầu-phong với vua Minh. Vua Minh giết sứ đi. Đến năm 1411, vua Trùng-Quang lại sai quan Hành-khiển Hồ-ngạn-Thần và quan Thâm-hình Bùi-nột-Ngôn sang cầu-phong lần nữa. Vua Minh phong cho vua Trùng-Quang làm Giao-chí Bồ-chánh và Hồ -ngạn-Thần làm tri-phủ Nghệ-An. Nhưng vua Trùng-Quang giết bọn Hồ-ngạn-Thần, vì bọn này đã tiết-lộ việc nước và đã nhận quan-chức của vua Minh. Lần này là lần thứ ba (n. 1413), vua Trùng-Quang cử người đi sứ cầu-phong.

Cảm lòng tri-ngộ của nhà vua, ông đã phụng-họa lại :

*Tiếng ngọc từ vầng trước bệ hoa,
Ngóng tai đồng-ọng thuở thi-ca.
Đường mây vó kỷ lần lần trái,
Át tuyết cờ mao thốc thốc pha.
Há một cung tên lồng chí trẻ,
Bọt mưôi vầng sắt đúc gan già.
Hồ mình và thiếu tài chuyên đổi,
Dịch-lộ bá ngàn dăm ngại xa.*

Vì làng ông ở gần Thành-son (1), chỗ đóng trại của tướng nhà Minh (Trương-Phụ), nên khi ở Hóa-châu ra, ông tiện dịp qua về làng, bái-yết tổ-tiên, sau mới sang hội-kiến với Trương-Phụ.

Theo bài *Nghĩa-sĩ truyện* (2), khi ông tới trước mặt Trương-Phụ, quân giặc bắt ông lay. Ông đứng tro tro, không nhúc-nhích. Đề thử thách, Trương-Phụ đặt tiệc thết-dãi ông, cho nấu một thứ cá giống hệt đầu, người (3) đặt lên mâm và mời ông ăn, có ý để ông làm đó là đầu người mà khiếp-dảm. Chiếc đầu người già đã chín nục, nòi lènh-bènh trong một phụng canh lớn. Không nao-núng chút nào, ông ung-dung cười và nói rằng :

« *Đã mấy khi người Nam được ăn đầu quân Ngô !* »

Tức thì ông cầm lấy đĩa, khoét hai mắt, hòa với giấm mà nuốt, ăn uống ra vẻ tự-nhiên và ngon lành lắm. Ngồi trước mâm cỗ rùng rợn, ông còn hào-hứng ngâm bài thơ tức - cảnh như sau :

*Ngọc-thiện, trần tu đã đủ mùt,
Già hào thêm có cổ đầu người.
Nem công (4) chả phượng còn thua béo,
Thịt gấu (5) gan lân chẳng kếm tươi.*

(1) Tướng-sĩ nhà Minh đóng quân và đắp thành trên núi Nghĩa-Liệt, một ngọn núi nhỏ, cao độ 170 thước tây, đột-khởi ở phía nam thành-phố Vinh, trên bờ sông Lam-Giang. Ngọn núi này có nhiều tên : Hùng-son, Tuyên-nghĩa-son, Đồng-trụ-son, Lam-thành-son và Thành-son. Tên nôm còn gọi là Rú Thành hay Rú Rùm.

(2) Bài « Nghĩa-sĩ truyện » kể lại tiểu-sử của ông, do người cháu ngoại ông chép lại, tức ông Hoàng-Trừng, đỗ đầu Hoàng-Giáp đời vua Lê-Hiến-Tôn năm 1498, đồng-khoa với ông Bàng-nhân Lương-đắc-Bàng.

(3) Theo sách Tâm-nguyên từ-diễn của Ô. Bửu-Kế.

(4) Tức là nem công.

(5) Tức là thịt gấu.

*Cá lỡi lộc-minh so cũng một,
Vật bày thô-thù bội hơn mười.
Kìa kìa ngon ngọt tày uoi lợn,
Tráng-sĩ như Phàn (1) tiếng đề đời (2)*

Trương-Phụ bất-bình lắm, nhưng lòng riêng vẫn kính-nể cái khí-phách hiên-ngang của ông. Phụ thốt lời than rằng : « Thấy thế mà không kính sợ, thực là một tráng-sĩ ! »

Biết rằng không thể uy-hiệp được ông, Trương-Phụ đã lấy lễ mà mời ông về (3).

Ông về tới cầu Lam (4), chợt có quân Minh đi đường tắt đuổi theo bắt lại. Nguyên khi ấy, có tên Phan-Liêu là con tên hàng-thần Phan-quí-Hựu, người làng Bàn-thạch, huyện Thạch-hà. (5), được giặc cho làm tri-châu Nghệ-an (6) và hay cùng giặc đi lại bàn bạc đêm pha. Thấy Trương-Phụ tha ông Nguyễn-Biêu về, Phan-Liêu vội vàng xúi bầy rằng : « Người ấy là một bậc hào-khiet của nước Nam. Nếu muốn lấy nước Nam, mà lại thả người này ra, thì đại-sự làm sao xong được ! »

Trương-Phụ cho là phải, mới vội sai quân theo bắt ông trở lại. Ông tự đoán chắc là phải giết, bèn cắn ngón tay lấy máu viết vào cột cầu Lam tám chữ như sau :

« Thất-nguyệt sơ nhất nhật, Nguyễn-Biêu tử » (7)

(Nghĩa là : ngày mùng một tháng bảy, Nguyễn-Biêu mất).

Khi ông trở lại, Trương-Phụ trách ông vô-lễ, quân hầu lại bắt ông lay. Ông càng không chịu khuất, lòng phẫn-uất càng bùng-bột, tròn xoe đôi mắt và đống đặc mảng Trương-Phụ thậm-tệ :

(1) Phàn-Khoái, danh-tướng của Hán Cao-Tô, lúc hàn-vi, làm nghề đồ-iễ. Trương-truyền rằng ông đã có lần uống rượu với thịt sống một cách rất tự-nhiên.

(2) Có người cho rằng không chắc bài này đã phải của Nguyễn-Biêu làm ra. Cả đến 2 bài xướng họa giữa nhà vua và Nguyễn-Biêu, lúc ông này sắp đi sứ, cũng không hẳn là có thực ; người ta ngỡ rằng có lẽ người đời sau đã làm mấy bài thơ nói trên để thi-vi-hóa câu chuyện cho thêm vẻ đậm-dà, cảm-động chăng ? Đó cũng là một giả-thuyết xin nêu ra đây để độc-giả được rõ.

(3) Trong sử không thấy nói Trương-Phụ có chịu nhận lời cầu phong của vua Trưng-Quang không.

(4) Cầu này ở cạnh chân núi Nghĩa-Liệt.

(5) Nay thuộc phủ Thạch-hà, tỉnh Hà-Tĩnh.

(6) Có lẽ như Tống-Độc hay tỉnh-trưởng bấy giờ,

(7) Cũng có sách chép là ông viết chín chữ : « Thất nguyệt sơ nhất nhật, thần Nguyễn-Biêu tử » ý để báo tin cho vua Trưng-Quang biết sự tử-tiết của mình.

« Bay giã-danh bề ngoài phao tin đem quân sang ta để làm việc nhân-nghĩa, mà kỳ thực bề trong bay tìm mưu kế để cướp đất nước ta. Bay đã hứa lập con cháu nhà Trần mà lại đặt bày ra quận huyện để cai-trị nước Nam. Đã cướp của cải, lại còn tàn-hại nhân-dân, thật là đồ giặc dữ làm cần. » (1)

Trương-Phụ giận lắm, sai trói ông dưới cầu Lam, trước cửa chùa Yên-Quốc rồi đánh chết.

Bài *Nghĩa-sĩ truyện* nói trên thuật lại như thế ; song người chép lại bài này còn chưa thêm rằng : « Trương-Phụ nổi giận, sai trói ông dưới cầu Lam. Ba ngày nước thủy-triều không lên tới đó, còn ông vẫn luôn miệng mắng nhiếc Trương-Phụ không dứt tiếng. Phụ ngờ có thần giúp sức ông, bèn cho cởi trói và đem ông về trói trước cửa chùa Yên-Quốc, rồi đánh chết » (2).

Sau khi ông mất, Trương-Phụ còn giã-danh vì nghĩa lấy hậu-lễ đem di-hài ông về táng ở làng Bình-Hồ. (3)

Vua Trưng-Quang nghe tin ấy, đau đớn thương tiếc vô cùng, và có làm bài văn-tế nôm như sau :

Than rằng :

Sinh sinh hóa hóa, cơ huyền-tạo mờ mờ ; sắc sắc không không, bụi hồng-trần phơi-phối,

Bất cộng thù, thiên-địa chứng cho ; vô cùng hận, quý thần thế với.

Nhớ thuở Tiên-sinh :

Cao đo mạo (mũ) trạc, chằm chằm ở ngôi đật-gián, đành làm cột đá để ngăn dòng ;

Tới khi Tiên-sinh :

Xa gác vó câu, hăm-hăm chỉ cán cờ mao, bỗng trở gió vàng bèn nên nổi.

'Thôi tinh-chiên Hồ-tặc chín ham ; gan thiết-thạch Tô-công dễ đời.

Quan-Vân-Trường gặp Lã-Mông. dễ sa cơ ấy, mảng thấy chú

(1) Theo sách Khâm-dịnh Việt-sử chép, thì lại nói Trương-Phụ muốn bắt giữ ông lại, ông nổi giận và mắng nhiếc như trên.

(2) Trong hai tấm bia dựng ở sân đền thờ ông tại làng Yên-hồ cũng đều ghi chép như vậy.

(3) Bấy giờ King ông Nguyễn-Biêu ở ngay trước đền thờ ông.

« phệ tề hà cập » (1), dạ những ngùi ngùi ; Lưu-Huyền-Đức giận Lục-Tồn mong giã thù này, nghĩ đến câu « thường đàm bát vong », (2) lòng thêm dột dột.

Sầu kia khôn lấp cạn dòng ; thắm nọ dễ xây nên núi.

Lấy chi báo chưng hậu-đức, rượu kim-lương một lọ, vơi vơi
mượn chúc ba tuần ; lấy chi ủy thừa phương-hồn, vẫn du-tế mấy
câu, thăm thăm ngộ thông chín suối.

Cái chết khặng-khái của ông khiến cả vị sư chùa Yên-quốc hồi đó
cảm-thán, và đã làm bài kệ như sau (3) đề ca-tụng cái khí-tiết của ông:

Chốt chốt một vòng tuệ-nhật, ùn ùn mấy đóa từ-vân.

Tam-giới sot-hòa trên dưới ; thập-phương trái khắp xa gần...

Giải-thoát lần lần nghiệp-chướng ; quang-khát chốn chốn mê-tân.

Trần-quốc xây vùa mặt-tạo ; sứ-hoa bằng có trung-thần.

Vàng đúc lòng son một tấm ; sắt rèn liết cẳng mười phần.

Trần-kiếp vì đâu oan khổ ; phương-hồn đến nỗi trầm-luân.

Tê-độ dạn nhờ từ-phật ; chán-linh ngộ được phúc-thần.

Theo lời chép trong Nghĩa-sĩ truyện, về sau khi vua Lê-Thái-Tô
khởi-nghĩa ở Lam-son, cùng quân Minh đánh nhau ở Bình-Tham (thuộc
xã Trần-xá, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương), ông Nguyễn-Biêu có báo mộng
sẽ đến giúp nhà vua. Quả nhiên, quân Minh thua to trận này. Vì có
âm-công đó, nên vua Lê-Thái-Tô, sau khi đại-dịnh thiên-hạ, có hạ-chiếu
lập đền thờ ông ở làng cũ, sắc-phong là Nghĩa-liệt hiển-ứng uy-linh trợ
thuận đại-thần, sai quan mỗi năm về tế. Các đời vua sau (triều nhà Hậu,
Lê và nhà Nguyễn) đều có ban sắc và phong tặng thêm là Nghĩa-sĩ
đại-vương.

Về phần con cháu Nguyễn-Biêu, đời nào cũng có người quý-hiền,
nhân-dân tin rằng vì lòng nghĩa-liệt của ông, mà trời báo đáp.

o o

Trông nhờ vào ngoại-bang để khôi-phục lại chủ-quyền, đó là câu chuyện
mơ hồ, để bị quân xâm-quyệt tham-ô lợi - dụng. Vì thế, gặp khi quốc-gia

(1) Cẩn rồn không kịp.

(2) Ném mặt không quên.

(3) Bài kệ này xem có vẻ rất độc-sắc, và lối văn kệ này rất hiếm thấy trong các
tập văn-tuyển Việt-Nam.

Cũng như mấy bài thơ nói trên, có người ngờ rằng bài văn-tế và bài văn kệ này
không phải của vua Trùng-Quang và của vị sư chùa Yên-quốc thảo soạn ; có khi cũng
của người đời sau làm ra chăng ?

hữu biến về đời Trần-mạt, những bậc hào-khiet có tâm-huyết, muốn phục-
hưng đất nước, đều nghĩ đến chuyện tự dùng sức mình để tự cứu, rồi nếu
thời-cơ thuận-tiên, trời sẽ giúp thêm. Phải chăng nghĩ vậy, nên các bậc
có khí-tiết như ông Nguyễn-Biêu, Đặng-Tất, Đặng-Dung, v.v... đều theo
về giúp cuộc khởi-nghĩa của vua Gian-Định và Trùng-Quang. Chỉ vì thời
vận ngang trở, lòng người ly tán, kẻ cầm đầu lại thiếu tài cao chí lớn,
nên lận-dận bao nhiêu năm, các vị đó vẫn chưa chiến-thắng được quân-giặc,
nhà vua mấy phen cầu - phong để tìm kế hoãn-bình, việc vẫn không thành.
Riêng về việc ông Nguyễn-Biêu đi sứ cầu phong, tuy sứ mệnh chưa đưa
tới kết quả mong muốn, nhưng ông đã làm rạng - rỡ lòng nghĩa-dũng của
người Việt, và nêu cao khí-tiết của ông, bình tĩnh ngang nhiên trước sự
hăm dọa ngọt-nghe của quân thù, làm cho tướng nhà Minh, ngoài dù tỏ vẻ
giận dữ mà trong thâm tâm vẫn e-dè nề sợ ông. Thường tình, ai cũng
sợ chết, thế mà ông đã có gan dạ, can tay lấy máu viết mấy chữ, ghi
sẵn ngày chết ở cột cầu. Đã coi thường cái chết, lại còn sai khiến
cái chết, đưa cái chết của ông vào chỗ oanh-liệt hùng - tráng, âu cũng
là một việc xưa nay ít đã có ai làm nổi. Những lời cương trực ông thốt
ra thõng-mạ quân giặc, vạch rõ manh-tâm xấu xa của chúng thường chỉ
giả nhân giả nghĩa, rình cơ hội tốt để xâm lược đất nước ta, làm cho
quân thù có tật giật mình, không dám coi thường dân-khí người Việt.
Đồng thời, những lời nói danh-thếp của ông đã có tiếng vang rất lớn,
làm phấn-khởi tinh-thần chiến-đấu và chí phục-quốc của dân ta hồi đó.
Phải chăng vì thân-phục và chịu ảnh-hưởng sâu rộng về hành - vi dũng-
liệt của Nghĩa-sĩ đại-vương, nên vị anh-hùng áo vải non Lam, năm sáu
năm về sau (1418) đã phất cờ khởi nghĩa, giết quân thù trong trận
Bình-Tham ? Biết đâu chính bởi thế, mới có câu chuyện nằm mơ thấy
Nguyễn-Biêu tới thăm.

Người đời sau đều cảm thán về hành-trạng của ông, nên đã làm thơ
đề-vịnh rất nhiều, nay xin lục đăng sau đây mấy bài để bạn đọc thưởng-lâm :

I

Nghĩa-sĩ từ đường hà xứ biên ?

Bình Hồ ngan-thượng hảo thiên thiên.

Nhất sinh trung-nghĩa hoa di kiến,

Vạn cổ cương-thường nhật nguyệt huyền.

Tứ-Thực vị vong do mạt Xê,

Văn-Son tuy tử bất hàng Yên.

Bình-Tham đại-bại Minh-nhân ế,

Chính thị Tiên-sinh sát tặc niên.

Hoàng-Giáp HOÀNG-TRÙNG

DỊCH - NGHĨA

*Nghĩa-sĩ từ đường ở chốn mô ?
Xanh xanh bất có bến Bình-Hồ,
Một đời trung nghĩa gần xa tỏ,
Muôn kiếp cương thường chờ lại phó.
Tứ-Thực hãy còn, còn mắng Xê,
Vấn-Sơn tuy khuất, khuất đầu Hồ.
Bình-Than một trận, Minh tan vỡ,
Chính lúc Tiên-sinh giết kẻ thù.*

HOÀNG-XUÂN-HÃN dịch

II

*Đông-A nhật mộ khí hoàng phân,
Mã sậu hoa-nguyên thuộc giấn-thần.
Năng diệp nhân đầu, năng diệp Phụ,
Thượng tôn ngô-thiệt, thượng tôn Trần.
Sở thanh mạ tặc, hưởng thiên-địa,
Cửu-tự đề kiều, khắp quý-thần.
Thê thâm Bình-Hồ thiên cồ miếu,
Y y chính-khí dẫn thanh-phần.*

Tri-Phủ NGUYỄN-TUÂN

DỊCH - NGHĨA

*Trời Đông-A tối, kéo mây vàng,
Việc sử thòt dành mặc gán-quan.
Hay nuốt đầu người, hay nuốt Phụ,
Hãy còn lười Biều, hãy còn Trần.
Vật cầu mắng giặc, trời vắng chuyền,
Chín chữ đề cầu quý khốc than.
Quanh què Bình-Hồ trơ cồ-miếu,
Mùi thơm chính-khí nác nhân-gian.*

HOÀNG-XUÂN-HÃN dịch

III

*Quần-trung sở ngữ lịch can-tràng,
Tráng chí quyền khu tráng quốc-quang.
Thiên-cồ Bình-Hồ linh-miếu tại,
Lê-Hoàng hữu đạo dị Minh-Hoàng.*

Vua TỰ-ĐỨC

DỊCH - NGHĨA

*Phơi gan mắng giặc lỗ lòng vàng,
Tráng-sĩ liêu minh, nước võ-quang.
Linh-miếu Bình-Hồ còn mãi đó,
Lê-hoàng có đạo khác Minh-hoàng.*

ĐẠI-AN dịch

Tài-liệu triết-học

LIÊN-TƯỞNG

của LẠC-ĐO

MỘT trong những khả-năng quan-hệ nhất trong đời sống tinh-thần của thể-nhân, là sức liên-tưởng. Nó làm cho ta nhớ lại việc cũ, hay căn-cứ vào thực-tế; mà suy rộng thêm ra, vậy giúp ích rất nhiều cho sự hiểu biết và trí sáng-suốt của cá-nhân, hay đoàn-thể. Vậy, thiết-tưởng nên biết qua hiện-trạng ấy, ngõ hầu có thể hướng-dẫn nó theo chính-nghĩa.

Liên-tưởng là khả-năng của một hiện-trạng tâm-lý, có thể làm nhớ lại một trạng-thái đã qua. Hiện-trạng làm ta nhớ lại việc cũ, thường gọi là một hiện-tượng dụ-đạo; trạng-thái được nhắc-nhở đến là một hiện-tượng cảm-ứng. Tỉ dụ, tôi nghe thấy hai chữ: vùng trăng. Hai tiếng ấy làm tôi liên-tưởng đến hai câu trong truyện Kiều, mà tôi đã một lần nghe đọc trong một túp lều tranh chốn thôn-quê:

« Vùng trăng ai sẽ làm đôi ?

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường... »

Sự nghe thấy mấy chữ vùng trăng là hiện-tượng dụ-đạo; việc nhớ tới câu văn trong truyện Kiều, là hiện-tượng cảm-ứng..

I.— CÁC HÌNH-THỨC LIÊN-TƯỞNG

Từ thượng cổ, Aristote đã phân tách ra ba thứ liên-tưởng, mà ngày nay đại đa số các triết-nhân đều công-nhận: liên-tưởng vì tiếp cận, liên-tưởng vì tương-tự và liên-tưởng vì tương phản.

— Hai trạng-thái tâm-lý cùng xảy ra một lúc, hay liên tiếp nhau, có thể nhắc nhớ lẫn nhau, mà tái hiện trong ký-ức ta. Như năm xưa, đi qua một phố nọ, tôi thấy một cụ đầu tóc bạc phơ, ung-dung ngồi bán mấy chồng sách chữ Nho. Hôm nay, vắng cảnh nơi đây, tôi lại hồi tưởng tới hình-ảnh cụ đồ nho ngồi bán sách... Hàng ngày, ta luôn

luôn liên-tưởng đến các hiện-tượng mà ta đã đồng thời hay liên-tiếp nhận thấy, trong không-gian hay thời-gian. Tỉ dụ, nhớ tới lớp học cũ, tôi lại hình dung, ra chiếc bảng đen treo trên tường, hay hai dãy bàn ghế của học-sinh... Hoặc nghĩ đến cuộc tàn bộ chiều qua trên bến Sài-thành, tôi lại nhớ tới các người quen đã gặp trong thời gian đó.

— Người ta còn liên-tưởng vì tương-tự. Thấy một khách qua đường có vẻ giản-dị và hiền-ngang, tôi chợt nghĩ đến một người bạn xa có dáng điệu như thế... Người phàm tục có những liên-tưởng tầm-thường, trái-lại, kẻ thanh cao thường có những liên-tưởng đậm-dà, ý-nhị. Bà Thanh-Quan, nhìn trông khôi đá, liền nghĩ đến sự bẽn gạn của kẻ anh-hùng, ngấm mặt hồ gợn sóng, lại tránh tưởng đến sự chau mày của những nhà ái-quốc trước cảnh bề dẫu :

*Đá vẫn bẽn gạn cùng tuế-nguyệt,
Nước còn chau mặt với tang thương !*

— Sau cùng, hai hiện-trạng tương-phản, có thể nhắc-nhở lẫn nhau, Trông thấy người lùn, ta nghĩ tới người cao ; sống trong cảnh sun-sương ta tưởng nhớ kẻ lưu-ly ; ngồi trong nhà ấm, ta động lòng trắc-ân đối với những người giải gió dầm sương. Các hình ảnh tương-phản đã rồn rập, phát hiện dưới ngọn bút nhà văn hào Nguyễn Du, khi cụ viết :

*Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vôi.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.*

II. — CÁC PHÁP-TẮC VỀ LIÊN-TƯỞNG.

Theo các nghiệm xét kê trên, ta có thể nói rằng : các hiện-trạng tâm-ly liên-hợp vì tiếp-cận, vì tương-tự hay vì tương-phản.

Nhưng, tại sao trong năm nghìn trạng-thái tương-phản, tương-tự hay tiếp-cận, lại chỉ có một số ít cùng tái hiện trong trí nhớ ta, còn bao nhiêu việc khác lại bị chìm đắm trong sự lãng-quên ? Các triết-nhân thường công-nhận các pháp-tắc phụ như sau :

Luật tái-diễn : Một trạng-thái được nhắc lại nhiều lần, tất hiện ra rất dễ-dàng trong trí nhớ. Thật vậy, ta hồi tưởng không chút khó-khăn, đến điện mạo và cứ chỉ một người bạn ta thường gặp-gỡ hàng ngày.

Luật tối-cận : Đối với tuổi tráng-niên, và trong các trường-hợp thường, các việc tối-cận thường dễ nhớ hơn các điều quá cũ. Các biến-cố

mới nhận thấy hôm qua, tất tái hiện trong trí nhớ, dễ hơn các hiện-tượng mà ta đã lĩnh-hội được từ mấy mươi năm về trước.

Luật kích-thích : Một trạng-thái càng cảm-kích bao nhiêu càng được ghi sâu vào trí nhớ. Ta không bao giờ quên được đám cháy làm ta gần nguy đến tính-mệnh. Sau này, chỉ nghĩ đến hai chữ nguy hiểm, ta đã đủ nhớ ra nguy.

Luật hứng thú : Những hiện-tượng nào cần-thiết hay ích-lợi cho ta, ta vẫn dễ nhớ. Người ta xét ra sự liên-tưởng có một công-dụng lớn về phương-diện sinh-ly : nhớ có nó, người và vật biết áp-dụng kinh-nghiệm mà tránh được nhiều điều bất-lợi. Loài chó trông thấy người ta cầm gậy, liền nghĩ tới cái roi tương-tự của chủ, và nhớ rằng đã bị đánh đau bằng chiếc roi ấy ; thế là nó tâu thoát. Trong tỉ-dụ này, loài chó đã nhờ có liên-tưởng vì tương-tự và tiếp-cận mới tránh khỏi đòn.

III. — MỘT VÀI HỌC-THUYẾT VỀ LIÊN-TƯỞNG

a) **Thuyết liên-tưởng.** — Thuyết này cho liên-tưởng là một tác-dụng căn-bản của tinh thần, một yếu-điều của đời sống tâm-ly. Một vài học-gia tin rằng nhà triết-học Locke về thế kỷ thứ XVII đã nêu ra nó ; có người lại cho rằng chính Hume hay Hartley, hai triết-nhân về thế kỷ thứ XVIII, đã chủ trương lập-luận này. Dù sao, hầu hết các nhà kinh-nghiệm luận, như các người Anh James Mill, Stuart Mill và Bain, đều công-nhận học-thuyết liên-tưởng. Những luận-đề của học-thuyết ấy, gồm mấy điểm như sau :

1) — Sở dĩ người ta nhớ lại việc cũ, là nhờ có liên-tưởng.

2) — Các pháp-tắc về liên-tưởng cũng xác-thực, như các khảo-cứ khoa-học.

Nhiều nhà cho rằng : liên-tưởng vì tiếp-cận mới thực là một điều cốt yếu, và có thể ví được với luật phổ-biến dẫn-lyc của Newton. Hai ông James Mill và Hamilton cùng mấy học giả, lại luận rằng : ba hình thức liên-tưởng kê trên, thực ra chỉ là các biến-trạng của sự tiếp-cận. Thật vậy, theo các ông, hai trạng-thái tương-phản chỉ là hai cực độ của một điều giống nhau ; như người lùn và người cao là hai cực độ của khuôn khổ con người ; vậy, hai bên đều có một chỗ giống nhau tức là khổ người. Như thế, liên-tưởng vì tương-phản chỉ là một trạng-huống của liên-tưởng vì tương-tự.

Người ta còn tin rằng : liên-tưởng vì tương-tự có thể xếp đặt vào hàng ngũ liên-tưởng tiếp-cận. Tỉ dụ, ông A và ông B giống nhau, thành

thứ nghĩ đến ông A tôi lại liên-tưởng đến ông B. Nhưng thực ra, nhờ đến ông A, tôi tưởng-tượng ngay đến cái trán cao và đôi mắt to của ông, rồi cũng cái trán rộng và cặp mắt to ấy làm tôi nhớ tới ông B. Vậy khi ông A làm tôi nhớ tới ông B, thì thực ra có hai liên-tưởng vì tiếp cận chứ không phải một liên-tưởng vì giống nhau. Xem như vậy, liên-tưởng vì tương-tự hay vì tương-tự, đều có thể rút lại làm một hình thức liên-tưởng vì tiếp-cận.

3) — Các nhà theo thuyết liên-tưởng lại nhận rằng : luật liên-tưởng là dây liên-lạc duy nhất nối liền các trạng thái tâm lý với nhau.

4) — Sau hết, họ tin rằng : đời sống tinh thần đều dựa theo liên-tưởng. Trí giác chỉ là một sự tổng hợp cảm-giác và ảnh - tượng. Phân-đoán và lý-luận cũng là những chuỗi liên-tưởng xếp đặt có thứ tự trước sau...

Nhưng thuyết này đã bị chỉ-trích đến triệt để... Người ta đánh đổ các lập luận kể trên như sau :

a) — Nói rằng sự nhắc-nhờ các hồi ức nhất thiết phải dựa vào liên-tưởng là sai. Như khi người ta bị một việc cũ ám ảnh, thì hồi ức tự nhiên phát hiện trong trí nhớ, không dính-liú gì đến những trạng thái tâm lý khác.

b) — Quy rút tất cả các hình thức liên tưởng vào một luật tiếp-cận cũng không được đúng. Khi hai trạng thái tương phản cùng được nhắc-nhờ đến, ta tất đề ý đến sự trái ngược, chứ không hề nghĩ tới những chỗ giống nhau. Công nhận là người lùn và người cao giống nhau thì thật trái ngược với tâm-lý, khiến ai cũng phải ngạc nhiên. Cho rằng liên-tưởng vì tương-tự chỉ là một trạng huống của luật tiếp cận, cũng không sao tin được. Hai người không thể có một bộ trán và một cặp mắt đồng nhất... Vậy, trông thấy ông A mà nghĩ đến ông B, là vì trán và mắt của người thứ nhất làm ta nghĩ tới trán và mắt tương tự của người thứ hai. Như thế tức là đã dựa vào một liên-tưởng vì giống nhau. Cũng do đó, ta phải nhận rằng : sự phân chia ra các thể thức liên tưởng, vì tương tự hay tương phản là hợp lý. Hơn nữa, dù các lập luận kể trên có vững chắc, ta cũng không thể nói được rằng các pháp tắc về liên-tưởng đều xác-thực như các khảo-cứ khoa-học. Hiện nay, khoa-học chưa có thể hiểu biết triệt để, tại sao một hồi-ức lại tái hiện trong trí nhớ của ta.

c) — Liên-tưởng không thể coi là dây liên lạc duy nhất giữa các trạng thái tâm hồn : vì có nhiều hiện-tượng không có chút liên quan gì với nhau.

d) — Sau cùng, những tác-dụng của trí-tuệ không nhất thiết phải dựa theo luật liên-tưởng. Trí giác không phải là một tổng-hợp tự nhiên của cảm-giác và ảnh-tượng : trí ta cần phải suy xét và xếp đặt các ảnh-tượng, để nó thích ứng với cảm-giác, mới có thể hiểu biết được. Khi phân-đoán và lý-luận, người ta lại càng cần nghĩ ngợi, để lựa chọn các liên-tưởng đích đáng và thích hợp. Thuyết liên tưởng tin rằng các ý nghĩ và cảm-giác tự này nở trong trí ta một cách máy móc, không thể nào đứng vững được.

b) **Thuyết Bergson.** — Trong cuốn « Vật-chất và ký-ức » (Matière et Mémoire), nhà triết-học Bergson chỉ trích thuyết liên tưởng, và công nhận rằng mỗi hồi-ức là một hiện-tượng phức-tạp. Lập-luận của ông không phải là không hợp-lý. Thật vậy, nếu tôi đề hân ra một giờ đồng hồ để ngâm-nghĩ về nhà văn hào Nguyễn-Du, thì tôi sẽ nhớ gần hết các điều đã biết về ông, nào tiêu-sử, nào thi-ca, nào tâm-sự của ông. Đó không phải là những ý-tưởng riêng biệt, tự gọi lẫn nhau ra, như các nhà liên-tưởng đã công bố đầu ; đó chỉ là một trạng-thái phức-tạp, ở đấy, tôi dần dần tìm ra những quan-niệm phụ thuộc, những quan-niệm lúc đầu còn ẩn-náu ở hậu-cảnh. Thoạt tiên, người ta có thể ngờ đó là một liên-tưởng ; nhưng thực ra, tác-dụng này chỉ là một phép giải-lý. Do đấy, Bergson tin rằng : hiện nay, người ta còn phải tìm ra những pháp-tắc để thích nghĩa tại sao các hồi-ức lại trở lại trí ta, điều mà triết-học chưa thể hiểu biết một cách chắc chắn, đầy đủ và xác thực được.

o°o

Dù sao, những kẻ chơi bời lêu lổng, nay đây mai đó, không một mục-tiêu nhất định, thì cuộc sống chỉ là những chuỗi thời-gian rời-rạc, không mấy may hứng thú. Họ sẽ tiêu tán với cỏ cây, không gọi cho ai một chút ký-niệm êm-dềm hay hùng-tráng...

Trái lại, người quân-tử đã áp-dụng một nhân-sinh-quan, hay kẻ anh-hùng, muốn đề lại danh gì với núi sông, tất có những cử-chi và hành-vi liên-tiếp, cùng hướng theo một lý-tưởng ; cuộc đời của họ thật là phong-phú, đổi-đào, đầy thi-vị. Hơn nữa, đã áp-ủ một hoài-báo bất di bất dịch, đã nặng bầu nhiệt-huyết, họ có những ý-tưởng thanh-cao mãnh-liệt, nghe tiếng cuộc thì nghĩ tới giang-sơn, trông ánh bình-minh thì tin-tưởng ở ngày mai tươi sáng, nhìn bàn cờ quốc-tế, thì thấy rõ thế nước phải đi. Giữa cơn giông tố, họ vẫn nhìn xa trông rộng, không nản lòng thối chí, mà trái lại, vẫn bền gan như thiết-thạch...

Phải chăng, ta nên bắt chước, mà rèn luyện liên-tưởng để có một ý-chí vững-vàng ?

SỐC-TRĂNG BỤT KÝ

ĐÀO-VĂN-HỘI

I — THUỘC CHIÊM-THÀNH

LÚC sơ-khai, Nam-Việt ngày nay còn thuộc về nước Chiêm-thành. Di-tích thời-kỳ này ở Sóc-trăng không còn có gì là quan-trọng, ngoài những pho-tượng Bụt hay Thần, bằng đá.

II — THUỘC CAO-MIÊN

Theo quyển « Chronique des Anciens Rois du Cambodge » của Aymonier thì năm 289 trước Tây-lịch, người Cao-Miên đã đánh đuổi người Chăm lui về cửa sông Cửu-long-giang. Rồi Vua Cao-Miên đóng đô tại một vùng, ban đầu kêu là Prey kor, tức là rừng gòn, sau lại đổi là Prey Nokor, tức là rừng xú Nokor.

Hai tỉnh Sóc-trăng và Bạc-liêu hiện thời, lúc ấy, đều thuộc về tỉnh Bassac, một trong bốn tỉnh của Cao-Miên, và đặt dưới quyền cai-trị của một chủ-tỉnh, tức Snet Phubal.

Viên tỉnh-trưởng này trực-thuộc Binh-bộ thượng-thor Cao-Miên.

Thời đó, tỉnh Bassac chia làm năm quận, mỗi quận có một viên quận-trưởng, kêu là Kralapéa, cai-trị.

a) Viên thứ nhất chức là Oknha Thuk Séna, cầm quyền cai-trị vùng Trà-Nho, Bạc-liêu, Trà-Cuôn, tức là địa-phận hai tổng Thanh-hưng và Thanh-hòa thuộc tỉnh Bắc-liêu, và hai tổng Thanh-An và Thanh-Lợi thuộc quận Thanh-trị, tỉnh Sóc-trăng ngày nay.

b) Viên quận thứ nhì, chức Oknha Thuk Sang-Kéam, cai-trị xứ Pret-Koi và Bai-xau, hiện thời là tổng Định-Mỹ và Định-Chí, thuộc quận Long-Phú, tỉnh Sóc-trăng.

c) Viên quận thứ ba, kêu là Oknha Montrey Áchit, cai-trị miền Sraihume hay là Swaichrume và Beng-Kok, bây giờ là tổng Nhiều-Phú, Nhiều-Mỹ và Nhiều-hòa, quận Châu-thành, Sóc-trăng.

d) Quận thứ tư, viên chủ-quận là Oknha Montrey Sneha, gồm cả mấy vùng Srok-Kléang, Klsácló, Préamme Sen, nay là tổng Nhiên-khánh quận Châu-thành và tổng Định-khánh, quận Kế-Sách.

e) Viên chủ-quận thứ năm, là Oknha Vongsa Satroy, trấn tại vàm Rạch Cái Giây, và sông Cà-Mau (tiếng thô gọi là Tuk-khmau nghĩa là nước đen).

Trọn vùng này bây giờ là mấy làng Châu-Hưng, Châu-thới (tỉnh Sóc-trăng, quận Thanh-trị), và các làng kế-cận thuộc tỉnh Bạc-liêu.

Hồi ấy, quận năm đông-đảo và thanh vượng khác thường. Về sau, tỉnh Sóc-trăng trở về nước ta, thì dân Cao-Miên ở đó đã di-cư xuống Cái-Gia gần châu-thành Bạc-liêu, hoặc lên Sóc-trăng lập-nghiệp.

Viên đại-diện Snet Phubal kiểm-soát tất cả năm quận; đến sau, Miên-triều lại phái một viên lãnh-binh gọi là Chauvai-Srok, phụ-tá vị đại-diện, mà riêng trông nom về binh bị.

Vị Chauvai-Srok đánh đuổi bọn cướp Mã-lai và Ấn-độ, thường đến quấy nhiễu miền duyên-hải Rách-gò, Trà-nho, Bạc-liêu, và hề gặp những người đi chài lưới, thì chúng bắt đem đi hết.

Lần lần, quyền-hành của viên Chauvai-Srok càng thêm rộng rãi và trước khi Sóc-trăng sáp-nhập vào nước nhà thì quyền thế của vị lãnh-binh ấy, đã lấn-át cả viên đại-diện Snet Phubal rồi.

Vị Chauvai Srok có danh hơn hết là Lim, một người « lai » (cha khách-tú, mẹ Cao-Miên), cai trị tỉnh Sóc-trăng hồi thế-kỷ thứ XVIII. Ông đã cho đào nhiều kinh, như Rạch-ban-Cốc (làng Phú-Mỹ) và kinh Trà-Liêm.

III — THUỘC VIỆT-NAM

Vào thế-kỷ thứ XVIII, người Việt-Nam đã lần lần thu cả vùng Thủy-chân-lạp, để sáp nhập vào non sông đất nước.

Người Miên gọi dân Việt-Nam là « Youn ». Có người cho rằng chữ youn do tiếng Phạn, là « Yavana », nghĩa là « mọi phía Bắc » mà ra. Lại có người cho tiếng Youn là do tiếng Yunna (Văn-Nam ?) mà thành.

Năm 1769, vua Cao-miên, Préah Outey II (Nặc Tôn), nhường cho Nam-Triều địa phận Bassac và Préah-Tropéang, tức mấy tỉnh Sóc-trăng, Trà-vinh và Bến-tre hiện thời.

Nhưng, xứ Nam-kỳ, sau khi thuộc Nam-triều rồi vẫn còn trải qua nhiều cơn biến loạn.

Năm 1827, Chauvai Srok Lim quấy rối vùng Bung Trop (làng Thuận-hòa bây giờ), phía bắc Bô-thảo, cách 15 cây số.

Tháng tư năm 1840, lại khởi đầu những cuộc xung-đột giữa Việt và Miên.

Sau khi cất đồn Bào (ngày nay còn dấu tích ở Bái-xau), quân ta đánh binh-sĩ Miên tại giồng Hòa-đức (Mahatup) ; binh Miên thua to.

Trái lại, người Miên ở Trà-vinh đã bại quân Nam tại làng Hiếu-tử ; một vị lãnh binh Việt-Nam tử trận.

Binh Nam, lúc ấy, hiểu rằng phải tấn công người Miên ở Trà-vinh, xong rồi sẽ lo tới Sóc-trăng ; như thế mới mong thắng lợi, hơn là đánh cả hai mặt một lần.

Thi-hành chiến-pháp ấy, quân ta đã bại binh Miên ở Trà-vinh tháng 9 năm 1840, rồi tràn qua Sóc-trăng, như bão táp, đánh đuổi quân Chauvai Srok Lim chạy về Chân-lập.

Khởi tan lửa tắt, nhưng qua năm 1841, dịch hạch đã nổi lên, giết hại dân chúng rất nhiều. Kế nạn đói kém tiếp theo, khiến nhân-dân có người đói cả con nít lấy một gia lúa.

o°o

Dưới Nam-Triều, Sóc-trăng tục gọi là Phủ Ba-xuyên.

Trong những tờ tấu về vua Minh-Mạng, thì viết « Nguyệt-giang tỉnh » tức là « Sông-trăng », do tiếng Sóc-trăng đọc trại.

Phủ Ba-xuyên là một trong ba phủ của tỉnh An-giang.

Tỉnh này gồm có mấy khu, hiện thời là Long-xuyên, Cần-thơ, Sóc-trăng, Hà-tiên, Rạch-giá, Bạc-liêu, Trà-vinh và Châu-đốc, do chỉ dụ năm 1832 của Minh-Mạng lập ra.

Lúc bấy giờ, Sóc-trăng còn do quan phủ Sóc là người Miên cai-trị.

Trong lúc đánh nhau với Chauvai Srok Lim, Sóc giúp Nam-triều rất đắc lực, cho nên vua phong-thường ông chức Tri-phủ, và cho cai-trị phủ Ba-xuyên.

Năm 1859, bộ-hạ của Lim lại khởi loạn. Đạo phục-binh Cao-Miên đã đánh tan quân Nam-triều, dưới quyền điều-khiển của Binh-bị tướng quân Trần-văn-Hòa từ đồn Sóc-trăng kéo lên đồn An-Tập. Nguyên sau khi chiếm-cứ Sóc-trăng rồi, thì binh Nam lập bốn đồn trú tại Sóc-trăng, An-Tập, Bái-xau và Nhu-Gia,

1452

Đồn thứ nhứt lập tại nơi đất Thánh Tây Sóc-trăng hiện thời.

Đồn thứ hai đã bị người Miên chiếm được, rồi san bằng.

Đồn thứ ba và thứ tư, ngày nay còn di-tích ở Bái-xau và Nhu-Gia. Binh-bị tướng-quân Trần-văn-Hòa bị hại như đã nói trên ; hiện nay ngài được thờ làm thần trong đình làng Khánh-hưng, châu-tbành Sóc-trăng.

Bộ hạ của Lim sau bị đánh bại ; song, người Miên thường nổi lên kháng-cự viên phủ Sóc và các viên cai-trị kế ông.

Mùa mưa dân Miên lo cày cấy ; nhưng gặt hái xong, họ lại nổi lên đánh phá.

Binh sĩ ta dẹp chưa xong thì năm 1868 người Pháp đã tới xâm-chiếm đất Nam-kỳ.

IV — DƯỚI ÁCH ĐÔ-HỘ

Năm 1867, sau khi Phó Thủy-sư đô-đốc De Lagrandière chiếm cứ ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên, thì đại-úy Berteaux Levillain đánh lấy tỉnh Sóc-trăng một cách quá ư dễ-dàng, vì chế-độ phong-kiến đã chẳng chịu tỏ chức việc quốc-phòng.

Đại-úy đô-bộ tại Đại-ngãi, với một viên thơ ký, 40 lính tập Việt-Nam, và 10 lính Cao-miên, rồi kéo lên đồn Sóc-trăng, chẳng hề gặp một mảy may trở lực nào !

Ông nhập thành, tức khí giới và bắt viên quan cai-trị với mấy người lính Việt trong đồn.

Đoạn, ông phong người Miên tên Trần Ưông làm Tri phủ, và cho trấn nhậm phủ Ba-xuyên. Ưông là con quan cựu phủ Sóc, đã tạ-thế, cách 5 năm trước.

Berteaux Levillain bãi truất các vị cai phó tổng Việt-Nam, và nhất nhất đặt người Miên thay thế !

Binh sĩ ta, ẩn trú trong vùng Cà-mau đã tự-động, kéo cờ khởi nghĩa.

Berteaux Levillain bèn đem theo một tốp lính Miên, với quan phủ U là em và người kế chức phủ Ưông, vì ông này sau khi nhậm chức được ba tháng thì tử-trần.

Đến vàm Cờ-cò, ông muốn một mình đi xem địa-thế cho tới Bạc-liêu, bảo Phủ U và lính Miên chờ ông tại Vàm, và hễ gặp cơ-hội, thì công kích bên địch ngay.

Hôm sau, lúc bình-minh, Phủ-U và gia tướng thấy một chiếc thuyền từ đàng xa chèo lại, họ liền hô to hỏi thuyền ai. Bên kia đáp : « Quan lớn ».

1453

Người Cao-miền tưởng là quan quân Việt Nam, liền xả súng bắn. Hai người lính bị thương, còn bên kia, đại-úy Berteaux — vì chính là thuyền của ông — bắn trả lại một phát, gãy bánh lái chiếc thuyền của Phủ U.

Liên đó, hai đảng mới biết là bắn lầm nhau. Đại-úy Berteaux ngợi khen Phủ U và lính Cao-miền sốt sắng, rồi cùng cười xuống đi đánh dân-quân kháng-chiến trong rừng Cà-mau. Chẳng bao lâu, trọn vùng đã bị bình phục.

Năm 1867, tình lý dời về thành phố Sóc-trăng hiện thời, và đại-úy Berteaux Levillain đã giữ chức chủ tỉnh Sóc-trăng.

Binh Pháp chiếm-cứ một cánh đồng của người Cao-miền, để xây-dựng đồn lính San đá, và Tòa-Bố. Đồn thú này sau sửa đổi thành một trường học, chung quanh có nhiều cây đại-thọ : đầu, lâm-vò và cây gia, những tang chứng của bao cuộc tang thương. Cách đây ba mươi năm, mấy cây-thụ ấy cũng lại bị cưa chặt hết, không còn chút di-tích gì về một quá khứ oai-hùng.

Chiếu nghị định ngày 5-1-1876, Nam-kỳ đã bị chia ra làm 4 khu vực cai-trị, mỗi khu-vực lại chia ra làm tỉnh. Tỉnh Sóc-trăng gồm địa phận phủ Ba-xuyên, phụ thuộc về khu-vực Bassac.

Hai tổng Thạnh-hòa và Thạnh-hưng, trước thuộc tỉnh Sóc-trăng, đã bị tách ra, để sáp nhập vào tỉnh Bắc-liêu.

V — CỒ-TÍCH

Tuy nhiên, trong địa-hạt tỉnh Sóc-trăng, vẫn còn nhiều cồ-tích đáng ghi.

Trong chương trước, ta đã thấy : khi chiến tranh với người Miên, quân ta đã lập bốn chiếc đồn, hai tại châu-thành Sóc-trăng và An-tập đều bị phá hủy.

Hai đồn khác, một gọi là đồn Bào ở Bái-xau, và một ở Nhu-gia, thì ngày nay cũng chỉ còn vài ba vách đất, cây-cối um-tùm.

Cách đồn Bào một quãng có ao Trần-Huồng, là nơi chiến-đấu rừng-rợn giữa Việt và Miên. Gần nơi đây, người ta đã thấy nhiều hài-cốt của những chiến-sĩ vô-danh...

o°o

Cồ-tích của người Miên trong tỉnh, chỉ còn lại có mấy pho tượng thần bằng đá, với di-tích một thành trì cũ tại làng Nhâm-lãng, cách tỉnh lỵ chừng ba cây số.

Chùa thì hầu hết mỗi làng đều có. Ở Châu-Thới, còn một tòa cồ-tháp hình vương.

Ngoài ra, không có miếu mộ nào của các vị văn võ Cao-Miền hay Việt-Nam, một lẽ vì người Miên có tục thiêu xác người chết, một lẽ vì người Việt thường đem hài-cốt về an-táng nơi chôn rau cắt rốn.

1° « **Chùa bốn mặt** ».— Trong chùa Préalh Buon Makh tục kêu là « Chùa bốn mặt », làng Phước-Tâm, có một chiếc cồ-tháp bằng đá xanh, chạm hình Phật bốn phía. Tương truyền tháp này đã do một chiếc thuyền đem đến.

Nguyên cách 300 năm trước, một con thuyền của một vị vua hay quan xứ Cao-Miền, bị bão, rạt vào bãi Kompong thom (làng Phước-Tâm) Vì vậy, nơi đây gọi là « Sampáuv thieai », nghĩa là « xóm thuyền bè ».

Thuyền chở nhiều của quý, như « Tháp bốn mặt » nói trên, và hài-cốt hai vị thần, gọi là « Néak ta Sampáuv thieai » (thần của xóm thuyền bè).

Hiện giờ, trong xóm, có một chiếc miếu thờ 2 vị thần này.

Kompong thom nghĩa là « bến lớn » người Nam đọc trại ra là « Phước tâm »

o°o

2° « **Rạch Trường-tiền** ».— Tục truyền : sau khi bị nhà Nguyễn Tây-Sơn đánh bại, chúa Nguyễn-Ánh chạy xuống Sóc-trăng, trú ngụ tại Cù-lao Dung, làng An-thạnh-nhứt, nay thuộc quận Long-Phú, gần một ngọn rạch ngang đầu Cù-lao.

Nguyễn Ánh đã cho lập ở nơi đó, một lò đúc tiền.

Hiện nay, dân chài lưới còn bắt được tiền kẽm trong rạch ấy, nên tục gọi là Rạch Trường-tiền.

Một điều đáng chú-ý là tại vùng này, nước đều mặn chỉ trừ nơi đó là có một rạch nước ngọt mà thôi.

VI — NGUỒN GỐC MỘT VÀI DANH-XƯNG

1° Xứ Bassac.— Xứ Bassac lấy tên của miền Bassac bên Lào.

Tương truyền : cách mấy trăm năm về trước, một vị phò-mã Lào vốn người Cao-miền, vì có lỗi với nhà vua, nên bị trục xuất ra khỏi Lào !

Phò mã và công-chúa dùng ghe và bè, do sông Cửu-long-giang xuống miền Nam, rồi trú ngụ tại Bái-xàu. Ngày nay, còn một ngôi miếu, gọi

là miếu « Ba Thắc » tức là Bassac ; còn chùa Cao-miền kêu là « Vat Luong Bassac » (chùa hoàng-tử Bassac), thì ở cách đó vài trăm thước, trên đường đi Tham-dôn.

Sau bị một trận giông tố, quân lính và nô-tỳ của hoàng-tử, phải tản-lạc đi mọi nơi. Phần đông di-cư tới Bắc-liêu ; nên tiếng « Bắc-liêu » là do tiếng « Pol Lợ » nghĩa là « quân Lèo » mà ra.

Một bọn nữa thì đình trú tại làng Trung-bình hiện giờ (tỉnh Sóc-trăng) ; nên trong làng, có xóm kêu là « Krua Leo » (bọn Lèo).

2° **Sóc-trăng.** — Hai chữ Sóc-trăng đã do tiếng Thô Srok Tréang hay Srok Khléang mà có. Thật vậy, có chỗ chép rặng tiếng : Sóc-trăng là do hai chữ Srok Tréang ; vì khi trước, nước Chân-lạp chia ra làm « Srok Tréang miền nam » kể từ tỉnh Châu-đốc về Nam, và « Srok Tréang phía bắc », từ tỉnh Takeo trở lên. Sau người Nam đã kêu trại ra là Sóc-trăng.

Lại có chỗ chép : khoảng năm 1528, vua Ang-Chang I bỏ một viên quan tên Tat xuống cai-trị Sóc-trăng.

Tat bèn cho cất trại lính, tòa làm việc và lăm lúa gạo tại phía đông chợ cả hiện thời.

Nhân đó, ông đặt tên tỉnh này là « Srok Khléang » nghĩa là « xứ lăm » « xứ kho », và sau người đọc trại ra thành Sóc-trăng.

3° **Quận Long-Phú.** — *Rạch-Gôi* do tiếng Cao-miền « Pret Coi », nghĩa là « Rạch của Sô Thương-chánh ».

Nguyên, dưới Miên-triều, người Mã-lai thường năm, vô cửa Mỹ-thanh, tỉnh Bắc-liêu, mà buôn-bán và nhiều khi đã bị cướp trộm. Nhân đấy, vào khoảng năm 1600 vua Miên Paréméa Thippedey, cho lập một chiếc đồn, vừa để giữ kẻ gian-phi vừa để thu thuế thương-chánh.

— *Chak-lô-tung* : « lá dừa dâm ngang » đã đổi tên thành làng « chắc-văn ».

4° **Quận Kế-sách.** — *Kế-sách* do chữ « Khchach » nghĩa là « trồng cát ».

— Làng *Phú-nô* do chữ « Phnorokar », nghĩa là « giếng cây rokar (?) »

— *Péam Sen* là « Vàm cúng tế », người Nam kêu là Vàm-Tấn, tại Đại-ngãi bây giờ.

5° **Quận Châu thành.** — *Svat Chrum* : « vườn xoài » người Nam đọc trại ra thành « Tài Sum » (làng Tài Sum).

— *Ompou-yéai* : « nhánh bần gie ». Người mình, đọc thành « Nhu-gia » (thuộc làng Thạnh-phú).

— *Pong-Tuk* : « Trúng nước » hay « bọt nước ». Đọc thành tên làng Tuấn-Tức.

— Chữ *Kompong Đôn* nghĩa là « bến đừa ». đọc thành tên làng Tham-dôn.

— *Kompong trap* : « bến tiền của » tức là tên vùng Bung-tropic, làng Thuận-Hòa bây giờ.

— *Bô-Thảo* do tiếng Huê-Kiêu « Pâu thảo » nghĩa là « đầu rạch »

Năm 1827, Chauvai-Srok Lim nổi loạn, đóng binh tại Bung-tropic, cách Bô-thảo 15 cây số, và cho đắp một cái đập để chặn đường thủy của quan quân trên Châu đốc xuống tiếp viện người Nam.

Chiếc đập ở ngay ngọn rạch, nên được đặt tên là « Pâu-thảo » còn nơi đóng binh của Lim, thì gọi là « Xin-Xụ ». (Tiếng Triều-châu nghĩa là Xóm mới Tân trụ). Tên ấy ngày nay hãy còn.

6° **Bai Xau.** — (làng Mỹ-xuyên)

Làng Mỹ-xuyên, cách châu-thành Sóc-trăng, gần 5 cây số do hai làng Vinh-xuyên và Hòa-Mỹ sáp nhập năm 1894, mà hợp thành.

Chợ Mỹ-xuyên tên gọi là Bai-xau, hai tiếng thô nghĩa là « cơm sống » người Việt Nam đọc trại là Bái-xàu, không có nghĩa chi hết.

Tục truyền thuở xưa, nơi đây toàn là rừng rú. Một hôm, người Thô dùng chân nghỉ nơi đây để nấu cơm. Bỗng đâu, một con sấu (có kẻ nói là một con rắn lớn), bò tới. Họ hoảng chạy. Một lát sau, họ vác búa trở lại, chỉ thấy nơi bị lật đổ, mà cơm chưa chín.

Từ ấy, họ đặt tên chỗ đó là Bai-Xau, tức là cơm còn sống.

Lại có người nói rằng : hồi giữa thế kỷ thứ XIX, người Việt đến ở xứ này. Một buổi sớm mai, họ gặp người Miên đang nấu cơm, liền đánh đuổi đi, nên mới có danh xưng Bai-xau từ đấy.

Bản đầu, dân cư Bai xau thưa thớt, và phần nhiều là người Miên ; đến năm 1857, người Việt và khách-trú mới đến ở làng Hòa-Mỹ.

o°

Trong làng Mỹ-xuyên, có nhiều chùa miếu.

Bên xóm chợ cũ có :

— Đình thờ thần, cất năm 1880.

— Chùa Cao-Miền, cất năm 1872.

— Chùa Phật của người Việt-Nam, cất năm 1875.

— Chùa « Ông Lớn », do 7 bang, cất năm 1876.

— Chùa « Ba-Thắc », trùng-tu năm 1927,

Còn xóm chợ mới thì có :

— Chùa bà, cất năm 1892, thờ bà Mã-Châu.

— Chùa « Ông Xén cón », cất năm 1901, thờ ông Xén cón (?) và Na-Tra.

— « Miếu hội » thờ thần, do ông Phạm-bình-Cân cất năm 1884.

o°e

Trong mấy chùa miếu ấy, đáng đề ý như là « Chùa Ba Thắc », thờ một vị thần Cao-miên.

— Ông Ba Thắc, người mà theo tục-truyền, đã giúp đỡ miền Nam rất nhiều.

Người ta dùng một viên đá xanh tròn, tượng trưng hài-cốt của ông Ba Thắc, mà thờ phụng.

Người Cao-miên kêu là : « Néak Ta Ba Sack » « vị tà Bassac ».

Theo khẩu truyền, thì, hồi người Việt-Nam đến ở Sóc-trăng, chùa Ba Thắc chỉ là một ngôi miếu nhỏ, kiểu nhà sàn Cao-miên, làm bằng cây, lợp lá, vuông-vắn độ một thước tây.

Theo thầy địa lý, thì khoảng đất ấy có hình con qui, và miếu đã cất trên lưng con qui vậy.

Về sau, miếu đã làm lại, lớn hơn, song cũng bằng gỗ lá và theo kiểu Cao-miên.

Đến năm 1876, sau khi dựng chùa « Ông Lớn » rồi thì người Hoa-kieu xây luôn chùa Ba Thắc bằng ngói gạch. Thế là chùa ấy, từ kiểu Cao-miên, đã đổi sang kiến-trúc Trung-hoa.

Người ta đồn rằng : vị thần Ba Thắc rất linh-thiên ; Người Việt-Nam, Cao-miên và Hoa-kieu, hằng ngày, đến cúng vái. Song, nhiều người đánh đề, đến cầu mộng, rồi ban đêm ngủ lại đó, thần cho chiêm bao biết trước nên sáng dậy đánh là tất được.

Thầy đề hao-hụt, liền rước phù-thủy trấn-áp, nên vị thần đã bớt linh-thiên.

Đến năm 1926, chùa đã bị hư hỏng quá nhiều. Một vị thân hào, cùng vài người bằng-hữu, đã xin mở cuộc lạc-quyên, trùng tu lại, làm toàn bằng xi-măng cốt sắt.

Tuy kiên-cố hơn song đứng về phương-diện tồn cở, thì kém về tôn-nghiêm, vì chùa xây theo kiểu bán cở bán kim, còn chỉ là vết xưa, dấu cũ.

o°o

Nhìn qua dĩ-vãng, ta thấy Sóc-trăng, cũng như tất cả các vùng khác trên giải non sông gấm vóc, đã nhờ bao nhiêu xương máu của tiền-nhân, mới có ngày nay. Phải chăng chúng ta có nhiệm vụ quyết chống lại kẻ thù chung — những tay sai của Thực Cộng, để giữ gìn và tổ diêm từng tấc đất, do ông cha để lại ?

KHO VÀNG BÍ MẬT

TẠI VIỆT-NAM

(tiếp theo V. H. N. S. số 11)

NGUYỄN-CÔNG-HUÂN

HỌC tìm những bông lúa tre thật nảy và chín, tuốt lấy hạt, rồi cho vào một ống nửa tươi, cho ít nước, lấy lá chuối nút chặt một đầu ; lấy lửa đốt ống nửa, bao giờ cháy hết lần vỏ ngoài, thì ở trong cơm tre đã chín, bỏ ra ăn thật là ngon ; đó là làm theo kiểu thổi cơm nếp của người Thờ, Mán khi đi rừng.

Có cơm rồi, còn thiếu đồ ăn, Học lại đi kiếm. Kiếm đâu cho được ? Học bèn trèo lên cây cỏ thụ « Quán trọ », tìm bắt chim non và lấy trứng ở những tổ làm la liệt trên cành. Học đem xuống bốn quả trứng khá to ; một quả ung, còn ba quả, Học đem hấp vào đá nung thành ra món « bán sinh bán thực ». Ăn với muối và cơm tre thật là mỹ vị.

Ăn cơm xong, Học lại trèo lên cây, tay cầm bó đuốc, đốt « đuốc ban ngày ». Lạ chưa, đốt để làm gì ? Để lấy mật ong. Học giơ đuốc vào gần tổ ong, ong bay đi hết, Học lấy mật ăn làm đồ ngọt tráng miệng.

Nạt đầu không biết, chết đến nơi rồi. Cái gì ? Cái gì ? Gấu gấu ! một con gấu to đang leo lên cây cỏ thụ, người thấy mùi mật, nó cũng đi tìm tổ ong. Học nhanh như cắt, lẩn xuống phía bên kia, gấu không trông thấy, thật là may. Xuống đất rồi, Học chui ngay vào hốc cây.

Bỗng có một tiếng huych xuống đất, Học khê ngó ra xem. Con gấu ăn rày mật ong, rơi trên ngọn cây xuống, nằm chết ! Nó không chết thật đâu, một lát nữa, nó sẽ tỉnh lại. Loài gấu có đặc tính ngã không chết, là nhờ có mật làm cho máu đọng tắn ra, người ta bảo là tắn huyết. Học biết thế nên không đợi gấu tỉnh lại, cầm dao găm ra, đâm luôn vào ngực gấu, trúng tim ; gấu chết thật. Giữa lúc ấy, một con gấu khác chạy lại, bắt gặp Học đang giết bạn nó, bèn đứng dựng lên bằng hai chân sau, còn hai chân trước vờ lấy Học. Học chống cự, đâm luôn gấu

mấy nhất, gấu bị thương. Học cũng bị thương nằm vật xuống đất. Cầu lại gần người mất Học, thấy không thở và thấy mùi trứng chim ung, tưởng là chết thật, nên không cào cầu nữa, bỏ đi.

Học cố bò dậy, bò ra suối uống nước, chẳng may suối vừa chua, vừa chát, chính là nước phèn chua. Nước ấy không uống được, nhưng Học lợi dụng ngay để rửa những vết thương. Xong lại cố bò về gốc cây nằm nghỉ. Nghỉ một đêm, sáng hôm sau dậy, thấy quạ và điều hầu bay đầy cả trên chỗ gấu chết. Học gượng cầm dao mổ gấu, xẻo thịt nướng ăn, lại xát muối một miếng để dành, ăn xong lột da gấu ngâm xuống suối nước phèn, cho khỏi thối rồi lại nằm nghỉ.

Dưỡng bệnh trong ba ngày, uống mật gấu, ăn thịt gấu. Học đã bình phục ; chẳng ra suối phen đem da gấu về ngâm nước muối, rồi rửa sạch phơi khô, thế là thành da gấu thuộc. Lấy dây cây phượng vĩ hay là dây lười rần, Học khâu thành cái áo rét.

Một đêm, Học mặc áo da gấu ngồi nghỉ dưới bóng trăng sáng, ngoài gió lạnh, vắng vắng có tiếng động cả một khu rừng, tiếng đá lăn, tiếng cây gãy, tiếng tre nứa nổ lốp bốp mỗi lúc một gần...

Học biết là có biến, trèo lên cây nhìn về phía rừng động. Voi ! Voi ! Một đàn voi ! Chẳng bao lâu, những con đầu đàn tiến đến gốc cây cò thụ. Hình như voi thính mũi, đánh hơi biết có người ở trên cây. Voi bèn xúm lại, con thì lấy ngà đào chung quanh gốc, con thì ra suối hút nước tưới vào gốc để cho dễ đào, con thì lấy vòi bẻ những cành thấp ; Học nghiêng nhiên ngồi trên ngọn cây cò thụ, lấy tờ chim làm mùn, rồi dùng hai cành gỗ khô xát mạnh vào nhau thành lửa, châm vào tờ chim, cháy bùng, ném xuống gốc, lửa lan ra đốt lá khô chung quanh gốc cây, thành một đám cháy to. Lũ voi thấy lửa, hoảng hốt gọi nhau bỏ chạy !

Học cũng chạy, chuyển cây nọ sang cây kia, vì lửa cháy đến nơi. Lửa mỗi lúc một to, đám cháy làm sáng rực cả một góc trời.

Lương Học lúi qua suối, tìm được một hang đá, nghiêng nhiên ngồi nhìn khu rừng cháy, được xem nhiều giống vật rất lạ, chưa từng thấy bao giờ. Những vật này bị lửa thiêu hết sào huyết, nên phải tìm-mắc đi các nơi để tránh nạn. Nào là chim phượng hoàng, đuôi dài lê thê, chim đại bàng cánh bay như gió bão, chim hồng lông đỏ như son. Nào là lợn lòi răng mọc chìa ra như ngà voi, nào là chó sói không lông, cắc kè to bằng cá sấu, rồng đất lưng có vây, ngoằn ngoài chạy ven bờ suối.

(còn tiếp)

CÁI ÁN BÁN TƠ TRONG TRUYỆN KIỀU

BUI-QUANG-TUNG

TRONG khi đọc truyện Kiều, chắc nhiều bạn đã thắc mắc tự hỏi :
“ Trong trường hợp nào, Vương viên-ngoại đã phải liên can với tên bán tơ ? » Vì vậy, chúng tôi xin ghi chép sau đây một vài tài-liệu.

I.— ÁN BÁN TƠ TRONG TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN-DU

Truyện Kiều của Nguyễn-Du thuật lại rất mơ hồ, vồn vện chỉ có hai câu :

...« Một đoàn măng thợ, ngoại-hương mới về.

Hàn huyền chưa kịp giặt-giũ,

Sai-nha bỗng thấy bốn bề xôn-xao.

Người nách thước kẻ tay dao,

Đầu trâu mặt ngựa ào-ào như sóng.

Già giang một lão một trai,

Một dây vô-lại buộc hai thâm-tình.

Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,

Rụng-rời khùng cừi, tan tành gói-may,

Đồ tế nhuyễn, của riêng tày,

Sạch sành sành vét cho đầy túi tham.

Điều đâu bay buộc ai làm !

Này ai dan dập giặt giùm bông dung ?

Hỏi ra sau mới biết rằng,

Phải tên xưng-xuất là thằng bán tơ.

Một nhà hoàng-hốt ngăn ngo,

Tiếng oan rập đất, án ngờ lừa máy.

II.—ẤN BẢN TỜ TRONG TRUYỆN THANH-TÂM TÀI-TỬ

Vừa rồi, chúng tôi được đọc một bản sao của bộ « Thanh tâm tài-tử » hiện tàng trữ tại Trung-ương Thư-Viện của trường Viễn-đông Bác-cổ ; vậy xin lược-dịch đề cống hiến các bạn đọc :

« Sau khi gặp gỡ Kim-Trọng, nàng Kiều trở về phòng ; không bao lâu thì gần đúng ngọ, nàng Kiều nghe tiếng cha mẹ kêu, thì lật đật chạy ra mở cửa. Khi ông bà Viên-ngoại thấy mặt nàng Kiều thì nói : « Con không được mạnh sao ? (1). Dượng con (chồng của cô) có chứa trong nhà hai người khách buồn tở, không ngờ rằng hai đứa ấy là hai tên hướng mã (ăn cướp). Sau khi nó bán tở xong, thì bị nguyên chủ nhận được tở ấy là tở của họ bị cướp giật trong lúc đi đường, nên đi báo cáo quan trên.

« Dượng con vì đó, bị quan buộc tội oa trử đồ gian. Còn phần cha thì cũng ăn uống với chúng nó vài ba bận, nên e ngại chúng nó làm hại đến chăng ? Nói vừa dứt lời, thì hốt nhiên, có bảy tám đứa tở công chạy sấn vào nhà. Chúng nó chẳng nói năng gì, bắt cha con ông Vương Viên Ngoại buộc vô cột nhà. Chúng nó liền hô nhau đi lục soát trong nhà, từ nhà trên tới nhà bếp, không bỏ sót chỗ nào, đập phá các rương hòm tủ kệ, và tóm thâu bất cứ một vật gì có chút ít giá-trị. Bà Vương Viên Ngoại đi lễ bái tạ mới về, còn ăn mặc bộ quần áo mới, bị chúng nó lấy hết ; còn cái trâm và vòng đeo tay của bà, nó cũng chiếm mất. Hai chị em nàng Kiều mặc bộ quần áo tuy hơi cũ nhưng bằng lụa, chúng nó cũng lột lấy.

« Nàng Kiều nói : « Nay liệt vị công sai, các ông đã lấy hết đồ đạc trong nhà rồi, không đủ sao ? Các ông chắc cũng có vợ con ở nhà, sao các ông lại nỡ không để cho chúng tôi quần áo che thân ? »

« Một tên công sai trả lời : « Cô đừng lấy làm lạ vì quan sai chúng tôi đến kiếm những đồ tang vật đem về trình. Nếu các vật này không phải là đồ tang vật thì tự nhiên đem trả lại cho cô. »

« Đáng thương thay cho một gia-đình lương thiện họ Vương, trong giây phút đã biến thành núi băng biển tuyết.

« Trong lúc cha con Vương-Viên-Ngoại tay chân bị trói chặt vào cột nhà, và bị bọn công sai đánh đập đủ cách, mẹ con nàng Kiều quì xuống đề cầu xin tha. Bọn công sai đã không tha, lại đánh thêm, rồi

« mắng rằng : « Thăng lão tặc, thăng tiểu tặc này, chúng bay không sợ đòn, để tao thử dây cho bay biết ». Rồi chúng mới mở trói Vương quan ra, lấy dây buộc hai ngón chân cái lại, rút lên sường nhà ; hai ngón tay cái cũng bị buộc lại, rồi kéo qua trên rường nhà. Tội nghiệp thay, Vương quan là người trong làng nho học, làm sao chịu nổi hình phạt ấy, kêu lớn lên một tiếng rồi bất tỉnh nhân sự. Trong lúc mẹ con nàng Kiều kêu than thảm thiết, thì ông Vương-Viên-Ngoại lại hét to một tiếng : « Chết tôi rồi, chết tôi rồi. » Mẹ con nàng Kiều quay đầu lại thì thấy Vương-Viên-Ngoại nằm sấp dưới đất, tay chân bị treo kéo lên trời, trên lưng bị một hòn đá lớn đè xuống, xương cốt kêu rắc rắc như sắp gãy ra từng miếng, mình mẩy thì mồ hôi dờ ra như xối, sắc mặt xám như đất đen.

« Nàng Kiều mới chạy đến trước mặt tên ứng bố (1) nói : « Các vị công sai chẳng nên làm điều tội ác. Các ông cần dùng tiền phải không ? Tôi thì muốn an toàn tánh mạng của cha tôi, xin các ông cho tôi biết cần dùng bao nhiêu, để tôi tình nguyện bán mình cho đủ số trao lại các ông. Tên ứng bố nói « Thật cô là người hiểu tâm. Tôi có thể thế cô mà dàn xếp sự này. Bằng không, thì cha và em cô sẽ bị hại. Cô có ba trăm lượng bạc mới xong được : một trăm để dâng cho ông giám quan ; một trăm mua hai tên tặc tử, để cho chúng không khai tới gia-đình cô, còn trăm nữa thì chia cho anh em chúng tôi. Và lại, tôi nghe nói cô nương giàu hồ cầm giới có tiếng, thiêu chi người trong hàng sĩ quan sẽ lấy nghìn vàng mua cô. Nay có bằng lòng bán thân, thì chuyện kia có chí là khó. »

« Thúy-Kiều nói : « Chuyện đã như thế này, nói nhiều không làm gì. Tôi yêu cầu lão-gia trước tha cho cha và em tôi đã, rồi mới cùng nhau thương-nghị sau. »

« Tên ứng bố liền hô biều bọn công sai mở cha con Vương quan ra. Dây mở vừa xong, thì hai cha con trợn trắng mắt lên, như người đã chết. Mẹ con nàng Kiều ứng lên khóc rộ. Tên ứng bố nói : « Đùng ẹt, tôi có cách làm cho tỉnh dậy. » Nói rồi một tay thì nắm tóc kéo ngược lên, miệng ngậm một búng nước lạnh, phun vào mặt hai người. « Nước lạnh làm cho hai cha con lần lần tỉnh lại ; nhưng trong mắt không có một giọt lệ, mà miệng thì rên rì không ngớt. Tên ứng bố nói : « Phải lấy trà hoặc rượu cho uống một hớp, mới hồi khí lại. » Nàng Kiều lật đật đem lại một chén rượu, đưa kề miệng cho cha và em uống. « Uống xong, thì hai người bắt đầu kêu la than thở, và chảy vài giọt

(1) Nàng Kiều đã tương-ngộ với Kim-Trọng trọn đêm ấy nên có vẻ không tươi tắn.

(1) Sai nha của quan, sai đi làm một công chuyện gì đã nhất định.

« nước mắt. Vương bà thấy chồng con đã tỉnh, bèn chạy đi dọn rượu
« thịt cho bọn công sai ăn ..

« Thúy-Kiều nói : « Nếu chuyện này đem đến quan, chắc không khỏi
« phức-tạp thêm ; như vậy, cha và em sẽ bị hại thì tôn chi ta sẽ bị
« tuyệt, còn mẹ và em gái không nơi nương tựa. Nếu con thì thân của
« con, thì cả nhà được an toàn. Con đã nhất định như vậy, xin cha đừng
« cho con là nghĩ bậy. Và lại con là gái « nữ sanh ngoại cuộc » không
« phải là người trong nhà. Con chỉ tiếc chẳng được như nàng Đê Oanh
« dâng thơ đề cứu cha, nên con mong bằng nàng Lý-Ký bán mình để gỡ
« tội cho cha. « Nói rồi, xem khí sắc nàng rất khích liệt. Vương Viên
« Ngoại thì than thở, không đáp lại được một lời nào, chỉ ôm đầu khóc.

« Bọn tên ứng bổ, sau khi ăn uống xong liền nói với nàng Kiều :
« Chúng tôi dắt lính tôn và lính đệ đi. Cô nương hãy làm mau mau :
« nếu trong ba ngày không xong, thì tôi giải đến quan. Cô hãy lo liệu cho
« sớm, không thì hư việc. Chúng tôi không lo ăn uống cho cha và em
« có được, Vương bà nên đi theo chúng tôi cho biết chỗ, đề đem cơm
« nước lại cho cha và em cô. Còn tôi sẽ thay thế cô để kiếm mối lái
« tìm cho được người hảo tâm chịu ra tiền, như vậy không phụ lòng
« hiếu tâm của cô ».

« Thúy-Kiều nói với mẹ « Ông ứng bổ nói như vậy là phải đó, mẹ
« hãy đi theo ông một lần cho biết đường đi » Vương bà bèn nghe lời
« đi theo bọn công sai và chồng con...

« Sau khi người làm mối giới thiệu Mã giám Sanh cho nàng Kiều
« và sau khi hai bên thỏa thuận kẻ mua người bán, thì nàng Kiều mới nhờ
« Chung Công lo lắng đề tha cha và em ra ». Tôi xin dịch tiếp :

« Nàng Kiều nói : « Chung lão gia, nếu bây giờ tôi có tiền đưa cho
« lão gia, vậy lão gia làm cách nào để cứu khỏi cha và em tôi. Hễ tôi
« nhận tiền rồi, thì phải theo ngay Mã gia (1), rồi mà chuyện không thành
« mà tôi lại phải mang cái xấu vào mình, thì chẳng thà chúng tôi cùng
« chết còn hơn.

« Chung Công trả lời : Tôi tuy ở trong nha môn, nhưng ăn chay
« đã lâu rồi, chuyện nào làm được thì tôi nói làm được, chuyện nào không
« thì tôi nói không. Chuyện nào tôi định không nên kết án, thì quan
« trên biết tôi là người trung hậu, nên nghe lời tôi không kết án. Các
« báng hữu tôi cũng biết tôi là người xuất trực (ngay thẳng) nên phó thác

(1) Tức Mã giám sinh, chữ gia dùng để tặng người cao quý.

« các vụ cho tôi. Cô đã vì cha mà bán mình, tiền ấy ở đâu mà ta
« thì tôi cũng biết, có lẽ đâu tôi dám lãng phí. Trước hết, tôi cùng đi
« với cha và em cô, đến trước mặt bọn quan, thảo một tờ chấp chiếu (1)
« nói rằng mình vô can trong vụ này, rồi tôi sẽ nộp tiền sau cho bọn
« quan. Rồi đó, tôi sẽ gặp bọn hướng mã nói phải trái cho chúng biết,
« biểu chúng đừng dă-dộng đến gia-đình cô ; nếu có chịu khai như vậy,
« tôi sẽ chịu cho nó một số tiền. Còn các bọn công sai, tôi lấy tiền
« chia cho chúng, đề nhờ chúng che chở cho gia-đình cô, chúng cũng làm một
« tờ công trình lên nói rằng gia-đình cô vô can trong vụ này. Còn riêng phần
« tôi thì tôi làm một tờ văn thơ đề bảo toàn cho cha và em cô. Như
« vậy cô còn sợ gì nữa ?

... Sau khi Mã Giám Sanh trao lại cho nàng Kiều 450 lượng, nàng
« mới nói với Chung Công :

« Bây giờ phải làm cho gấp, chớ khá chậm trễ. Lão-gia nên thảo một
« tờ văn thơ cho rõ ràng, tôi giao tiền cho lão gia đề lo phân chia các
« nơi. Lão gia cùng đi với cha và em tôi đến bên quan, đề xin cho được
« tờ chấp chiếu. Hễ xong công chuyện rồi, thì về nhà đây dự tiệc gọi là
« ăn mừng chuyện đã xong ».

« Chung Công nói : Có nương tính toán thật là mau mắn. Đề tôi giao
« cho con tôi là Chung Căn ở lại đây lo lắng, phụ mua các thức ăn
« uống. Chúng ta trước hết nên tính chuyện này cho xong với quan phủ
« đã, rồi trở về viết cho xong tờ văn thơ, thì chuyện sẽ kết liễu »

« Chung Công lại nói với Mã-Giám-Sanh rằng : « Mã gia nên cùng đi
« với chúng tôi trước nha môn, chừng nào chuyện xong cùng nhau về ăn tiệc. »

« Chung Công mới bắt đầu thảo một tờ công cứ (2) ; trong ấy có cả
« người lân cận đứng ký tên. Tờ giấy ấy bỏ trong một cái tráp, trong
« tráp có một số tiền.

« Cả nhà bèn cùng nhau đi vào thành, đến trước dinh quan bình mã.
« Cha con Viên Ngoại đến nha môn đi thẳng ra hậu đường thấy
« quan Dương bình mã thì cúi đầu làm lễ, và thuật lại trước sau
« mọi sự. Quan bình mã nói : Ta đã xem xét những khuất tình trong vụ

(1) Đơn nộp cho quan Tư pháp.

(2) Tờ văn thơ đệ trình cho quan có nhiều người ký tên.

« này, nên ta có bảo bọn hướng mã đừng khai gian cho cha con của ông nữa. » Quan binh mã liền đem tờ công cử ấy trình cho lạc phòng (phòng giải tội), rồi cấp cho một tấm bài phiếu để làm hộ thân. « Liền đó, ra lệnh mở gông cho hai cha con Viên Ngoại. Cha con Viên Ngoại cúi đầu tạ ơn rồi cáo từ. »

« Chung Công mới dắt cha con Viên Ngoại, đến hai tên hướng mã. « Cả ba dùng lời dịu ngọt để an ủi chúng, hứa cho chúng 50 lượng bạc. Hai tên hướng mã mới nói rằng : « Chúng tôi không có đồng sự với cha con ông, nhưng vì có ăn uống với ông vài ba lần, rồi sau khi bị tội hai cha con ông lại bỏ chúng tôi mà đi, không ngờ ngần chi hết. Vì vậy, chúng tôi thấy cha con ông vô tình quá, nên khai ông bị liên can vụ này. Bây giờ, ông đã nói như vậy thì từ đây về sau chúng tôi không dám động tới hai cha con ông nữa ». Hai cha con Vương Viên Ngoại bèn cúi đầu cảm ơn và trao tiền cho chúng. Hai tên hướng mã vừa lấy tiền vừa đáp : Đa tạ, đa tạ », »

« Liền đó Chung Công mới dắt cha con Vương Viên Ngoại đến thăm giám môn (chủ ngục) và đưa cho ông ấy 50 lượng... »

« Sau đó, có một bọn phò ký (1) cùng đi đến một lượt nói rằng : « chúng tôi đến nha môn mới hay cha con Vương Viên Ngoại được phóng a thích, nên đến đây để chúc mừng ». »

« Chung Công nói : « Các anh đến đây thì phải làm. Vương Viên Ngoại muốn trao cho các anh 50 lượng, nhưng các anh hãy làm trước một tờ văn thơ để giải oan cho cha con ông đã, sau tôi sẽ đưa tiền cho các anh chia nhau ». « Bọn ấy đồng thanh đáp rằng : chuyện này Chung Công thay mặt cho quan trên, nên chúng tôi tự nhiên phải theo lời ông dạy ». Bọn ấy đều làm một tờ giải oan, đồng đứng ký tên, rồi lấy tiền mà đi. »

« Sau khi tính toán xong xuôi rồi, thì còn dư 100 lượng, nàng Kiều mới lấy số ấy để tặng cho Chung Công, gọi là cảm ơn công ông lo lắng giùm. Ông này không nhận, nàng Kiều tha thiết nài ni nhiều lần, cũng không được. Nàng mới nói : « Bây giờ tôi mới biết Chung lão gia xứng đáng gọi là nam nhi của trời đất. Cái ơn này biết ngày nào tôi báo được ; tôi xin nhận lão gia là kẻ phụ của tôi, và xin chúc lão gia được

(1) Nguyên chữ tâu là "hoa ké" nghĩa là bọn dè sai vặt

« bá phước, bá thọ và đồng con, đồng cháu ». Nói xong, nàng quỳ xuống lạy. Chung Công khước từ không được, nên phải nhận hai lạy.

Một lát sau, rượu thịt dọn xong, cả nhà ngồi lại ăn uống...

o°o

Đó là một tài-liệu quý giá, lấy trong truyện « Thanh Tâm tài tử », về cái án bán tơ. Vậy cảm tưởng của các bạn ra sao ? Phần tôi, thì đã tự nhủ :

— Chuyện án bán tơ có thể xảy ra thật sự trong xã-hội của nước Trung Hoa trong thời kỳ nhà Minh chăng ?

— Đối với nước Việt-Nam ta, chuyện ấy đã có thể xảy ra không ?

Riêng tôi, đã liên tưởng tới hai câu của Tam nguyên Yên-Đồ :

« Có tiền ấy mà xong nhỉ ?

Đời trước làm quan cũng thế a ? »

Chữ « cũng » đủ tỏ rằng : thời cụ Yên-Đồ, có thể có việc tương tự như trên, nhưng về trước nữa, chính cụ Tam nguyên cũng còn nghi ngờ, mới có câu hỏi như vậy.

Nhưng đây lại là chuyện khác, như nhà văn-sĩ Rudyard Kipling đã nói.



Muốn chấn-hưng văn-hóa và xây đắp tương-lai, hãy mua :

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

do Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất-bản

1 số (giá bán toàn-quốc) 24\$

1 năm (10 số) 240\$

CHÚ THÍCH — 1) Đối với các tư nhân, lệ mua tạp chí phải trả tiền trước (Chỉ gửi tạp-chí khi nhận được ngân-phiếu).

2) Thư-từ mua V.H.N.S., xin gửi về Ông Giám-Đốc Nha Văn-Hóa tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục (số 266, đường Công-Lý, Saigon).

3) Bài soạn cũng gửi về Nha Văn-Hóa (Không có lệ trả lạt bản thảo).

SƠ-KÍNH TÂN-TRANG

(tiếp theo V.H.N.S. số 11)

Nguyên tác của PHẠM-THÁI

BÙI-LƯƠNG khảo-định và chú-giải

IV

Hai thu oanh yến dập-diu,
Hương ưa lan-thất, hoa chiều hạnh-thôn.
Chàng toan định lễ cầu hôn,
Bỗng nghe một tín gia-môn phải về.
Nàng trao một bức cầm đề,
Ghi lời nguyện-ước như bề ái-án.
« Hương lửa tình này dễ nói năng,
« Chẳng hay lòng khách thấu cùng chăng ?
« Vườn đào sức thấy oanh đưa tín,
« Dặm liễu đâu xui yến cách chường.
« Vàng đá nên chăng cùng một ước,
« Nước non thề đã có đôi vường.
« Lời này dặn với tri âm nhé,
« Chớ phụ cầm treo đợi dưới trăng. »
Chàng xem thư dấu thêm phiền,
Nhưng còn áy náy một bên gia đường.
Tức thì sắm sửa hành trang,
Sầu đeo mặt ủ, thắm ràn đào phai.
Ừa dấu sự mới nực cười.
Chẳng hay con Tào trêu người có gì ?
Ông Đò đốc chốn kình kỳ,

Nghe đồn Quỳnh ngọc dung nghi khác với,
Sấm sanh từ tế lạ đời,
Lọng xanh buồng chi, công mai ngáng ngà,
Rỏ ràng bộ dầy (1) cầm hoa,
Xênh xang áo thắm, nhờn nha quần điều.
Giáo ngữ, (2) grom bạc dập diu,
Đôi khiên (3) dăng đình, cặp hèo (4) nghênh ngang.
Quân theo thăm vãn hoang mang,
Phập phào thuốc giã, ngó càng đẹp trai.
Ông nhờ bạc, tráp ngà voi,
Lò hương đồng bạch, nón quai đôi mồi.
Năm ngày ông thầy tới nơi,
Trương công nghe nói toi bồi sửa sang.
Cắt người dọn chốn tỉnh-đường,
Trắng ngần chiếu kè, sáng choang ống đồng.
Dám mời ông lớn vô trong,
Từ đồng tấp nập, trà phòng lạnh trai.
Thung dung mới gọi khoan thai :
« Dám thân (5) có việc chi, người tới đây ? »
Gởi thôi, ông dạy làm vậy :
« Ta nghe chúng nói : Ông rầy có con.
« Vậy nên tính việc cầu hôn,
« Mần rắng (6) tính đó cho tròn mới xong ? »
Trương công nghe nói hãi hùng ;
Gởi rằng : « Trẻ nó ấu trùng (7) dám đầu.

- (1) Bộ dầy : Túi sách tay đựng các thứ trà cau (của các quan cò) bằng gấm.
(2) Giáo ngữ : Ngọn giáo có tua dò.
(3) Khiên : Cái mộc (lá chắn) làm bằng da dầy hoặc bằng gỗ dè dờ tên bắn và giao mác.
(4) Hèo : Gậy làm bằng thứ trúc to.
(5) Thân : thưa trình (tiếng cò).
(6) Mần rắng : Làm sao (tiếng Trung-Việt).
(7) Ấu trùng 幼沖 Thơ đại

« Và tôi với khách Doanh cầu (1)
 « Việc Châu Trần định với nhau đã rồi »
 Ông nghe thấy nói trái tai,
 Dù-dà sấu đá Đồng nai (2) ngày ngà :
 « Đây không đáng rề ông già,
 « Góm gan Đò đốc có là chi mô.
 « Trè bay phá cửa, bay vô,
 Năm bặt ngó thử ấu-cô chừng nào »
 Trương công tìm giọng ngọt ngào :
 « Thân ông (3) thương đến, dạy sao vâng lời.
 « Vội vàng thế chừa hợp ngôi,
 « Hãy xin sắm sửa, nửa tôi dâng người ».
 Ông rằng : « nọ dặng nói chơi,
 Chừng năm ba bữa, tôi sai chúng về ».
 Sắp quan, tể xuống kính-kỳ,
 Ngựa lay mào (4) thắm, ông kễ lọng xanh,
 Trương công tính toán trăm hình,
 Nghĩ rằng chẳng lọt khỏi vành này đầu. (5)
 Bèn vào đến chốn xuân lâu,
 Đòi Quỳnh nương, nói trước sau một điều :
 « Bây giờ con nghĩ thế nào ?
 « Nên chăng liệu đây, làm sao mặc lòng ».
 Quỳnh nương nghe nói hãi hùng,
 Than rằng : « Phận bạc má hồng góm thay !
 « Lời nguyện vãng vãng còn đây,
 « Kim lang biết nổi nước này hay không ?
 « Cũng toan giếng thăm cho xong,
 « Nhưng còn nghĩ lại, tấm lòng chưa an.
 « Thà rằng được thấy mặt chàng.
 « Tô bày tâm sự, thờ than ân tình.
 « Rồi mình sẽ tính phận mình,
 « Cho toàn một ước, cho mình một nguyện »

- (1) Doanh cầu : tên đất thuộc xứ Kinh-bác thời xưa.
 (2) Tiếng chửi của người Nam-Việt thời cũ.
 (3) Tiếng thân đã giải ở trang 28, không phải là Thân ông (ông bạn) thông gia.
 (4) Mào : chòm tua bằng tơ đeo ở dưới cổ ngựa cho đẹp.
 (5) Câu này nghĩa là : Trương Công nghĩ không thoát khỏi tay Đò-dốc.



NHÂN VỢ CHỒNG NGÂU

Ai lên nhân nhủ con trời,
 Dưới trần cũng có bao người
 như Ngâu.
 Hiền-lương cách một dịp cầu,
 Cũng thương, cũng nhớ, cũng
 sầu như ai...
 Ròng tên đầu hiểm anh-tài,
 Bắc Nam rồi sẽ một mai lại gần.
 Hoá-nhi chàng lấp sông Ngân,
 Quê hương, ngày khác, có lần
 lại trở.
 Nghìn thu ghi chép sách trời :
 « Đất Nam dành để cho người
 nước Nam ».

Tú-tài TẾ-XUYẾN

M.T

QUA BẾN SÀI-THÀNH

Lãng-thăng chiều hôm tới bến Sài,
Màn sương nhẹ phủ cảnh trần ai.
Chài buông, sóng gợn, trăng soi tỏ,
Quán mở, đèn giông, khách dạo chơi.
Đô-thị há riêng người phú-quí,
Giang-tân đâu hiếm kẻ anh-tài ?
Thương-lãng điệu hát nhường xa vắng :
Trong đục nền tường, kẻ nữa sai.

NAM-HUNG

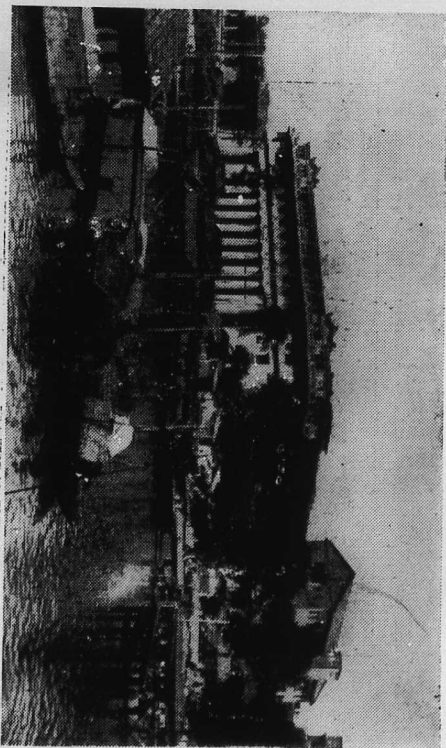
HAI CON GÀ TRỐNG

Cùng một mẹ hai con gà trống.
Con màu nâu cử động nhanh trai,
Tinh hay cậy sức khoe tài,
Thường cùng thân thích hôm mai tranh-hùng.
Con áo trắng cũng hung hăng lắm,
Cũng khoe khoang háo thắng không vừa.
Một hôm, khoảng giữa buổi trưa,
Trong vườn vì hạt cơm thừa chọi nhau.
Cùng hăng tiết đánh mau, đánh mạnh,
Tấn công hay, lẩn tránh đều hay.
Hai bên đá, mổ đang say,
Toạc đầu, con trắng lẩn quay giữa vườn.
Cúc ! cu cu ! cồ vươn cánh vỗ,



Di tượng Nguyễn-Trất
— Xem bài Bình Ngô đại cáo —

— Kính ảnh T.Đ. Nhung —



BẾN SAIGON

— Ngôi nhà bên trái, trông ra bờ sông là trụ-sở Ngân-hàng Quốc-gia Việt-Nam —
(Xem bài thơ : Qua bến Sài-Thành)

Con màu nâu hùng hồ ca vang.
Tiếng ca đầy giọng hân hoan,
Mặc con lông bạch cùng đàn năm rên.
Bồng sà xuống từ trên mây biếc,
Vút như tên hai chiếc diều hâu.
Cả đôi gà trắng gà nâu,
Đều do ác điều, quắp đầu tha đi.

o o

Đời lắm kẻ ngu-si cũng thế,
Quá yêu mình mặc kệ ai ai.
Anh em tranh cạnh nhau hoạt,
Tình trong quên lãng, người ngoài cười chê.

Tặng-chi

TRẦN-VĂN-THUỘC



MUNG GẶP BẠN CU

Hai mươi năm trước lại bây giờ,
Gặp bạn tao-đàn tỉnh giấc mơ.
Nhớ nhà như in phong-thái cũ ;
Ái ưu nào khác chủ-trương xưa.
Giang sơn chia sẻ, đời dòng hận ;
Hồ hải vơi đầy, một áng thơ.
Tuế-nguyệt khôn phai tình cố-cựu,
Hàn huyền cho bố lúc trông chờ.

Bạch lĩnh
VŨ-VĂN-LỄ

BÌNH-NGÔ ĐẠI-CÁO

(nguyên - văn chữ Hán của Nguyễn-Trãi)

(Tiếp theo V.H.N.S số 12)

PHIÊN-ÂM

Tốt năng dĩ đại nghĩa nhi diệt hung tàn.
Dĩ chí nhân nhi địch cường bạo.
Bê-Đằng chi đnh khu điện xiết.
Trà-Lân chi trúc phá hồi phi.
Sĩ khí dĩ chi ích tăng.
Quân thanh dĩ chi đại chấn.
Trần-Trí, Sơn-Thọ chi đồ, văn phong nhi sĩ phách.
Lý-An, Phương-Chính chi bối, giả tức dĩ thâu sinh.
Thừa thắng trường khu,
Tây kinh ký vi ngã hữu.
Tuyên phong tiến thủ,
Đông-đô tận phục cụi cương,
Ninh-kiều chi huyết thành xuyên, lưu tinh vạn lý.
Tụy-Động chi thi mãn dã, dĩ sú thiên niên.
Trần-Lãnh tặc chi phúc tâm, ký kiều kỳ thủ.
Lý-Lượng tặc chi gian đồ, hựu bộc quyết thi.
Vương-Thông lý loạn,
Nhi phần giả ích phần.
Mã-Anh cứu đầu.
Nhi nộ giả ích nộ.

DỊCH NGHĨA

của Đông Chương Nguyễn sĩ-Thiền

LỜI CÁO VỀ VIỆC Dẹp NGÔ (nói)

Đem binh-nghĩa dẹp bầy hung-ác,
Dùng chí-nhân đòi các bạo-gian.
Bê-Đằng chớp động sấm vang,
Trà-Lân trúc trê gio tàn tung bay.
Dòng sĩ khí càng ngày càng tiến.
Tiếng quân-hàng vang chuyền khắp phương.
Trần-Trí, Sơn-Thọ một phường,
Vía tan theo gió, hết đường dọc ngang.
Lũ Phương-Chính, Lý-An kia nữa,
Nín tâm hơi từng bữa sống qua.
Quân ta thừa thắng đánh ra,
Tây-kinh phục lại một nhà trong tay,
Tuyên dũng-sĩ tràn đầy các ngã.
Đất Đông-đô xưa đã thu về,
Ninh-kiều sông máu góm-ghe,
Chảy lan muôn dặm bốn bề hội tanh.
Nơi Tụy-Động thấy phan đờng nội,
Đề tiếng dơ vang dội nghìn thu.
Trần-Lãnh tặc-phúc quân thù,
Đã đem hình phạt thâm chu treo đầu.
Lý-Lượng là một sâu dân chúng,
Cũng mang ra mổ sống chém tươi.
Vương Thông mưu loạn rối bời,
Lấy đầu chứa lửa có đời nào xong.
Mã-Anh lại cố công chống giữ,
Mà lòng người phần nộ càng thêm.

Bồ trí cùng nhi lực tận, thúc thủ dài vong.

Ngã mưu nhi tâm công, bất chiến tự khuất.

Vị bị tất địch tâm, nhi cải lự khởi ý phục tác nghiệt dĩ tốc cô.

Chấp nhất kỷ chi kiến, nhi giá họa ư tha nhân.

Tham nhất thời chi công, nhi dĩ tiểu ư thiên hạ,

Toại sử Tuyên-Đức chi giáo trọng, độc binh vô yếm.

Viên mệnh Thạnh, Thăng chi nhu tướng, binh do Ôn Khâu nhi tiến.

Bản niên thập nguyệt Mộc-Thạnh, diệc phân đồ tự Vân-Nam nhi lai.

Dư tiền ký tuyên phục tốt, tác hiềm dĩ tời kỳ phong.

Hậu hựu điều kỳ binh, tiết lộ dĩ đoạn kỳ thực.

Thập bát nhật Liễu-Thăng ký vi ngã sở công.

Kế dọa ư Chi-Lăng chi dã.

Nhị thập nhật Liễu-Thăng, hựu vi ngã sở bại.

Thân tử ư Mã-An chi sơn.

Nhị thập ngũ nhật Bảo-định bá, Lương-Minh trận hãm nhi táng khu.

Nhị thập bát nhật Thượng-thư tào, Lý Khánh kế cùng nhi
vãn cảnh.

Ngã ký nghênh nhận nhi giải.

Bĩ tức đảo qua tương công.

Kế nhi tứ diện thêm binh dĩ bao vi.

Kỳ dĩ thập nguyệt trung tuần nhi diễn diệt.

(Còn tiếp)

Trì cùng, lực tận, tâm phiền,
Bó tay chờ chết chịu yên một bề.

Ta mưu chính binh-tề hăng-hái,

Chẳng giao phong, giặc phát thua ta.

Tướng rằng chúng biết nhìn xa,

Ngờ đâu lọt chuốc can-qua lọt ònh.

Đem ý-kiến của mình riêng thấy,

Rắc gieo cho ai nấy khổ chung.

Chỉ tham vì một chút công,

Đề làm thiên-hạ cười trong muôn đời.

Khiến Tuyên-Đức là người trá-biến,

Việc cơ-nhung hiểu chiến không thôi.

Sát Thạnh, Thăng bọn tôi đời,

Ôn Khâu trừ liệu tính bài tiền quân.

Mộc-Thạnh tháng mười năm ấy,

Từ Vân-Nam cũng dấy binh sang.

Quân ta mat-phục sẵn sàng,

Đón nơi hiềm-yếu phá tan toán đầu.

Rời huy-động chặn sau đánh trước,

Đám quân-lương dừng bước quay về.

Liễu-Thăng khốn ách bốn bề,

Đến hôm mười tám hết nghề khoe hay.

Chi-Lăng-ai là ngày cùng tận,

Buổi hai mươi bị tấn công thua.

Núi Yên, ngựa mắc mọo lừa,

Cuộc đời gian-tặc cũng vờ bỏ thân.

Bảo-định-bá Lương-Minh trận hãm,

Ngày hai mươi thê thảm xác hình.

Thượng-thư Lý-Khánh hôn kịch,

Giữa hãm tám phát liêu mình tự yên.

Ta tiền đầu đẹp yên được dấy.

Nó liền quay đánh bảy lần nhau.

Thêm binh vây bọc trước sau.

Tháng mười hẹn chẳng còn đầu quân thù.

Còn tiếp



LÃO TỬ
ĐẠO ĐỨC KINH

quốc-văn giải-thích
 (tếp theo V. H. N. S. số 12)

NGHIÊM TOÀN dịch thuật

XIX

私	屬	不	此	素	民	百	絕		
寡	見	足	三	利	復	倍	聖	十	
欲	素	故	者	盜	孝	絕	素	九	
	抱	令	以	賊	慈	仁	智	章	
	撲	有	為	無	絕	素	民		
	少	所	文	有	巧	義	利		

DỊCH ÂM

THẬP CỬU CHƯƠNG

Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội. Tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ. Tuyệt xảo khí lợi, đạo tắc vô hữu. Thứ tam dã dĩ vi văn bất túc, cổ linh hữu sở chúc. Hiện tử báo phác, thiêu tư quả dục.

DỊCH NGHĨA
CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

Dứt thánh bỏ khôn, dân được lợi gấp trăm lần.

Dứt nhân bỏ nghĩa, dân trở lại thảo, lành.

Dứt khéo bỏ lợi, không có trộm giặc.

Ba thứ ấy lấy làm căn không đủ, cho nên khiến phải có cái đề chuyên chú vào (1): « Hiện rõ trong sạch trắng nõn, ôm giữ mộc mạc, ít riêng tây, ít ham muốn. »

CHÚ GIẢI

Chữ và câu khác nhau tùy theo các bản.

Hồ Thích nói « Câu : tuyệt học vô ưu 絕學無憂 » ở đầu chương XX, trong bản của Vương Bật, nên đem lên đề ở cuối chương XIX này, sau câu : Hiện tử, báo phác, thiêu tư, quả dục 見素抱樸少私寡欲. »

Dịch Thuận Đình nói : Văn tử 文子 (2) đặt bốn chữ Tuyệt học vô ưu 絕學無憂 lên trên bốn chữ Tuyệt thánh khí trí 絕聖素智, ngờ rằng bản cũ chép như Văn tử chẳng ?

Trần Trụ phản đối thuyết của Hồ Thích và theo Dịch Thuận Đình.

Họ Trần căn cứ vào phép đặt câu, giải thích rằng : Câu « Hiện tử báo phác thiêu tư quả dục 見素抱樸少私寡欲 » gồm bốn mệnh đề đều là mệnh đề độc lập tĩnh trí. Câu : « Tuyệt học vô ưu 絕學無憂 » gồm một mệnh đề chính « Tuyệt học 絕學 » và một mệnh đề phụ « kết quả » : vô ưu 無憂 (= tắc vô ưu 則無憂 = thời không lo) ; cú pháp hai « câu không giống nhau, nên ta không thể theo Hồ Thích ; mà phải đặt câu Tuyệt học vô ưu 絕學無憂 » lên đầu chương XIX, trước câu « Tuyệt thánh khí trí 絕聖素智 » ta nhận thấy văn lý có vẻ xuôi hơn.

Nếu như vậy, ta sẽ có bốn chữ Tuyệt 絕 (chứ không phải ba) : Tuyệt học 絕學, Tuyệt thánh 絕聖, Tuyệt nhân 絕仁 Tuyệt xảo 絕巧 và ba chữ : « Thứ tam dã 此三者 » sau này, phải đổi thành « Thứ tứ dã 此四者 » cho dưới trên phù hợp.

(1) Hoặc cũng có thể dịch là : « ... đề bảm đĩnh, phụ thuộc, nương dựa vào » (xin xem phần chú giải ở dưới)

(2) Tên sách, của Văn tử 文子, một đệ tử của Lão tử.

Tuyệt 絕 : Đứt, hết.

Thánh 聖 : 1— Sáng suốt ; đối với việc, không cái gì không thấu suốt, biết tỏ.

2— Tinh thông về một cái gì, không ai bì kịp.

Khí 棄 : Vứt bỏ.

Trí 智 : Khôn ; hiểu thấu suốt sự lý.

Bội 倍 : Gấp.

Bách bội 百倍 : gấp trăm.

Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội.

Đem cái sáng suốt, hiểu biết, khôn ngoan ra dùng để sửa trị việc nước, ấy là theo lối « *Hữu vi nhi trị* ». Đã dùng phép « *Trị hữu vi* » rất dân bị quấy rối phiền nhiễu, không thể gì tránh khỏi được, vì vậy mới nói : « đứt thánh, bỏ khôn, dân được lợi gấp trăm. »

Phục 復 : lại.

Hiếu 孝 : thảo, nói con thờ cha mẹ hết lòng.

Từ 慈 : lành ; yêu rất mực. Cha mẹ yêu con gọi là từ.

Tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ.

Nhân và Nghĩa dùng để dạy người. Phải đem Nhân Nghĩa ra dạy người ta là vì có kẻ ăn ở trái cả đạo hằng ; song Nhân Nghĩa không nên đề cao, vì đề cao Nhân Nghĩa tức là trong khoảng vô hình, ta đã ngược trở lại gây thêm cho dân chúng lòng bất nghĩa bất nhân ; ta chỉ cần khiến con người quay trở về bản tính thiên nhiên cũng đủ lắm rồi, nên mới nói : « đứt nhân bỏ nghĩa, dân trở lại cha lành con thảo ».

Xảo 巧 : khéo,

Đạo 盜 : kẻ trộm, kẻ cắp ; lấy cái không phải của mình.

Tặc 賊 : giặc.

Đạo tặc 盜賊 : Hai chữ thường đi đôi, dùng làm danh tự kép

Chia ra : lấy trộm của người gọi là **đạo**.

cướp của giết người gọi là **tặc**.

Đạo : nhỏ và nhẹ. **Tặc** : lớn và nặng.

Tuyệt xảo, khí lợi, đạo tặc vô hữu

Coi khôn ngoan khéo léo làm trọng, lầy lội riêng làm quý, ấy là khơi ra tâm lòng ăn trộm, ăn cướp, làm giặc, nên mới nói : « đứt khéo, bỏ lợi, không có trộm giặc rầy lên ».

Văn 文 : 1— Cái hiện ra rõ ràng của Đạo như thi, thư, lễ, nhạc, chế độ ; tỷ dụ như chữ Văn trong câu sau này ở thiên Học nhi, Luận ngữ : « Đệ tử, nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cần nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực tắc dĩ học văn ». (1),

2— về trang sức bề ngoài, đối lại với **chất** 質 ; tỷ dụ như trong câu : « chất thẳng văn tắc dã... » (2) (Luận ngữ ; Ung dã)

Linh 令 飢餓 :

Chúc 屬 : 1— Bám dính, phụ thuộc vào.

2— Chuyên chú vào cái gì. Cũng như chữ **chú** 注 (theo Lục đức Minh).

Hiện 見 : Tô rõ, hiện ra

Tố 素 1— Tơ trắng

2— Trắng nõn

3— Nói người có lòng trong sạch, phẩm hạnh cao khiết.

4— Nói rộng : cái gì có vẻ mộc mạc, không chạm vẽ.

Bảo 抱 : 1— Ôm bế 2— Giữ chắc

Phác 撲 1— Mộc mạc

2— Nói đồ đạc đương làm chưa xong.

Tư 私 : Riêng tây

Quả 寡 : Ít

Dục 欲 : Tham muốn, yêu-muốn, muốn mong

1—子曰 : 弟子入則孝出則弟謹而信汎愛衆而親仁行有餘力則以學文 (論語 : 學而.)

Đức Khổng nói rằng : Cái chức vụ của kẻ đệ tử vào chốn gia đình thì giữ điều hiếu ; ra chốn tôn tộc thì giữ điều lễ, nét phải kính cần mà nói phải tin thực ; rộng yêu kẻ chúng chớ có ghen ghét mà phải thân với kẻ nhân hiền là kẻ hơn mình đề cầu tiến ích. Hằng ngày làm những việc trên ấy, khi có sức thừa thì dùng để học tập việc « văn ».

2—子曰 : 質勝文則野... (論語 : 雍也)

Đức Khổng nói rằng : « Chất hơn văn thì là người quê... »

Thứ tam dã dĩ vi văn bát túc

Ba thứ ấy, tức là » dứt thánh bỏ khôn, dứt nhân bỏ nghĩa, dứt khéo bỏ lợi », đứng về phương diện luân lý chỉ là thái độ tiêu cực, nên không đủ làm cái hiện ra rõ ràng của Đạo, vì nó thuộc phạm vi trang sức chứ không phải thực-thể thiên-chân.

Cố linh hữu sở chúc : hiện tổ, báo phúc, thiêu tư quả dục

Cho nên phải có thái độ tích-cực bỏ xung, phải có một chỗ « ngừng » (1) để tâm tư người ta bám dựa, chuyên chú vào. Chỗ « ngừng » ấy là gì ? tức là « ôm giữ một mực, tỏ rõ trắng trẻo tinh thuần, ít riêng tây ham muốn ». Con người sẽ phẳng phỏ trong sạch, thành thực khản kiệt, không có chút chi dối trá, trừ hết lòng tư tui ích kỷ, giảm hết mọi dục vọng, không đến nỗi tham lam không chán, và khi đã đạt tới trình độ ấy, thì chẳng dứt bỏ cũng tự nhiên dứt bỏ được ba cái nói ở trên kia.

Thánh, trí là Tài lành,

Nhân, nghĩa là là Đức cao,

Xảo, lợi là Dụng thần tình ;

thế mà nói trắng ngay là đem vứt cả đi, vì cái *văn vẻ* của Đạo hiện ra bên ngoài rất mực không đầy đủ. Nó không đáng kể, không xứng đáng làm chỗ *ngưng* cho tâm hồn ta nương dựa ; con người chỉ nên chuyên chú vào đức « trắng tinh một mực, chay lòng ít muốn » mà thôi.

Lão-tử khuyên ta phá bỏ đời nhân nghĩa *hữu vi* để lộn trở lại đời Đạo-Đức đơn thuần ; ta đã biết Thánh, trí, Nhân, nghĩa, Xảo, lợi đều do tương đối, so sánh mà sinh ra ; vì phỏng ta có thể khiến trong thiên hạ mọi người đều Thánh, Trí, thì Thánh, Trí không còn cách gì biểu lộ ; nếu ta có thể khiến mọi người đều là cha lành con thảo, mọi người đều xảo, lợi ắt hẳn nhân, nghĩa, xảo, lợi không thể do đường lối nào mà phát xuất, ấy chính là phương pháp dứt thánh bỏ trí, dứt nhân bỏ nghĩa, dứt khéo bỏ lợi ; vì sao ? kia « nước Việt không có bờ, nước Yên không có áo giáp, không phải là không có bờ, không có áo giáp đâu. Người người mà có thể làm bờ ; người người mà có thể làm áo giáp được vậy ! » (2)

1—Dịch chữ « chỉ » 止 trong câu « Tri chi nhi hậu hữu định 知止而后有定..... » (Đại Học)

(2)—Dịch câu : « Việt vô bác, Yên vô hàm, phi vô bác dã, phi vô hàm dã ; phủ nhân nhi năng vi bác dã, phủ nhân nhi năng vi hàm dã » (Chu Lễ : khảo công kỹ, bù thêm vào thiên thứ sáu) 粵無錫燕無函非無錫也非無函也夫人而能為錫也夫人而能為函也 (周禮 : 第六篇 : 補 : 考工記)

Chủ trương « dứt, bỏ » của Lão-tử cũng giống in như thế. (1) Song xã-hội loài người đầy rẫy sự chênh lệch ; ba thứ Thánh trí, Nhân nghĩa, Xảo lợi, làm sao có thể khiến cho mọi người thấy đều bằng nhau và có đủ ; đã không thể bằng nhau và có đủ được, thì quyết nhiên ta không nên đem ba cái đó ra huyền hoặc nhân tâm.

Ta chỉ khiến cho nhân dân chuyên chú gửi lòng vào sự « tỏ rõ trong trắng tinh thuần, nắm giữ một mực, ít ham muốn, không riêng tây », nhân dân sẽ không dă-dối đua khéo tranh tài, và không bị hãm vào vòng trá ngụy hay xa xỉ.

ĐẠI Ý KIỂM TÔNG BÌNH

Chương này tiếp theo ý chương trên.

Chương trên phản đối phép Trị *Hữu-Vi* và bày tỏ kết quả tai hại khi Đạo Lớn đã chia lìa.

Chương này trình bày đường lối :

a) tiêu cực : dứt bỏ thánh trí, xảo lợi, nghĩa nhân và

b) tích cực : tỏ rõ trắng trong, ôm giữ một mực, ít muốn, chay lòng, đề duy trị và trở lại cái đơn thuần của Đạo.

o°o

Phụ chú. — Ta nên hiểu thâm ý của Lão-tử. Lão-tử thấy ở đời Danh làm hại Thực ; cái Danh đưa tới giả hình, xảo quyết, lừa dối ; do vậy Người mới chủ trương vứt bỏ hình thức bề ngoài phiến toái nó chỉ là phần phụ, đề quay về với Thiên Chân hằng có ở bên trong.

(Còn tiếp)

1 — Ý nói toàn thể đều cùng có, cùng tuyệt đối bình đẳng, tự nhiên có cũng như không. Tỷ dụ : ai ai cũng đeo cà rế, hết xoàn, ai ai cũng có nhà lầu xe hơi, ai ai cũng có băng cấp bác vật cử nhân, ai ai cũng là họa sĩ, thi hào... ắt hẳn những cái có ấy không đủ trọng kính và cũng chẳng khác gì không có.



TƠ SỢI NHÂN-TẠO

của DIỆP-CHI

THỜ I thường, mối thắc mắc của nhân-loại đều quanh quẩn xung quanh hai vấn đề chính là ăn và mặc. Từ ngàn xưa, khi con người ta còn ăn lông ở lỗ, hai mối lo ấy đã rầy rụa, và mỗi bước tiến của nhân-loại đều được đánh dấu bằng một phương-thức sản xuất mới làm cho con người được ăn và mặc đầy đủ hơn.

Vấn đề ăn hiện nay đang được tất cả các nước trên thế giới đặc-biệt chú ý nghiên cứu. Những kế hoạch mới được đề ra để tăng gia sức sản xuất về nông nghiệp, lựa những giống gia súc chống lòn đẻ chăn nuôi; phương pháp đánh cá cũng ngày càng hoàn bị. Hơn nữa, người ta dùng những phương pháp tối tân nhất như lối ghép-cây, dùng phóng xạ năng v.v... thay đổi cả các giống động và thực vật, cho hợp điều kiện thủy thổ của từng vùng, hoặc gây nên những giống mới lợi nhiều mà công chăn nuôi vun trồng lại ít. Biện cũng được thí nghiệm để trở nên những « cánh đồng » kiểu mới, trong đó người ta sẽ cấy các thứ rong biển ăn được, chăn nuôi các loài cá, tăng gia các loại phiêu sinh vật bất cứ thuộc động vật (zooplancton) hoặc thực vật (phytoplacton), vì đó là đồ ăn chính của cá. Tất cả các giống này hiện nay còn sinh sản ngoài sự kiểm soát của loài người.

Bước thêm một chút nữa, các nhà bác học hiện đã khám phá ra nguyên tắc quang hợp (photosynthèse) và tìm được cách dùng thẳng năng lực của ánh sáng mặt trời để tổng hợp các chất đơn-giản sẵn có ê-hê, như khinh khí trong nước, dưỡng khí và thán tố trong không khí, biến chúng thành chất bột không cần đến cỏ cây là những bộ máy thiên nhiên nữa; vì những bộ máy này không những ta mất nhiều công phu vun trồng mà năng xuất của chúng lại cực kỳ thấp: 99 o/0 năng lực nhận được bị chúng để phung phí đi hết, chỉ còn độ 1 o/0 thực dụng vào việc chế tạo mà thôi.

Tất cả những kết quả thu hoạch được trên địa hạt này đủ làm cho chúng ta vững lòng nhìn vào tương lai, mà không lo chi nạn đói.

Riêng về vấn đề mặc, thời không còn thuộc tương lai nữa, mà đã được giải quyết một cách rất khả quan ngay từ bây giờ. Những thứ tơ sợi nhân tạo (artificiel) như rayonne, fibranne v.v.. hoặc tổng hợp (synthétique) như nylon, rhovyl, rilsan, tergal, crylor, dacron v.v., hiện nay, hàng năm được sản xuất hàng bao nhiêu vạn tấn. Thêm vào đó, những sự tìm tòi vẫn tiếp tục, hiến cho nhân loại những thứ tơ sợi mới, đẹp hơn, bền hơn, và thích hợp với từng nhu cầu đặc-biệt. Với khoa học nguyên tử, một nguồn năng lực cực kỳ phong phú đã xuất hiện, và ta có thể nói là rồi ra không còn có giới hạn nào cho sự sản xuất này nữa.

Nếu một ngày mai gần đây, vấn đề sản xuất thực phẩm cũng đi được tới mức hiện nay của nền tơ sợi, nghĩa là chỉ tùy theo kho năng lực của ta, chứ không còn lệ thuộc vào các sinh vật hoặc thời tiết nữa thì ta có thể tự hào là nhân loại đã làm chủ được đời mình, và rú được cái họa lớn nó đã gây ra bao nỗi đau thương, bao sự tranh chấp, và kim hãm con người trong cái vòng quá nhỏ hẹp là chỉ lo vật lộn sao cho đủ miếng ăn, manh áo.

Nhận thấy đã đến lúc trình cùng độc giả, bước tiến vĩ đại bảo đảm sự thừa thãi cho một trong hai nhu cầu sinh tử của ta, chúng tôi xin trình bày trong bài này những khả năng loài người đã tìm được, và công lao các nhà bác học trong vấn đề tơ sợi.

A— TƠ SỢI TRONG THIÊN-NHIÊN.

Chúng ta đều biết: mọi sự biến cải hàng ngày xung quanh ta, ngay như nhất cử nhất động của chúng ta, thậm chí đến những ý nghĩ của chúng ta, cũng đều do một năng (énergie solaire) trực-tiếp hoặc gián tiếp gây ra cả. Những bộ máy thiên nhiên làm ra tơ sợi cũng theo công lệ đó: cây có sơ như bông, đay, gai, v.v.. cũng nhờ một năng mà tổng hợp nên các chất khinh khí, dưỡng khí, thán tố, thành chất sơ. Con tằm nhả tơ cũng nhờ lá cây dâu đã được cấu tạo do một năng. Nếu chúng ta nghĩ đến bộ máy đơn giản nhất là loài thực vật mà cũng chỉ dùng được có 1 o/0 một năng để làm ra cây, trong đó lại chỉ một phần, thường thường ít ỏi, là sơ có ích cho ta mà thôi, thì ta biết ngay rằng con tằm, với sự chế biến chất bột lá dâu ra tơ, tất nhiên đã phung phí và sẽ lại bị năng xuất đó xuống một mực nữa. Như vậy, so với những bộ máy loài người chế tạo còn thua xa: máy hơi nước, năng xuất nhiệt

động (rendement thermo-dynamique) vào hạng kém nhất mà cũng còn được từ 7 đến 20%, máy « diesel » được từ 35 đến 40% ! Không những thế, công việc cấu tạo những bộ máy thiên nhiên rất công phu, mất nhiều thời giờ, phải nhiều người giúp-giáp, ấy thế mà sau mỗi vụ sản xuất, chúng lại tự hủy đi, làm cho người ta phải cấy hoặc chăn nuôi lại. Đó là không kể, chi vãi con nắng rất, kém mưa, là đủ làm cho cây chết, hoặc một vài con ruồi bay vào đẻ trứng là đủ làm bao nhiêu nông tằm đành phải dở đi.

Những công việc đó thật là phiền toái, mất thời giờ, mà kết quả lại ít ỏi và không chắc chắn, thành thử chúng ta đứng trước một cảnh trái ngược là trong khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống vãi xuống biết bao đời bãi trơ-trọi, biển cả mênh-mông, trong khi hầu hết năng-lực quý báu đó bị dở đi, không hề sản xuất, thì con người lại phải làm ăn cực nhọc khổ sở mà vẫn chịu nổi thiếu thốn về y-phục che thân !

B— TƠ SỢI NHÂN-TẠO ĐẦU TIÊN.

Từ thượng cổ, con người đã bán-khăn bất-mãn về những khuyết-diêm và sự nghèo-nàn của tạo vật ; nên đã lâu lắm, họ tìm cách bỏ xung kho y-phục của mình, bằng những thứ tơ sợi mới, hoặc cố tận dụng những bộ máy thiên nhiên bị hỏng cho khỏi phí :

Người Tàu từ đời cổ đã biết dùng tằm chết ngâm vào nước thành một chất đặc sệt lại, rồi rút ra một thứ sợi dài và không gián đoạn.

Người Ai Cập xưa cũng đã dùng tơ của một vài thứ nhện dẹt. Kỹ nghệ tơ nhện được tiếp tục cả ở nước Ý-đại-lợi trong thời trung cổ, cho tới 1750 tại nước Pháp cũng hãy còn hãng Cochet chuyên dùng tơ nhện. Một người Pháp là Louis Bon cũng đã dẹt những găng tay và bít tất bằng tơ nhện, nổi tiếng là đẹp, nhẵn và bền, hơn cả tơ tằm nữa.

Những cố gắng của cô nhân dù thế, cũng không tăng thêm được bao nhiêu tơ sợi, nên vấn đề thiếu mặc cũng vẫn rất gay go.

C— CÁC NHÀ BÁC-HỌC NGHIÊN-CỨU.

Ý nghĩ bắt tạo vật phải thay đổi theo nhu-cầu của mình, không phải bây giờ mới có, mà có lẽ đã xuất hiện cùng với loài người. Chỉ vì khoa học cho tới cách đây chừng một thế kỷ, cũng còn nhiều khiếm-khuyết, nên mộng kia vẫn chưa thực hiện được, và bị coi là cuồng vọng.

Tuy nhiên, trong khi đó, các phát minh vẫn tiếp tục làm giàu cho

sự hiểu biết của nhân loại, tới khoảng cuối thế kỷ thứ XIX thời vấn đề tự cung cấp áo mặc, đã có nhiều kết quả.

Chúng ta đều biết : các sợi do thực vật cung cấp như các sợi bông, gai, đay, « lin » cho đến cả các thứ gỗ, thứ tre, v.v. đều do một chất là cel-lu-lốt (cellulose) hoặc nguyên hoặc pha cấu tạo nên. Tới năm 1846, một hóa học gia người Thụy-sĩ là Christian Schoenbein, giáo sư trường đại-học Bâle, dùng axit-ni-tơ-ric (acide nitrique : NO_3H) biến chất cel-lu-lốt ($\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5$) thành một thứ thuốc súng không có khói (coton poudre) cũng gọi là « nitrocellulose ». Cùng năm đó, Louis Nicolas Ménar, một họa-sĩ kiêm thi-sĩ Pháp, thử ngâm chất « nitrocellulose » vào trong cồn pha ê-te (ether), thời thấy nó tan ra, người ta gọi dung dịch đó là collodion.

Nhà tiên-phong

Tới khoảng năm 1880, Hilaire de Chardonnet, một vị hầu tước người Pháp, rất ham chụp ảnh, một hôm đánh vỡ lọ collodion trên bàn trong khi dùng nó làm những tấm collodion trong nghề ảnh, nên tức mình bỏ đó. Ngày hôm sau, ông ta lau bàn, thấy chất collodion đã sệt lại và theo tay ông kéo dài ra như những sợi tơ, làm cho ông nảy ra ý kiến dùng nó làm tơ nhân-tạo. Ông liền áp dụng phương-pháp làm các sợi tóc trong bóng đèn điện : cho phun chất collodion qua những lỗ rất nhỏ thành những sợi cực kỳ mảnh. Và tới năm 1889, tơ nhân tạo ra đời.

Nhưng đầu đã là thứ tơ hiện nay ta được dùng. Tuy rất nhiều người buổi đầu ưa thích nó, nhưng chất đó trước sau vẫn là chất « nitro-cellulose », là vật rất dễ cháy. Muốn biết người mặc nó để bị hỏa hoạn thế nào, ta cứ lấy con búp bê bằng nhựa của trẻ con chơi, đốt lên xem sẽ biết ; nó cháy vèo ngay đến tận tay cầm. Ấy thế mà con búp bê mới chỉ là chất nhựa « celluloid », trong đó mới có già nửa (65%) là nitrocellulose mà thôi. Vì một số tai nạn xảy ra, nhà máy Chardonnet đóng cửa, và ông ta phải sang sinh cơ lập nghiệp tại nước Anh.

D.—PHƯƠNG-PHÁP HOÀN-BỊ ĐẦU TIÊN :

THỨ SỢI « VISCOSE »

Sau ông, hai nhà bác-học khác là Charles F. Cross và Ernest J. Bevan tìm cách làm tơ nhân-tạo một lối khác. Hai ông đó, trong những cuộc thí-nghiệm liên-miên, đã nhận thấy chất xút (soude) có thể biến chất cel-lu-lốt

thành một cel-lu-lốt kiềm (cellulose alcaline). Chất này bỏ trong một chất lỏng là « bisulfite de carbone » lại biến thành một chất mới, màu có thể từ vàng nhạt đến màu da cam đậm, và đọng lại thành những hòn bi cực nhỏ. Những hòn bi này bỏ vào chất xút (soude caustique) liền tan ra thành một chất lỏng quánh như nước đường. Đề trong một nơi nóng không quá 66 độ, chất này lên men, và hóa ra chất « viscose ». Người ta phun chất viscose qua những lỗ nhỏ li ti vào một thùng đựng dung dịch át-xít, chất đó liền đông lại thành sợi.

Nói ra thì dễ, nhưng thực không phải quá giản-dị như ta tưởng. Thời gian, nhiệt độ, độ ẩm v.v. tất cả đều được ước tính và đo lường tới ư kỹ-lưỡng, nếu không là hỏng hết.

Chất cel-lu-lốt kiềm, phải để cho nó một thời-gian biến cải, vì ảnh hưởng của sự biến cải này đối với độ quánh của chất viscose không phải là nhỏ. Độ nóng cũng vậy, nếu cao quá là hỏng. Ngay như khi bỏ nó vào chất bisulfite de carbone, nếu để cho phản ứng xảy ra quá nhanh, thời những viên « bi » màu vàng sẽ dính lại và không dùng được. Còn như chất viscose, hễ để quá lâu là chất cellulose sẽ tự phân ra, và không còn kéo thành sợi được nữa. Vì thế, phải luôn luôn thử xem, hễ vừa đúng độ quánh, là đem kéo ngay thành sợi. Cái độ quánh này ảnh hưởng rất lớn tới giá trị của sợi, nó có thể làm thay đổi mặt hàng, làm cho kém dai hoặc khó nhuộm màu.

Những tia viscose đông lại trong dung dịch át-xít, và nhiều tia chập lại thành một sợi. Vì chất kiềm của viscose làm sai độ át-xít của dung dịch, nên dung dịch này phải luôn chảy qua một chỗ có bộ phận điều hòa, làm cho độ át-xít sul-fu-rich (acide sulfurique : SO^4H^2) bao giờ cũng ở mức 110%.

Như thế, nào đã hết khó-khăn. Những sợi khi đã thành đều được quấn trên những chiếc ống. Ấc thay, đường kính chiếc ống này vì có sợi quấn lên trên, nên mỗi lúc một lớn dần, làm cho sợi bị kéo mỗi lúc một nhanh, sức phun của viscose không thay đổi theo độ nhanh đó được, nên sợi mỗi lúc một mảnh thêm. Muốn cho sợi lúc nào cũng to đều, người ta lại phải chế ra cơ quan làm cho những ống đó chạy chậm dần theo một nhịp-độ phù-hợp với đường kính của ống, khiến sợi lúc nào cũng được rút với một sức nhanh đều đặn.

PHƯƠNG PHÁP HOÀN BỊ THỨ HAI : CHẤT A-XÊ-TÁT CEL-LU-LỐT

(Acétate de cellulose)

Hai anh em ông Dreyfus cũng chú tâm dùng một dung dịch cel-lu-lốt để tạo ra sợi. Hai ông tìm cách làm cho chất nitrocellulose trở nên không cháy, tức là có ý cải thiện sản phẩm của phương pháp Chardonnet, nhưng thử đi thử lại, cái chất quái ác đó vẫn không chịu mất tính cách cực kỳ dễ nổ của nó.

Hai ông đành bỏ cuộc, và quay về một chất mà người đương thời đã biết chế ra : chất a-xê-tát cel-lu-lốt. Hồi năm 1910, anh em ông mở hãng làm phim chiếu bóng bằng chất này, và bán nhiều nhất là cho hãng Pathé. Nhờ đó, những vụ cháy phim tại các rạp chiếu bóng đỡ hẳn đi.

Tuy suốt thời gian đại chiến thứ nhất, anh em ông được sự giúp đỡ của các chính phủ Anh và Mỹ để thí nghiệm làm những thứ vải đặc biệt dùng cho máy bay, nhưng thứ hàng rayon bằng chất viscose lúc đó đã được thịnh hành nên giá đã hạ, và quen khách hàng, bởi vậy thứ hàng mới bằng a-xê-tát cel-lu-lốt của anh em ông Dreyfus không có chỗ lên chân trên thị trường, ở Cựu cũng như ở Tân thế-giới.

Hai anh em ông Dreyfus liền quyết tâm theo đuổi tìm ra phương pháp hạ giá thành của sản phẩm mình. Sau một năm cố gắng tìm ra phương pháp thích hợp, sản phẩm của hai ông lại bị người ta không ưa chuộng, vì không dệt được mà cũng không nhuộm được với những máy móc và phương pháp, vật liệu hiện hữu !

Không nản lòng, hai ông lại tìm tòi và phát minh ra không những máy dệt mà luôn cả những phương pháp nhuộm sợi a-xê-tát của các ông nữa.

Mãi tới năm 1920, hai ông mới sửa soạn xong cuộc phản công trên địa hạt kỹ thuật và mãi tới 1924, mới đủ vốn để ra tranh giành với sợi viscose.

Biết rằng hàng của mình dù sao cũng không thể nhất đán rẽ ngay được như sợi viscose, hai ông bèn dùng mách khéo nhà buôn để làm cho hàng mình có tên tuổi trên thị trường. Hai ông đặt cho nó một cái tên chung là « rayonne » thay cho cái tên « tơ nhân tạo », vì tên này nhắc nhở cái sản phẩm kém cỏi đầu tiên của Chardonnet, và để làm cho công chúng ruộng bô. Hai ông lại gọi thứ hàng của các ông bằng một cái tên riêng đẹp đẽ là Célânèse. Dần dần, hàng của các ông có những đặc điểm tốt và đẹp, nên len lỏi nổi vào các tiệm may lớn và trở nên một thứ hàng sang trọng.

Từ đó về sau, tuy có rất nhiều thứ hàng khác ra cạnh tranh, nhưng ngôi bá chủ về tơ sợi nhân tạo vẫn thuộc về hai loại viscose và célanêse.

Phương pháp làm sợi célanêse bắt đầu ở chỗ dùng chất cel-lu-lôzê hóa-hợp với an-hít-ric a-xê-tíc (anhydride acétique = $(C_2H_3O)_2O$: $C_4H_6O_2$), thành a-xê-tát cel-lu-lôzê (acétate de cellulose). Chất này được đánh tan trong a-xê-tôn (acéto-ne = $CH_3 \cdot CO \cdot CH_3$), và phun qua những lỗ nhỏ giống như phương pháp làm sợi viscose. Những tia phun ra được làm bốc hơi acéto-ne đi, và trong khoảng khắc, những tia đó đặc ngay lại thành những sợi cực nhỏ. Những sợi này chập lại thành những sợi lớn hơn để dệt, và vì nó là chất a-xê-tát cel-lu-lôzê nên không hay cháy như thứ sợi trước kia của Chardonnet.

Đặc điểm và biến thể của hai thứ sợi viscose và acétate de cellulose

Như tên của nó, tơ sợi nhân tạo chỉ là những thứ mà loài người tạo nên giống những thứ tơ sợi thiên nhiên. Như vậy, theo quan niệm của quần chúng, không khi nào bắt chước mà lại có thể tốt bằng mẫu được. Trong buổi đầu, chất tơ nhân tạo không bền, thô sơ, và dễ cháy của Chardonnet đã làm cho ý nghĩ trên đây thẳng-thế. Ngay tại nước nhà, mỗi khi nói tới tơ nhân-tạo (mà trước đây các bà các cô thường hay gọi lầm là tơ dứa hoặc tơ bóng v.v.), chúng ta cũng có ngay cảm-tưởng rằng đó là một thứ hàng hào-nhoán, nhưng không bền.

Hơn nữa, một khi loài người cò phải lấy chất cellulose thiên nhiên để tạo tơ sợi, thì những sản phẩm lẽ nào lại bền được hơn sợi bông, vì chính sợi bông đã là cellulose nguyên chất nghĩa là tốt nhất rồi !

Ai nấy đều cho đó là một chân-lý... cho tới ngày xướng Du Pont de Nemours bên Mỹ, dùng chất viscose sản ra một thứ sợi đặc biệt mệnh danh là « Cordura », thì thành kiến trên đây phút chốc tiêu tan : Trong một cuộc thí-nghiệm, sợi cordura tiết diện (section) 7 cm^2 32 (1 pouce carré) đã chịu được một sức kéo 35.000 kgs, trong khi một sợi thép tốt, đồng tiết diện, chỉ chịu nổi có 24.000 kgs mà thôi.

Ngoài ra, cordura cũng lại khỏe chịu nóng hơn sợi bông nhiều, chẳng hạn khi nhiệt độ tới 250° Farenheit, sức dai của cordura mới bớt có 12% mà sức dai của sợi bông đã rút hẳn đi từ 30 tới 50% .

Trước đây, người ta chế tơ nhân-tạo bóng quá, không được đẹp. Nay người ta đã biết pha vào đó những chất dầu trong tự chất dầu máy chạy xe hơi, hoặc các chất ri-chi, ri-kê-m, làm cho sợi mờ đi một cách mỹ thuật, khiến khách hàng phải yêu dù khó tính cũng phải hài lòng.

Thời thường, sợi rayonne, không bị gián đoạn, vẫn được se lại chừng năm chục vòng mỗi tấc, nay người ta thử se kỹ hơn, chừng 200 vòng, thời thấy khi dệt, thứ hàng nổi cát lên rất đẹp; đó là hàng « crepe ».

Trong lúc phun tia viscose hoặc acétate de cellulose ra thành sợi, có khi người ta lại làm cho áp-lực lúc mạnh lúc yếu, thành thứ sợi cũng theo đây mà lúc to lúc nhỏ. Nhờ đó, một thứ hàng mới, lạ và đẹp lại được khai sinh.

Tới khi nhuộm, người ta lợi dụng luôn cái tính chất không bắt màu của acétate de cellulose nữa. Người ta dệt hàng gồm có sợi acétate de cellulose và một hoặc nhiều thứ sợi để bắt màu khác, theo những đường sọc hoặc hình đã định. Tới khi nhuộm, riêng sợi acétate de cellulose không bắt màu như đen, nâu, xanh da trời, làm cho chỉ mắt có một công nhuộm mà có vân hai màu.

Muốn cho bền thêm, người ta lại học cái kỹ thuật cũ kỹ của con tằm : Khi nó nhả tơ vẫn luôn luôn kéo dài sợi ra cho vừa nhỏ lại vừa bền thêm. Xét cho kỹ, thời các sợi đó đều gồm các phân tử (molécules) nối liền nhau thành từng chuỗi, như những que diêm. Nếu để y nguyên như lúc mới dúc ra, thời các chiếc « que » đó nằm ngồn ngang không có thứ tự. Tới khi sợi được kéo dãn ra, thời tất cả đều bắt buộc nằm song hàng với nhau theo chiều dài; nhờ đó mà sức dẻo-dai của sản-phẩm được tăng thêm nhiều. Kỹ-thuật này áp-dụng vào tơ sợi nhân-tạo đã làm tăng hẳn giá-trị của nó.

Nhờ những cố gắng ấy, hai thứ tơ nhân-tạo nói trên đã có đủ điều-kiện để chinh phục khách hàng phái đẹp : bền, rẻ, đẹp, và mịn-màng.

Nhưng chính một trong những ưu điểm trên đây đã trở nên khuyết điểm đối với phái khỏe : đó là sự mịn-màng không phù-hợp với y-phục đàn ông.

Nhưng, các kỹ-sư nào có chịu thua. Họ liền nghĩ ra cách cắt sợi nhân-tạo thành từng đoạn ngắn, giống như sợi thiên-nhiên, rồi cho vào máy se thành sợi. Nhờ đó mà ta có những hàng dệt bằng tơ sợi nhân-tạo không mịn như lụa, trái lại có tuyết như vải, len. Người ta đặt cho chúng một tên chung là *Fibranne*.

Thế là sau bao công-trình thay đổi, sợi nhân-tạo đã hoàn-toàn phù hợp với sở thích và nhu cầu của nhân loại. Về giá-trị cũng như về giá rẻ, chúng đã vượt lên trên tất cả các thứ tơ sợi thiên nhiên.

Với phương-pháp này, không những chỉ một vài loài cây trồng mất nhiều công và chóng lụi như bông, gai, đay, v.v... mới có thể biến thành quần áo, mà hầu hết các loài cây, kể cả các thứ cây không lờ, cũng đều có thể che thân chúng ta một cách hoàn-mỹ.

Ý nghĩ làm sợi tổng hợp (fibre synthétique)

Với những sợi tơ viscose hoặc acétate de cellulose, người ta cũng vẫn còn phải lệ thuộc vào một nguồn nguyên-liệu hạn chế và bất trắc: đó là cellulose trong cây cỏ. Bao nhiêu công phu của loài người cũng vẫn còn quanh quẩn trong địa hạt cải dạng một chất mà thiên nhiên đã làm sẵn cho chúng ta dùng, chẳng khác chi khi chúng ta lấy carton làm hộp, chúng ta vẫn hoàn toàn lệ thuộc các nhà sản xuất các-tông, hồ dán, kéo, thước, v.v. không có những người đó chúng ta phải khoanh tay.

Sau khi thay quyền tạo hóa biến cải các sản phẩm thiên nhiên cho phù hợp với nhu cầu của mình, con người lại cố thực hiện một ước mộng đẹp-dẽ hơn, khó khăn hơn, nhưng cũng lại đã có từ lâu: chế ra một thứ sợi mới.

E — TƠ TỔNG-HỢP THỨ NHẤT

Trong khi các nhà bác-học cặm-cui trong phòng thí nghiệm đi từ thất bại này đến thất bại khác, thời một số ký-giả các báo trên thế giới, kể cả tại nước nhà, đã thỉnh thoảng tưởng thuật những cố gắng âm thầm đó, nhưng vẫn có vẻ nghi ngờ kết quả, làm cho nhiều người, cũng như trước đây đối với việc chế tạo nhân tạo, đình ninh rằng các nhà bác học đang theo đuổi những ước vọng quá ư viển-vông.

Cho tới năm 1939, dân chúng Mỹ ngạc-nhiên thấy tung ra thị trường một thứ hàng mới, lạ, do xưởng Du Pont de Nemours, một kỹ nghệ-gia vào bậc nhất nước Mỹ, sản xuất ra. Đó là chất Nylon.

Chất này, tuy cũng do những đơn-chất rất tầm-thường hợp lại như những vật khác, nhưng có một điểm đặc-biệt là từ trước tới nay những hợp-chất người ta tạo ra, đều là những chất mà tạo hóa đã từng làm ra trước rồi, nay ta chỉ có dùng lý, hóa để tìm ra phương pháp riêng hầu sản xuất những chất đó một cách nhanh hơn, tốt hơn, rẻ hơn mà thôi. Nay trái lại xưởng Du-Pont de Nemours không bắt chước nữa mà lại tạo ra chất Nylon, là một chất chưa hề có trong thiên-nhiên.

F — LỊCH-SỬ CHẤT NYLON

Bác sĩ Wallace Carothers từ ngày vào làm việc tại xưởng máy của

hãng Du Pont de Nemours, hồi năm 1928, đã dày công nghiên cứu những chất trùng-hợp, cấu tạo theo đường thẳng (polymère linéaire) (1) mong tìm ra một thứ sợi mới.

Công cuộc tìm tòi của ông, tuy không cho ông hài lòng ngay, nhưng đã đưa đến một thành công bất ngờ, là ông Ira Williams căn cứ vào những kết quả của Carothers, đã chế tạo nổi cao-xu tổng hợp đầu tiên.

Riêng ông Carothers chỉ thích tìm sợi mới mà thôi. Ông ta biết rằng chất cel-lu-lốt có hai đặc tính là có những phân tử khổng lồ (molécules géantes) kết hợp thành từng chuỗi dài. Bất chước thiên nhiên, ông ta đã dùng đủ thứ nguyên-liệu chế ra được khá nhiều loại phân tử khổng lồ khác nhau, và cố tìm cách kết hợp thích nghi để chúng trở nên sợi.

Trong khi mài-miét thí-nghiệm, một bận Carothers đã thấy một chất sợi thô-sơ của mình đông-đặc lại và sau đó, lại vẫn có thể kéo dài ra gấp mấy lần được. Ngạc nhiên, ông ta xem xét kỹ chất kỳ quặc này, thời thấy vật tổng hợp phức tạp đó đúng là một chất nhuyễn (matière plastique) có hy-vọng thành sợi được. Ông ta cho kéo nó dài ra mà không đứt, nhưng đến khi đã se thành sợi, thời lại không dùng được việc chi.

Tuy nhiên, hy-vọng đã đến với ông, và ông thử chế ra những loại tương tự với các nguyên-liệu và phương pháp khác, xem may ra có được thứ nào hữu ích không.

Chúng ta đã từng biết a-mo-ni-ac (ammoniaque) công-thức hóa-học là NH_3 , mỗi khi ta bỏ bớt một nguyên tử H thay thế bằng một gốc a-ci-dyn (radical acidyle) (2) thời ta có một chất mới tên gọi là amide. Chẳng hạn, ta thay nguyên-tử H bằng một nhóm CO thời ta dễ dàng có ba thứ amide là $CONH_2$, $(CO)_2NH$ và $(CO)_3N$. Chất amide là một trong hai chất chính cấu tạo nên hầu hết các chất nhuyễn có thể thành sợi được. Chất thứ hai là một thứ át-xít đa-ba-sic (acide polybasique) (3).

Như vậy, với những thứ amide và những thứ át-xít đa-ba-sic nhiều nhan nhảm mà loài người đã tìm ra, ta có thể dễ dàng tưởng tượng những chất nhuyễn khác nhau có thể tạo được nhiều đến mực nào.

(1) — Một chất và chất trùng hợp của nó đều có công thức hóa học giống hệt nhau, chỉ khác một chỗ là mỗi phân tử của chất trùng hợp là do hai hay nhiều phân tử của chất kia gắn liền lại với nhau.

(2) — gốc aci-dyn tức là chất át-xít, trong đó người ta đã lấy đi mất một nhóm OH. Thí dụ $C_2H_3O_2$ là át-xít a-xê-tic (acide acétique) tức là dấm ăn của ta. Bỏ bớt đi OH còn lại C_2H_3O tức là gốc aci-dyn của át-xít a-xê-tic.

(3) acide polybasique nghĩa là trong chất át-xít đó có nhiều nguyên tử H có thể thay thế được bằng một chất kim.

Theo kết-luận trên đây, và sau hai năm làm việc, hơn bốn chục kỹ sư hãng Du Pont đã tạo ra bao nhiêu chất nhuộm khác nhau, nhưng sau nhiều cuộc thử-thách, người ta chỉ ưng chăm có một chất được coi là tốt nhất và được đánh dấu là H 66, đó là chất Nylon.

Chất này ra mắt công-chúng một cách đột-ngột, và cũng lại có những công-dụng kỳ quặc ta không tưởng tượng được: nó có thể hoặc mềm-mại như khi dùng làm bút-tất (bút), mỏng như màng nhện mà các phụ nữ Tây Phương ưa dùng, hoặc óng ả như hàng tơ mi các bạn mặc, hoặc cứng rắn như răng bàn chải, thậm chí họ đã từng chế ra cả những chiếc lò xo, và mới đây, trong trận chiến tranh Cao Ly, nó lại là những chiếc áo giáp bảo vệ sinh mạng chiến sĩ Dân-Chủ, trước những viên đạn tàn-ác của kẻ thù.

Nguyên liệu làm Nylon rất dễ kiếm: đó là than đá, không khí và nước. Nhưng đi được từ những chất thường đó tới chất Nylon đẹp đẽ, bền bỉ, người ta đã mất bao nhiêu công phu, và cần phải có một tờ chức kỹ thuật cũng như vật chất cực kỳ tinh vi và tốn phí nhiều mới biến được chúng thành những miếng Nylon trước khi cho vào máy kéo ra sợi.

Nhưng công phu đó đã được thưởng một cách đích đáng, vì chưa có một thứ tơ sợi hoặc chất nhuộm nào lại được công chúng hoan nghênh ngay từ đầu, như Nylon, và sự hoan nghênh đó ngày càng tăng tiến như chúng ta đã biết, đến nỗi, giờ đây, không một nơi nào, mà chúng ta không thấy dấu vết chất nylon kỳ lạ: quần áo, quần bút, hộp, đồ chơi, mũ lính, áo giáp, dây thừng, nút chai, bát, đĩa, thìa, đĩa v.v.. không một thứ gì là không được người ta dùng chất Nylon tạo ra, thậm chí đến những quần bài mặt chược trông đẹp như ngà, mà người ta thường dùng trước khi có phong trào đá phá tứ đồ trường, cũng lại bằng Nylon!

Các em của Nylon

Các em của Nylon tuy ra đời không ăm ỹ như anh cả, nhưng cũng được công-chúng nhiệt-liệt hoan-nghênh. Tuy chúng cũng là con đẻ của ngành hóa học tổng hợp, nhưng bắt nguồn ở những nguyên liệu khác nhau: trong khi Nylon nhờ chất phenol (chúng cất ở than đá ra) tạo thành thời:

— có chất bắt nguồn ở hơi đất đèn (acétylène) và clo (chlore) như Rhovyl,

— có chất do hơi đất đèn và chất đạm (azote) sinh ra như Crylor, Orlon,

— có chất lại nhờ tác dụng của những axit hữu cơ (acide organique) trên các thứ cồn (alcool) mà thành, như Dacron, Tergal.

Nhờ kinh nghiệm sẵn có về dệt và nhuộm tơ nhân-tạo, các thứ hàng tổng hợp tiến rất nhanh, và hiện đứng ngang hàng với các tơ nhân tạo về số lượng sản xuất.

G — ĐẶC-ĐIỂM

Với những đặc-diểm rất khác nhau của chúng, tơ sợi nhân tạo và tổng hợp không kém hăm sức tiến triển của nhau, vì mỗi thứ có một tác dụng riêng, và được ưa chuộng tùy nhu cầu;

— Giá rẻ và dễ nhuộm thời có hàng rayonne và fibranne viscose

— Mịn và ít hút nước: hàng acétate de cellulose

— Bền và dai: hàng Nylon và Rilean

— Không chuyển hơi nóng và ít bị xẹp xuống: hàng Rhovyl

— Không bị ánh sáng làm hồng: hàng Crylor

— Không hay nhàu (infroissable): hàng Tergal.

Nói tóm lại, chúng hơn hẳn tơ sợi thiên-nhiên, về nhiều phương-diện.

o°o

Nếu kết-thúc bài này ở đây, thì chúng tôi tưởng khí bất công đối với các vị kỹ sư cơ khí, là những người có công rất lớn trong những thực hiện trên đây.

Hóa học và cơ khí đi liền nhau như bóng với hình. Hóa học có tiến và nhất là có thể đi từ cách chế biến ít một trong các phòng thí nghiệm nhờ tay các nhà bác học đại tài, đến chỗ sản xuất ồ ạt, nhưng không kém phần tốt trong kỹ nghệ, thời đó là kỳ công xếp đặt và sáng chế của các kỹ sư cơ khí. Các vị này đã chế ra những bộ máy tinh xảo và chính xác để cho cách sản xuất hoàn toàn đều đặn không còn chỗ cho sự nhỡ nhàng, có thể làm hại đến giá trị và danh tiếng của sản phẩm, đồng thời những máy đó lại phải giản dị để hợp với trình độ học thức của người điều khiển.

Không những thế, riêng với kỹ thuật cơ khí tinh xảo, các kỹ sư cũng đã từng làm cho công chúng ngạc nhiên, chẳng hạn, khi họ đã dùng những nguyên liệu cực rắn như thép và thủy tinh, kéo ra được thành sợi: đó là len thủy tinh và tơ thép!

Hiện nay, len thủy tinh đã được dùng mỗi ngày một nhiều. Tuy chúng ta ít ai dùng đến nên không rõ, nhưng các ngành kỹ nghệ ngày một chuộng nó vì những đặc

điền âm không một thứ sợi nào có được. Dưới hình thức len, nó được nhồi vào những vỏ máy ướp lạnh (frigidaire) vì không hay chuyển sức nóng. Dệt thành từng tấm dày, nó bọc các ghế ngồi ở sa-lông công-cộng, ở xe hơi hoặc phi-cơ, tóm lại ở bất cứ chỗ nào nhiều người lui tới, vì nó rất ít mòn như các thứ tơ sợi khác. Dệt thành vải mỏng, nó trở nên những chiếc « blouse » xinh đẹp rất tiện dùng trong các phòng thí nghiệm, vì dù có rơi chút át-xít lên trên, cũng chẳng hại gì. Tối khi giặt lại tha hồ dùng các thứ thuốc tẩy vì nó không bị ăn bởi. Người ta cũng đã từng làm những chiếc găng tay đặc biệt dùng vào công việc phòng thí nghiệm, vì nhiều khi chỉ cần hơi trên đèn cồn là đủ làm bay hết các chất không cần tốn công giặt rửa. Đã có vị kỹ sư đề nghị dùng nó bọc thân phi cơ, vì nó dai hơn nhôm, không chuyển nóng mà lại còn nhẹ hơn nữa, nhưng tới nay, không rõ đã có xưởng nào áp dụng ý-nghĩ đó chưa.

Về tơ thép, thời thực tình chúng ta khó mà tưởng tượng được một thứ hàng dệt bằng sợi thép mà lại không cứng, cũng không ráp. Một lần nữa, chúng ta đã lầm, vì hiện nay các kỹ sư Mỹ đã làm nổi những tấm lụa bằng thép, mềm mỏng, và trong suốt như... Nylon. Hơn nữa, họ lại quả quyết rằng một ngày gần đây, muốn có thứ hàng bền và mềm mại để may áo lót và bít-tết, các bà thế nào cũng sẽ đòi cho được thứ hàng bằng... thép !

H — TƯƠNG-LAI TƠ SỢI NHÂN-TẠO

Lòng ham mê của khách hàng đối với tất cả các thứ hàng nói trên, đủ cho ta biết rõ hơn bất cứ luận thuyết nào, cái tương lai rực-rỡ của chúng.

Song song với sự bành trướng kỹ-thuật hầu sản-xuất nhiều hơn, nhanh hơn và rẻ hơn, đề những hàng nhân-tạo chóng phổ-thông trong đại-chúng, các bác-học và kỹ-sư vẫn luôn luôn tận-tụy tìm những thứ hàng mới. Chắc chắn là không bao lâu nữa, những sự cực nhọc quá đáng và lệ-thuộc vào thiên nhiên, những cuộc vật lộn, tranh giành, đề có nổi mạnh áo che thân, đối với chúng ta, sẽ chỉ còn là một cơn ác-mộng đã qua.



TRIẾT-LÝ TUÂN-TỬ

(310-230 trước tây-nguyên)

của NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

KHÔNG học là một nền học thực-tiến, chú trọng vào vấn đề luân-lý chính-trị; nó bắt đầu từ cái « tính » của cá nhân để đi đến « hóa thành thiên hạ », cho nên chính-trị học là hoạt động tối cao chánh đáng của người ta. Không-tử chẳng đã nói :

« Đạo người chăm chú vào chính-trị, cũng như đạo của đất chăm nuôi cây cỏ vậy ».

« Nhân đạo mẫn chính, địa đạo mẫn thụ »

Sách « Đại-Học ».

Nhưng ở thời Không-tử, xã hội chắc còn đơn-giản, chưa phức tạp và bành trướng lắm, cho nên Không-tử còn có thể lấy tâm-lý-học làm căn-cứ cho chính-trị học và chính trị với giáo dục mật thiết quan hệ, vì theo Ngài xã-hội có thể vận hành bằng đức chính, lấy người lãnh đạo làm gương mẫu cho toàn dân bắt chước. Bởi vậy, vấn đề biết người và khéo giao trách nhiệm « tri nhân thiên nhiệm », là nguyên-tắc tối cao của nhà làm chính-trị.

Đến cuối thời chiến-quốc, loạn ly giặc dã đã kéo dài, tình-thế, xã-hội càng ngày càng bành trướng và phiến-toái, đất đai mở mang, nhân khẩu tăng tiến, con người không dễ mà tự mình làm chủ được mình. Sức mạnh của sự vật, của hoàn cảnh thúc đẩy lôi cuốn con người như nước lũ chảy xuôi. Bởi vậy, Tuân-tử chú trọng vào yếu tố xã-hội-tính để tìm nguyên-tắc cho chính-trị-học. Ông tuyên-bố :

« Người ta sinh ra không thể không có đoàn-thể quần tụ. Quần tụ mà không phân định giới hạn của mọi người thì hóa ra tranh giành. Tranh giành thì hóa ra loạn, loạn thì sẽ khốn cùng vậy. Cho nên không phân định là cái

hại lớn của nhân loại. Có phân định là cái lợi lớn của thiên hạ, mà kẻ làm vua (1) là then chốt để cai-quản sự phân định của đoàn thể vậy. »

Nhân chi sinh, bất năng vô quần, quần nhi vô phân tắc tranh, tranh tắc loạn, loạn tắc cùng hỹ. Cố vô phân giá, nhân chi đại hại dã, hữu phân giá thiên hạ chi đại lợi dã, nhi quân giả sở dĩ phân chi khu yếu dã, »

(Phủ-Quốc)

Nếu Mạnh-tử đề cao cái « tâm bất nhân » ở con người, thì Tuân-tử đề cao cái nghĩa hợp quần ở con người, tức là cái tính đoàn thể vậy. Ông viết :

« Lửa và nước có khí mà không có sinh. Cây cỏ có sinh mà không có nghĩa. Muông chim có biết mà không có nghĩa. Người ta vừa có khí, có sinh, có biết và lại còn có nghĩa, cho nên là quý nhất trong thiên hạ. Người ta sức không bằng con trâu, chạy không bằng con ngựa, thế mà con trâu con ngựa đều bị người ta dùng được là tại sao ? Là tại người ta biết hợp quần mà những con kia không biết hợp quần vậy. Người ta lấy cái gì để hợp quần được ?

« Rằng lấy cái phận định. Định ra phận thì làm thế nào mà nhận được ? Rằng lấy nghĩa. Lấy nghĩa mà định thì hòa, hòa thì hợp làm một, hợp làm một thì có nhiều sức, có nhiều sức thì mạnh, mạnh thì thắng được muôn vật. »

(Vương-chế)

Theo đây, Tuân tử đề cao ở nhân loại cái tính Nghĩa làm yếu tố cho tình đoàn thể hợp quần. Chữ nghĩa gốc ở chữ Ngã 我 với chữ Dương 羊. Chữ Ngã, tượng hình hai cái móc (qua 爻) đối lập nhau 我, ngụ ý quyền lợi xung đột. Nói rộng ra là « tôi » « ta » « cá nhân » « tự ngã ». Cái gì thuộc về cá tính, cá nhân, cái ta thì xung đột, mâu thuẫn với cái toàn thể, xã hội, cái gì không phải ta. Còn chữ dương 羊 nghĩa đen là bầy cừu, là ngoan ngoãn phục tùng, là tình tập đoàn. Vậy chữ Ngã ở dưới chữ dương là điều hòa quyền lợi xung đột giữa cá-nhân và đoàn thể.

Vậy đạo là gì ? Tuân-tử như đã nói ở trên, chú trọng vào đạo của người, mà đạo người cốt ở chỗ làm cho xã-hội tiến bộ trọng trật tự,

(1) Thời trước, chưa biết các chính-thể khác, nên chữ vua ở đây chỉ có nghĩa là người cầm đầu trong nước.

duy trì được thế quân bình giữa cá nhân với đoàn thể. Bởi vậy Tuân-tử mới viết :

« Đạo là thế nào ? Là đạo vua vậy, Vua là thế nào ?

— Là có thể hợp quần vậy. Có thể hợp quần là thế nào ?

— Là khéo giữ cho người ta sống và khéo nuôi người ta, khéo định ra trật tự và biết cai-trị người ta, khéo làm cho rõ rệt và thiết lập ra mọi việc cho người ta, khéo che đậy và sửa sang cho ta. Ai khéo giữ cho người ta sống và khéo nuôi người ta, thì người ta thân yêu, ai khéo định ra trật tự và cai-trị người ta, thì người ta yêu, ai khéo che đậy và sửa sang cho người ta thì người ta sợ. Bốn đầu mỗi ấy đủ thì thiên hạ theo về. Như thế gọi là có thể hợp quần.

— Đạo giả hà dã ? — Viết quân đạo dã. Quân giả hà ? — Viết năng quần dã. Năng quần dã giả hà dã ? — Viết thiện sinh dưỡng nhân giả dã, thiện ban tri nhân giả dã, thiện hiền thiết nhân giả dã, thiện phồn sức nhân giả dã. Thiện ban tri nhân giả, nhân thân chi; thiện hiền thiết nhân giả, nhân lạc chi. Thiếu phồn sức nhân giả, nhân vinh chi. Tư thông giả cụ, nhi thiên hạ qui chi. Phù thị chi vị năng quần. »

(Quân-đạo)

Và Tuân-tử quan niệm người lãnh đạo đoàn thể, là cả một tượng trưng cho cái ý thức tập thể. Cho nên ông nói :

« Quân là người khéo khiến người ta hợp quần. Cái đạo hợp quần mà chính đáng thì vạn vật được cái đáng nên của chúng, lực sức đều được sinh trưởng, quần chúng sinh mệnh đều được cái mệnh của nó »

— Quân giả thiện quần dã. Quân đạo đương, tác vạn vật giai đắc kỳ nghi, lực sức giai đắc kỳ trưởng, quần sinh giai đắc kỳ mệnh. »

(Vương-chế)

« Vua tức là cái khuôn phép không những đề cho nhân dân bắt chước, mà còn đề bắt quần chúng phải thuận tòng khuôn theo ;

« Vua là mẫu mực vậy. Mẫu mực ngay thì cái bóng chiếu ra cũng ngay. Vua là cái mâm vậy. Mâm tròn thì nước phải tròn. Vua là cái chậu. Chậu vuông thì nước vuông. »

— *Quân giả nghị dã. Nghị chính nhi ảnh chính. Quân giả bàn dã. Bàn viên nhi thủy viên. Quân giả vu dã, vu phương nhi thủy phương* ».

(Quân-đạo)

Đây là cả một chủ trương thống chế bằng thế lực vô hạn của đoàn thể đạo một cá nhân đại diện, không phân chia với ai, mà cũng không cho ai kiểm soát.

Tuy nhiên, ý muốn của Tuân-tử không phải không trọng dân, không quý dân như Mạnh tử với chủ trương « dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh » đầu. Ở thiên Đại-lược, Tuân-tử nói :

« Trời sinh ra dân, không phải vì vua. Trời lập ra vua, là để vì dân vậy.

— *Thiên chi sinh dân, phi vì quân dã. Thiên chi lập quân, dĩ vì dân dã* ».

Và vì thế, một khi ông vua không xứng đáng là ông Vua thì nhân dân giết đi như giết một người độc phu :

Tru bạo quốc chi quân nhưc tru độc phu

— Giết ông vua tàn bạo một nước, cũng như giết một kẻ độc phu ».

(Chính-luận)

Nhưng Tuân-tử có chỗ khác với Mạnh-tử, là Mạnh-tử chủ trương bắt chức tiên thánh vương Nghiêu Thuấn hay là như Mạc-tử chủ trương trở về bắt chức vua Hạ Vũ thời tiền cổ, còn Tuân-tử lại chủ trương bắt chức vua đời sau này, gọi là pháp hậu vương, tức như vua khai sáng nhà Tây Chu. Ở điểm này, Tuân-tử giống với Không phu tử là theo chế độ nhà Chu. Như thế, không phải thầy trò, đều cho rằng : đời tiên vương không có điều hay điều thiện đâu, chỉ vì các vị thánh vương Nghiêu-Thuấn Vũ-Thang hầu như thuộc về thần thoại, xa với đời mình hiện tại quá, không đủ tài liệu lịch sử để lấy làm căn cứ vậy. Tuân-tử viết rằng :

« Thánh-vương có hàng trăm, ta biết bắt chức ai ?

— Rằng cái văn lâu ngày thì mất, cái tiết tấu lâu ngày thì tuyệt, chức hữu tư đời đời giữ pháp-độ, lâu ngày cũng mất. Muốn biết cái sự nghiệp của thánh vương thì xem ở chỗ rõ ràng, tức là xem ở hậu-vương.

Đấng hậu-vương kia là đấng nhân quân của thiên hạ, bỏ hậu-vương mà theo thượng cổ thì ví như bỏ đấng nhân quân của mình mà theo đấng nhân quân của người. Cho nên nói rằng : muốn xem ngàn năm về trước, thì xem mấy ngày bây giờ ; muốn biết ức vạn thì xem một hai, muốn biết đời thượng cổ thì xét rõ cái đạo nhà Chu, muốn biết đạo nhà Chu thì xét rõ ông vua người ta lấy làm quý. Cho nên nói rằng : lấy gần mà biết xa, lấy một mà biết vạn, lấy cái vi ần mà biết cái sáng rõ, tức là thế vậy. »

(Phi-tương)

Không-tử ở sách Luận Ngữ cũng nói :

« Nhà Chu coi xem lễ nhà Hạ, nhà Ân làm gương, lễ văn rực
Chu giám ư nhị đại, ức ức hồ văn tại, ngô tông Chu. »

rõ thịnh lắm thay, nay ta theo lễ-văn Chu.

Như thế đủ biết Tuân-tử trọng tình thần thực tiễn cũng như Không-tử, và chuyên dùng phương pháp diễn dịch, để suy luận và khảo cứu trí thức. Sở dĩ ông « pháp hậu vương » là vì như thế ông căn cứ vào kinh nghiệm lịch sử, chứ không phải chủ trương chủ nghĩa không tưởng về chính trị vậy.

Tuân-tử như đã trình bày trên đây, là một đại nho cuối cùng đời Tiên Tần, trong hàng Không học cự phách : Không tử (551-479), Mạnh tử (371 ? - 289 ?) và Tuân tử (310-230) trước Tây-nguyên. Bình luận về tư tưởng triết học của Tuân tử, Phùng hữu Lan có viết :

« Trong giới nhà nho, tư tưởng của Tuân-tử phản nghịch với tư tưởng Mạnh-tử. Có người bảo Mạnh-tử đại diện cho phái trong Không-môn, còn Tuân-tử đại diện cho hữu phái. Giới thuyết ấy tuy có nghĩa lý, nhưng có tính cách đại cương và giản tiện. Mạnh-tử khuyh tả ở chỗ ông chú trọng vào tự-do cá-nhân, nhưng ông lại khuyh hữu, ở chỗ ông đề cao những giá trị luân-lý và do đây ông gần với tinh thần tôn giáo hơn. Tuân-tử khuyh hữu vì ông chú trọng vào quyền kiểm soát tập thể, nhưng ông khuyh tả ở phương diện ông phát triển một chủ nghĩa tự-nhiên, trái nghịch hẳn với ý tưởng tôn giáo, »

Trung Quốc triết-học sử yếu,
(bản dịch Pháp-văn) — Payot Paris tr. 158

Đối với triết học cổ đại của Trung quốc, Tuân-tử có lẽ đã tổng-hợp được tất cả các khuyh hướng chính. Ông thấu thái ở các học phái, để kết tinh lại thành một hệ thống triết-trung. Ở Không-tử, ông trung thành với tư tưởng luân lý chính trị ; ở Lão-Trang, ông hấp thụ triết-lý tự-

nhiên ; ở Mặc học, ông thu lượm phương-pháp luân-lý thực-nghiệm ; ở Mạnh tử, ông lấy tư-tưởng chính trị dân bản. »

Sau ông là Hàn Phi-Tử, học trò của ông, đã phát triển tư-tưởng pháp luật thực-tiến ; tuy đó là tư-tưởng của Tuân-tử, nhưng ở Tuân-tử, pháp-luật, « Lễ », mới chỉ là một phương-diện ứng-dụng, chưa phải là mục-dịch tối cao. Ngoài Lễ ra, còn Nhạc nữa. Tuân-tử không trọng Hình-pháp một cách tuyệt đối, cho nên mới nói :

« Phàm hình pháp là cái gốc của người, ngăn cấm điều bạo ngược, ghét bỏ điều ác, là đề răn điều chưa xảy ra.

— *Phàm hình, nhân chi bản, cấu bạo, ở ác, thả trường kỳ ot dã* »
(Chính-luận)

Đương Kinh đời Dương từng chú thích sách Tuân-tử, có bình luận về cái học của Tuân như sau :

« Đời chiến quốc họ Thân (Bất Hại), họ Thương (Uông) hà ngược lấy sự giết cả họ mà luận tội ; họ Tôn (Vũ) họ Ngô (Khởi) biến trá giết người đầy thành. Những kẻ đàm thuyết lại chuộng họ Mặc, họ Tô (Tần), họ Trương (Nghị), vì thế mà đạo họ Khổng gần mất. Kẻ sĩ có chí lấy thế làm đầu lòng nhưc ốc vậy. Cho nên Mạnh Kha mở ra trước, Tuân Khánh chấn hưng ở sau. Xem cách lập ngôn chỉ sự của Tuân-tử lấy cái cùng cực làm căn bản, lấy cái yếu trọng làm đạo lý, bày tỏ những việc đời xưa mà chống giúp đương thế, dẹp sự rối loạn, đẩy việc đạo lý, thực là kẻ sĩ danh thế, và bậc thầy của vương giả. Sách của ông cũng có thể làm lông làm cánh cho sáu Kinh, thêm sáng cho họ Khổng, không phải như sách của chư tử vậy. Bởi chưng Chu-công đã chế tác ra. Trọng-Ni đã tỏ thuật lại, họ Mạnh, họ Tuân tán thành, cốt để giữ cho bền vương đạo một cách rất sâu rất đủ, tuy có bốn rợ giao xâm ở đời Xuân-Thu, bá giương bỏ dứt ở đời Chiến Quốc, song đạo ấy vẫn không mất »

Đây là lời bình phẩm rất chính đáng về địa vị và học thông của Tuân-tử vậy. Chúng ta chỉ cần thêm rằng hệ-thống tư-tưởng của Tuân-tử là một tổng hợp triết học Trung-Quốc cuối đời Cồ-đại, có thể tiên phong cho triết học tổng hợp của hệ thống Lý Tịch của Trình Chu đời Tống sau này.



KIM-CƯƠNG NHÂN-TẠO

của NGUYỄN-CHUNG TÚ

MÔNG chế ra vàng của các nhà « luyện đan » (1) hồi Trung-Cổ bên Châu Âu đã được thực-hiện — ít ra về phương-diện lý-thuyết — từ khi hiện tượng phóng xạ nhân tạo phát-minh vào hồi cuối thế-kỷ XIX, khiến cho một chất đơn này có thể biến thành một chất đơn khác.

Thì ngày nay, những cố gắng vô hiệu quả để chế ra kim-cương của các nhà bác-học Pháp như Moissan, Basset (1934) và của các nhà bác-học Mỹ như Marshey, Bridgman, đã được một số các nhà chuyên-môn Mỹ khác như các giáo-sư Strong, Cheney đưa tới kết-quả (1955).

Kim-cương nhân-tạo này tính ra đắt hơn kim-cương thiên-nhiên, mà lại bé quá (trọng lượng chỉ bằng 1 centig-am 1), và cũng không được nguyên chất lắm ; nhưng dù sao, đứng về phương-diện học-thuật, đó cũng là một thắng lợi lớn của khoa-học.

Nguyên tắc chế ra kim cương như thế nào ? Câu trả lời rất giản dị : bắt chước Tạo-hóa. Vì thế, ta hãy bắt đầu câu chuyện về kim-cương nhân tạo, bằng vài câu về kim-cương thiên nhiên.

o^o

Dưới chân chúng ta, trong lòng trái đất, có một phòng thí nghiệm thực là đặc sắc : áp suất ở đó gấp ba triệu lần áp suất không khí quanh ta, nhiệt-độ vào khoảng 5000°.

Ấy chính ở nơi đó, nhà bác-học Tạo-hóa đã chế ra kim cương.

Tuy nhiên, vấn đề không phải giản dị như thế : chắc chắn là than hay một hợp chất của than, khi chịu những áp suất lớn và nhiệt độ cao, có thể biến thành kim cương. Nhưng hình như điều-kiện về áp suất và nhiệt độ chỉ là một điều kiện cần-thiết thôi, chứ chưa phải là điều kiện đầy đủ.

(1) alchimiste.

Kim-cương thường được khai khẩn từ những núi lửa, chứa một thứ dung nham (2) rất đặc biệt, màu xanh lam. Trước kia, người ta cho rằng dung nham ấy, khi đi qua than đá, thì biến than thành kim-cương. Nhưng về sau, người ta tìm thấy kim-cương ở cả dưới những lớp than đá. Và chẳng có khi hai núi lửa giống nhau, gần nhau, mà một cái chứa nhiều kim-cương, một cái tịnh không có gì?

Ngòai ra, người ta còn thấy kim-cương lẫn với đất phù sa, và do nước sông mang dạt vào đó.

Tóm lại, về vấn đề nguồn gốc kim-cương thiên nhiên, người ta chỉ biết đại khái rằng: dưới một áp suất rất lớn và ở một nhiệt độ cao, than có thể biến thành kim-cương.

Song như thế chưa đủ, chúng có là những nhà bác học Moissan, Basset, Marshey và Bridgman đã cho than chịu áp suất và nhiệt độ lớn, mà nó vẫn không thành kim-cương.

Dưới đây, ta nhắc qua lại những cố gắng vô hiệu quả của những nhà bác-học nói trên, không phải là không có tài, nhưng... hơi vô duyên.

o°o

Moissan cho than tan vào trong gang, cho đến khi gang không thể hòa tan được than nữa mới thôi, rồi bắt thỉnh lnh làm lạnh gang đó. Gang nóng hòa tan được nhiều than hơn gang lạnh, nên khi ta làm lạnh gang thì một số những hạt than hiện ra. Thế mà những hạt đó đã bị ép mạnh vì khi gang lạnh đi, thì đồng thời co lại. Moissan đo tỷ trọng của những hạt đó thì thấy con số 3, 5 đó chính là tỷ trọng của kim-cương thiên nhiên, nên Moissan cho rằng mình đã chế được kim-cương!

Về sau, nhà bác học Marshey nhắc lại thí nghiệm của Moissan nhiều lần, nhưng không lần nào được kim-cương cả.

Nhà bác học Basset (1934) cũng đã cố gắng chế ra kim-cương theo nhiều cách khác nhau: dùng áp suất lớn và nhiệt độ cao (hàng vạn atmosphère và hàng ngàn độ), Basset đã phân tích carbure sắt, các carbure lỏng, oxyde carbone v.v... để lấy ra carbone. Nhưng tiếc thay, carbone có hiện ra thật, nhưng không kết tinh thành kim-cương!

o°o

Năm 1941, cuộc Đại chiến thứ hai bắt đầu lôi cuốn Mỹ vào vòng lửa đạn, kỹ nghệ Hoa kỳ cần rất nhiều kim-cương (3). Chính phủ Mỹ yêu cầu các nhà kỹ nghệ cố tìm ra cách chế ra kim-cương.

(1) laves.

(2) Nói đến kim-cương là ta nghĩ ngay đến đồ trang sức. Thật ra, kỹ nghệ cần rất nhiều kim-cương. Một thí dụ còn con: kim-cương dùng để cắt kính!

Mười năm sau, khi chiến tranh đã kết liễu lâu rồi, người ta mới giải quyết xong vấn đề... nguyên tắc!

Những cố gắng vô hiệu quả của Basset và Bridgman tỏ rằng áp suất lớn và nhiệt độ cao không giải quyết nổi vấn đề.

Hình như căn sự có mặt của một vài tạp chất, mà ta không biết rõ. Người ta phân tích các kim-cương thiên nhiên, để xem trong đó, có thứ bị gì đặc biệt không. Về phương diện này, các kỹ-thuật-gia Mỹ hãy còn giữ bí mật.

Hình như siêu âm (4) cũng đóng một vai quan trọng trong vụ này. Siêu âm là âm mà tai người không nghe thấy. Siêu âm có đặc tính sáo trộn các phần tử một chất, có lẽ vì vậy mà than (tức là carbone) có thể biến thành kim-cương (cũng là carbone).

Hãng General Electric khi loan báo rằng đã chế ra kim-cương, chỉ cho biết vắn vắn có 4 chi tiết:

Áp suất: 110.000 atmosphère

Nhiệt-độ: 2.700 độ

Thí-nghiệm lâu 16 giờ

Khối lượng hạt kim-cương nhân tạo: $\frac{1}{80}$ gram.

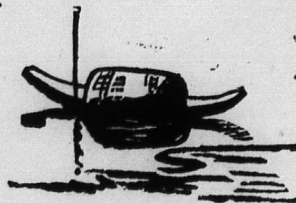
o°o

Sau khi đã chế ra được ét-săng, cao-su, ngọc v.v... khoa-học từ nay có thể chế ra kim-cương.

Nền văn minh hiện đại hằng ngày làm được những kỳ công, mà nhiều khi chúng ta không nhận định rõ tất cả sự quan trọng.

Gần đây, hình như các nhà bác-học lại chế được cả sinh vật nữa. Nếu tin kia đúng, thì đời sống tương lai sẽ còn dành cho ta nhiều kỳ-thú.

(4) ultra-sons.



BEETHOVEN

HAY TÀI VÀ MỆNH

của ANH-NGUYỄN

LUDWIG Beethoven sinh năm 1770 tại Bonn, một gia đình túng-tiếu. Cha chàng, Johann Beethoven, suốt ngày say-sưa, và đã sống một cuộc đời ca sĩ. Mẹ chàng là một hiền-phụ, luôn luôn bị chồng rầy vò. Tuy đau ốm quanh năm, mẹ chàng rất yêu mến và săn sóc chàng. Beethoven đã coi đó là nguồn an-ủi duy nhất của mình.

Nhận thấy ở con có thiên tài về âm nhạc, Johann đã cho Beethoven học nhạc một cách kỳ lạ. Mỗi đêm, sau khi đi uống rượu với bè bạn, và chân nam đá chân chiêu, trở về nhà, Johann thường dựng Beethoven dạy vào khoảng 3 giờ sáng để bắt tập đàn dương cầm. Mỗi khi có nốt sai hoặc vì ngái ngủ, hoặc vì rết công tay, Beethoven lại nhận được những chiếc tát này đom đóm mắt. Rồi hết tuần này sang tuần khác, Beethoven suốt ngày phải chịu khó tập dương cầm để khỏi bị đánh, và cũng vì lý do này, cậu bé có thiên tài chỉ đủ thời giờ học qua loa một vài năm bậc tiểu học.

Qua khối thuốc quỵện với những ly rượu mạnh, Johann nhận thấy ở con mình điềm lạ lùng là Beethoven thường đàn không theo đúng bản đề trước mặt, nhưng đã tự thêm-thật vào. Cũng vì thế, nên Johann mới quả quyết cho cậu bé Beethoven tìm thầy học nhạc. Năm 16 tuổi, Ludwig tới Vienne, thủ đô nước Áo, tìm tới Mozart, nhạc sư có danh tiếng thời bấy giờ.

Thật là không may cho Beethoven. Vừa tới Vienne được ít bữa, tin đầu sét đánh ngang trời. Mẹ chàng hấp hối đang chờ chàng nơi quê nhà. Sau khi mẹ chàng chết, cha Beethoven lại uống rượu nhiều hơn trước. Beethoven phải bắt đầu nhận trọng trách mới là cấng đấng cả gia-đình. Không những cố sao cho cả nhà được no đủ, Beethoven còn phải lo cho hai em hãy còn nhỏ dại, được như các đứa trẻ khác. Hơn nữa, ông

Johann vì quá hư hỏng, nên đã bị người mượn ông giúp việc thải hồi, sau khi trả một món tiền công khá lớn. Số tiền này cũng chỉ đủ cho ông Johann uống rượu được thêm một thời gian nữa. Lúc này, Beethoven đã phải kiếm cách nuôi sống gia đình bằng sự dạy nhạc, và giúp ban nhạc lớn ở gần nơi quê nhà. Dịp đầu may mắn lạ thường, cũng nhờ sự dạy nhạc và tài dùng dương cầm, Beethoven được gặp gia đình Von Breuning. Ở đây, Beethoven được học những bài đầu tiên về cách xả giao, lại tự có dịp trau giồi thêm về phương diện âm nhạc và kiến thức. Cả một bầu trời sáng-lạn, bỗng mở rộng trước con mắt kẻ tài-hoa. Beethoven không bỏ phí thời giờ, học hỏi những điều đối với chàng hãy còn quá ư xa lạ. Cũng trong thời gian này, Beethoven gặp được bá tước trẻ tuổi Waldstein. Thấy Beethoven xuất chúng, bá tước bèn viết thư giới-thiệu với những bạn mình thuộc quý-tộc Áo ở Vienne. Nhờ những học hỏi thấu lượm được khi còn ở với gia đình Von Breuning, nhờ tài âm-nhạc kỳ lạ mà sự sáng tác chiếm một phần lớn, Beethoven được cả xã-hội quý phái thành Vienne ca ngợi và khen thưởng. Hoàng tử và công chúa Lichnowsky đã vui lòng trả lương hàng năm cho Beethoven rất hậu, và mua cho chàng rất nhiều nhạc khí đắt tiền, nhất là lại mời Beethoven ở trong lâu đài của mình, để cho chàng nhạc sĩ tài ba này có đủ phương tiện học hỏi thêm nữa, mà đi đến chỗ toàn thiện, toàn mỹ. Thấy hoàng tử và công chúa Lichnowsky biệt-đãi, Beethoven rất lấy làm cảm kích, và càng hết sức trau giồi nghệ-thuật. Nhiều bản nhạc có giá trị được Beethoven viết ra, danh tiếng hơn cả là bản « Khúc nhạc gửi Kreutzer » (Sonate à Kreutzer), « Ánh trăng » (Clair de lune) và « Bi ca » (Pathétique) trong đó, Beethoven gửi cả tâm hồn của mình trong nét nhạc. Những bản ca này có những đoạn thoát ly hẳn lẽ lối cũ, chính Mozart là thầy dạy của Beethoven cũng phải nhận là kỳ diệu. Nhạc của Beethoven có vẻ cao siêu, ý nhạc chơi với như đưa người vào một giấc mơ kỳ ảo. Nhạc của Beethoven được màu sắc thanh cao của thiên nhiên, được thời đó rất ưa chuộng. Những nhà xuất bản nhạc tranh nhau tới mua những bản mà Beethoven vừa viết, những bản đã ghi chép ở sớ tay, hoặc giữa cảnh thiên nhiên, trong những cánh rừng xanh tươi nước Áo, hoặc dưới vòm trời đầy sao lóng lánh của thành Vienne. Từ những nơi xa, các nhà xuất bản nhạc cũng gửi giấy tới xin ký khế ước với Beethoven, đề xuất bản nhạc-phẩm giá trị của chàng. Thật là trớ trêu, trong khi Beethoven lên được bậc thang cao nhất của đài danh vọng, thì chàng mắc một chứng bệnh tai hại. Tai chàng lúc nào cũng nghe thấy tiếng ù... ù và nhạc-sĩ của chúng ta đã bị điếc. Chàng không còn nghe thấy

những điệu tế nhị nữa, và Beethoven đã chán nản buồn rầu. Ông bắt đầu xa lánh bè bạn. Trong cuốn nhật ký mà Beethoven đã để lại sau khi nhắm mắt, có những dòng đại-ý như sau : «Hỡi các bạn, các bạn trách tôi là sần bì, khờ ố, yếm thế, thật là quá bất công. Tôi sinh ra với bản tính hăng hái, hoạt động, hòa mình trong những thú vui của xã hội, mà tôi nay tôi bị bắt buộc phải xa lánh. Tôi chỉ muốn nói với tất cả mọi người rằng xin hãy nói to hơn nữa, vì tôi đã bị điếc. »

Tật bệnh quái ác đã tới chôn vùi những ngày vinh quang sáng lạn của kẻ anh-tài !

Sau khi bị bệnh điếc, Beethoven lang thang trên những cánh đồng xanh tươi quanh thành Vienne. Thấy chim ca nhưng đâu có nghe được giọng thánh thốt, Beethoven cảm thấy xung quanh mình là hoàn toàn yên lặng, một sự yên lặng ghê gớm kinh khủng làm chàng vô-cùng chán nản. Nhưng lúc này nhạc Beethoven lại có một sức mạnh vô song. Tuy đã mất một giác quan cần thiết cho một nhạc sĩ, song Beethoven thấy cần phải hoặc bỏ nghề hoặc chống chọi với tật bệnh của mình để tạo tác những bản nhạc mới lạ. Thì đây : bản « Dũng cảm » (Héroïque) của chàng đã tả được hết những nỗi u-uất của trái-tim. Trước tiên, bản này mang tên là Buonaparte, vì dưới con mắt của Beethoven, vị anh hùng kia là tượng trưng của cách mạng. Nhưng khi Nã phá Luân lên ngôi vua, Beethoven mới đổi tên bản nhạc ra là « Dũng cảm ». Trong vòng 11 năm, công trình sáng tác của Beethoven đã vượt xa những nhà soạn nhạc đồng thời. Từ 1804 tới 1814, nhiều bản tuyệt diệu được đặt ra trong những ngày chán nản nhất của Beethoven. Hai bản « Hợp tấu gửi Waldstein », « Appassionata » đã làm rung động các thánh giã. Viết với nhạc hứng kỳ lạ và mệnh danh là viết cho đời sau, những tác phẩm này có nét nhạc cao kỳ.

Buổi đầu trình diễn, ít nhiều người chưa quen, đã chê mà bảo đó là những bản mọi rợ, nhưng chẳng bao lâu, đã hiểu biết và hoan-nghênh nhiệt-liệt. Cũng trong loạt tác phẩm này, còn có bản hòa tấu « Concerto de l'Empereur ». Trong thế giới yên lặng của tinh-thần, Beethoven đã tìm được những điệu nhạc thanh-tạo, kỳ lạ, phần hòa âm không có thể ai chê trách được. Qua những bản hòa tấu (symphonie), người ta nhận thấy Beethoven đã đi đến đỉnh cao nhất trong giới nhạc hồi đó.

Sự xuất bản những nhạc phẩm nói trên đã mang lại cho Beethoven rất nhiều tiền. Ở Âu Châu, danh tiếng nhà soạn nhạc thành Vienne vang dội như sóng cồn. Tuy nhiên vì bệnh điếc, Beethoven cũng không còn điều

hiện được những buổi hòa nhạc tung bùng. Sự hiu quạnh đối với Beethoven càng ngày càng tăng, vì nhiều người không hiểu nỗi đau khổ của ông, đã sinh ra chán ghét con người tài hoa mà tính nết mỗi ngày đã trở nên quá ư khó chịu. Beethoven nhận thấy cần tìm một người bạn lòng nên nhất quyết lấy vợ. Lúc này là lúc Beethoven tự thấy buồn tủi đến cực-độ. Bản « Hòa tấu thứ năm » (Ve symphonie) và « Nhạc lễ trọng thể » (Messe solennelle) cùng bản « Hòa tấu thứ chín » (IXe symphonie) là những bản mà Beethoven đã ghi hết tâm-tình nên được coi là những nhạc phẩm vô cùng quý giá. Tiếng đồng ca xen lẫn với tiếng nhạc khí, đã làm những nhạc phẩm thêm phần tiêu-tao, linh-động. Hồi này, từ 1817 tới 1823, Beethoven cũng không hề ra mắt khán giả và năm 1824, nhà soạn nhạc nước Áo ra mắt công chúng một lần chót trong đời mình.

Trước số thánh giã đông đảo, Beethoven cảm nhip nhưng tai nào có nghe thấy gì ; khi bản nhạc dứt, tiếng vỗ tay như pháo nổ mà Beethoven cũng không biết là hết và còn tiếp tục cảm nhip, không ngừng tay. Đó là một thành công rực-rỡ lần ra mắt cuối cùng của Beethoven.

Beethoven còn soạn thêm những bản Quatuors cho nhạc khí có dây, và đó cũng là nhạc phẩm cuối cùng của ông. Vào đầu năm 1827, bệnh của Beethoven trở nên trầm trọng. Ngày 26 tháng 3 năm đó, Beethoven từ trần giữa một đêm gió bão.

Beethoven đã mất, nhưng nhạc-phẩm của ông đã trở nên bất diệt, và trong nền nhạc cổ điển, Beethoven đã ghi những nét vô cùng phóng khoáng còn vang dội muôn đời, làm vè-vang cho đất nước, và nền văn-nghệ hoàn cầu.



MÁY CHỮ

của NGUYỄN-VĂN-PHÚC

SỰ dùng máy chữ, ngày nay, đã được phổ-thông khắp nơi, thiết-tưởng ta cũng nên hiểu biết qua nguồn gốc của dụng-cụ thuận-tiện ấy.

Năm 1880, Hội Thanh-niên Phụ-nữ Công-giáo ở Nữu-Uớc, đã có sáng-kiến thiết-lập một lớp dạy tám thiếu-nữ, để tham-gia vào công việc văn-phòng. Những nữ-sinh ấy, không những học về tốc-ký, mà còn phải tập dùng một thứ máy gọi là máy chữ. Nhưng, máy lúc đó còn có cồng và trục nặng, nữ-sinh phải có sức khỏe, mới sử-dụng được.

Thời ấy, ai ai cũng chế giễu : « Phụ-nữ mà ngồi ở văn-phòng ư ? Quả thật là vô lý ! »

Nhưng, học sáu tháng xong, tám nữ-sinh khỏe mạnh ấy, đã kiếm được việc làm, lương gấp đôi những chị làm ở công-xưởng. Những cô tiên-dạo ấy, chẳng bao lâu, đã được trọng-đãi hơn các bạn thư ký, chữ tốt, vẫn gắng công sao những bản công-văn, mỗi phút chỉ được độ 15 đến 20 chữ là cùng.

o°o

Ấy cũng là nhờ sự cộng-tác của ba nhà sáng-kiến : nhà cơ-khí học *Caslos Glidden*, người thợ xếp chữ in *Christopher Sholes*, và người thợ *Samuel Soule*.

Chiếc máy khởi tở, mới phác lên trên mặt giấy, năm 1867, Từ đó, ròng-rã trong 6 năm, ba nhà sáng kiến đã cố công thí-nghiệm, nghĩ ra đến 30 kiểu khác nhau mà đều không dùng được. Mãi sau, mới chế ra được một thứ đề trên một cái giá bằng gang, có bàn đập, khiến cho cái trục lăn, đưa đi đưa lại được, chẳng khác gì máy khâu trông xấu xí và nặng-nề.

Nhà sáng kiến *Sholes* liền tìm đến một nhà đại tư-bản buôn đầu hóa, *James Densmore*, yêu cầu ông này xuất vốn đề sáng tạo ngành kỹ

nghệ máy chữ. Nhà đại tư bản được mục-kích một bức thư chép bằng máy, lấy làm vừa ý, liền ưng xuất vốn ngay chứ cũng chẳng cần xem đến máy. Mãi sau, nhà tư bản xem xét kỹ càng thấy có những phần thiếu tinh sảo, liền nêu ra cho nhà sáng kiến biết, và khuyên nên đem máy ấy đến một vị giám-đốc, có tiếng, ở nhà máy đúc khí-giới *Remington*.

Tiếp được máy của *Sholes*, mới sáng tạo ra, biết sẽ đắc dụng sau này, nên vị giám-đốc rất hài lòng, liền nhận sản xuất và bán trong khắp nước.

Máy chữ ấy được tu-chỉnh, và năm 1874, đã thành máy *Remington*, bày bán trên thị-trường..

Lúc đầu, công chúng còn lãn-làm : trong bảy năm, chỉ bán được vắn vắn 1.200 chiếc máy. Những nhà doanh-nghiệp vẫn không muốn dùng, vì thời bấy giờ, một chiếc bút lông có đáng giá là bao, mà máy *Remington* giá những 125 đô-la. Và lại, những nhân-viên giữ việc sao lại công-văn đều ẻo, nếu đem dùng máy ấy khiến họ sẽ mất kế sinh-nhai thì họ sẽ nhất loạt đình công.

Nhưng, dần dần, người ta biết rõ sự ích-lợi của máy chữ. Năm 1875, công-ty *Remington* đã nhận được một bức thư của nhà văn-sĩ trứ danh *Mark Twain* như sau :

« Xin ông đừng cho ai biết là tôi đã mua máy chữ. Và lại, tôi vẫn không dám dùng đến nó, vì mỗi khi tôi gửi một bức thư đánh máy cho ai, thì thế nào người ấy cũng phúc thư lại ngay, mà hỏi cặn kẽ không những bắt tả cái máy ra, mà còn hỏi cả cách sử-dụng máy như thế nào nữa. Không thể viết thư trả lời luôn như thế được, nên tôi định không muốn cho ai biết là tôi có một cái máy kỳ lạ ấy, để khỏi kích thích tình tò mò của thiên hạ ! »

Cũng vì công-dụng của máy chữ, dù có những sự bực mình, văn-sĩ *Mark Twain* cũng phải dùng nó đề xuất bản quyền « *La vie sur le Mississippi* » là một tác-phẩm đánh máy chữ, mang in đầu tiên.

Bấy giờ, công-ty *Remington*, mỗi khi bán một máy chữ, lại phải hiến một người đánh máy theo. Vì vậy những nhà sản-xuất máy, phải mở lớp dạy đánh máy chữ không lấy tiền. Học-sinh chỉ tập đánh bằng 2 ngón tay ; sau này, *Frank Mc Guerin*, làm Tùy-viên của Viên Đại-tụng, mới có sáng-kiến dùng 10 ngón. Sự canh tân ấy là một cách quảng-cáo cho máy chữ rất hiệu-lực. Viên đại tụng thời thường hay đùa với *Mc Guerin*, thi nhau đánh máy xem ai nhanh. Một hôm muốn kích thích *Mc Guerin*, ông liền kể truyện ông

đã được mục kích một thiếu-nữ làm ở nhà người bạn đồng nghiệp, vừa đánh máy vừa nhìn ra cửa sổ !

Câu chuyện đó làm cho *Mc Guerin* hơi tức, vì như thế thì ra phụ-nữ lại giỏi hơn cả bạn tu-mì sao ?

Mc Guerin tự nhủ : nếu một nhà đánh thạo dương-cầm, không cần chăm-chú vào mặt dương-cầm, thì một thiếu-nữ đánh máy chữ, cũng có thể vừa đánh, vừa nghe-ngang được. Nghĩ thế, chàng liền cố học thuộc những hàng chữ trên mặt máy, và cố tập hết mọi cách. Chẳng bao lâu, chàng có thể mỗi phút chép được đến 90 chữ, thật là một thành-tích không ngờ, với một cái máy cục-mịch và nặng nề.

Tiếng biệt-tài của *Mc Guértn* đồn dậy đó đây, Công-ty *Remington* bên sườn chàng đem máy đi khắp nơi để thuyết minh.

Người ta liền mở những trường dạy đánh máy, theo phương-pháp mới.

Từ đó, trong các văn phòng, phụ-nữ vào làm việc càng ngày càng đông.

Máy chữ điện bắt đầu được dùng từ năm 1925 ; rồi từ năm ấy đến nay, người ta vẫn hằng lưu-tâm sửa đi chữa lại cho thêm tinh-sảo. Những máy mới ngày nay có thể chép một cách nhẹ-nhàng gấp ba và nhanh chóng gấp mười, những máy thường dùng ngày xưa.

Nhờ thứ mặt máy mới chế, một học-sinh bực trung-học, chỉ cần tập ít lâu, cũng có thể đánh nhanh không kém gì viên thư-ký đánh máy chuyên-môn.

Nhờ sáng-chế *Sholes* đã lĩnh bằng sáng-chế, với một món tiền thưởng-vẹn có 12.000 đô-la, nên vẫn ở vào cảnh túng-thiếu, Nhưng, ông đã sống khá lâu, để chứng kiến mọi công trình cải-thiện chiếc máy do mình sáng-chế ra.

Ông từ trần năm 1890.

Trước khi mất, ông vẫn thường tuyên bố : « Máy chữ, do tôi chế ra là một nguồn lợi ích hiển-nhiên cho đời, mà nhất là cho các bậc phụ-nữ. Dù sống trong cảnh túng thiếu, tôi vẫn tự-hào đã nghĩ ra được một dụng cụ thuận-tiện, cho nước nhà. »



Sáu mươi năm cách mạng

TẠI TRUNG HOA

(tiếp theo V. H. N. S. số 11)

TRẦN-TUẤN-KHẢI dịch thuật

I

CHƯƠNG THỨ BÀY

Thời-đại đảng Trung-hoa cách-mạng

SAU cuộc thất-bại lần cách-mạng thứ II khoảng năm Dân-quốc thứ 2, các đồng-chí Quốc-dân-đảng chạy trốn ra ngoài, thầy đều chán-nản, sinh ra ý kiến xung-đột, oán trách lẫn nhau. Đến tháng 7 năm Dân-quốc thứ 3, Tôn-Văn lại tổ-chức ra tân đảng, lấy tên là Trung-hoa cách-mạng đảng, đặt tổng-bộ ngay tại Đông-kinh nước Nhật. Việc cải-tổ phen này thực hành chế độ Tổng-lý, đối đảng-viên cực kỳ thúc ược nghiêm mật, hết sức kỷ cang, cốt sao thành một chánh-đảng có tổ-chức, có kỷ-luật, danh thực phải giống như nhau. Từ Dân-quốc trở về trước, chủ nghĩa của đảng là cốt xây dựng Dân-quốc, nhưng từ Dân-quốc về sau thì chủ nghĩa của đảng là phải phủ trị cho Dân-quốc sau này. Tôn-Văn bao lần phấn đấu, thủy chung vẫn lấy Quảng-châu làm nơi căn cứ cách-mạng ; ngay từ công cuộc chống họ Viên cho tới cuộc hộ-pháp về sau cũng vậy. Tôn-Văn thường nói những việc hộ-pháp và đánh họ Viên, không thể gọi là Nam-bắc phân tranh mà chỉ có thể gọi là những cuộc chiến tranh của người phân nước với người yêu nước, và cuộc chiến tranh của chủ-nghĩa Cộng-hòa với chủ-nghĩa Quân-phiệt. Trong thời gian đó, Tôn-Văn lại đem hết tâm lực làm trọn một tác phẩm vĩ đại trong một đời người, tức là thảo ra cuốn « Kiến-quốc phương-lược » để lưu truyền về sau. Một chương sau đây sẽ xin tường thuật.

Nguyên-nhân cái-tò Quốc-dân-đảng.— Sau khi hội Trung-quốc đồng-minh cái tò làm Quốc-dân-đảng, bởi những đảng-viên của các đảng tham gia vào, phần nhiều không có tinh thần cách mạng, không có lịch-sử cách mạng, phẩm loại không giống nhau, sự đoàn kết không được chặt-chẽ. Những đồng-chí quang đó thường hay tự do hành động, đã không phục tùng mệnh lệnh của lãnh tụ, lại không tuân theo chủ trương của đảng đến nỗi kỷ-luật rối nát, chủ nghĩa lung tung, khiến cho tinh thần cách mạng của thời kỳ Trung-quốc đồng-minh cơ hồ biến tan gần hết. Trước đây, Đồng-minh hội chỉ có số ít đảng viên theo dõi cách-mạng, từng vấp bao phen thất bại mà chỉ trong mấy năm giờ cũng đánh đổ Mán-Thanh. Đến Quốc-dân đảng, có hàng mấy chục vạn đảng-viên khởi-nghĩa đánh họ Viên, mà trong một tháng trời, trước sau bao lần thất bại, cái đó không phải là tự nhiên vô cớ. Tôn-Văn cũng vì nhận thấy căn bản quốc-gia chưa vững, nhân tâm chưa được cố kết, bất đắc dĩ phải nghĩ một cơ mưu cái-tò ra Trung-hoa cách-mạng đảng, và phân tán các đảng-viên rải rác các tỉnh, đề cố gắng đối địch với kẻ mãi-quốc xưng đế hiện thời. Cũng nhờ đó mà trong Dân-quốc thứ 3, thứ 4, tuy đế chế chưa thành mà lòng người đã bỏ, cho tới lúc đế-chế vừa mới nêu ra, thì toàn thể quốc-dân nổi ngay lên mà dẹp tan ngay được.

Việc thành-lập Trung-hoa cách-mạng đảng.— Năm Dân-quốc thứ 2, Tôn-Văn đi sang Nhật bản, lập tức sửa soạn công việc cái-tò và tự tay hoạch định chương-trình. Ngày 23 tháng 6 năm Dân-quốc thứ 3, bên chính thức cử hành cuộc đại hội tuyên-cử đảng Trung-hoa cách-mạng tại Đông-kinh, được mọi người suy-tôn Tôn-Văn lên làm Tổng-lý. Đến ngày 8 tháng 7 năm đó, mới chánh thức tuyên thệ tựu chức. Lời thệ-ước như sau :

« Người lập thệ ước là Tôn-Văn, vì mục-dịch cứu nguy vong cho Trung-quốc, gỡ thốmg khổ cho nhân-dân, nguyên hy-sanh hết thầy tấu mạng, tự-do và quyền-lợi của một-minh, thống xuất đồng-chí, lại nối cách-mạng, ráng làm trọn theo chủ-nghĩa Dân-quyền và Dân-sanh. Đồng thời, dựng ra Ngũ-quyền hiến-pháp, khiến cho chánh-trị tốt đẹp, dân-sanh yên vui, đặt quốc-cơ vào nơi vững chắc, giữ thế-giới cho được hòa-bình. Vậy xin thành thiết phát thệ như sau :

- « 1) Thực-hành tôn-chỉ ;
- « 2) Kính-cần mệnh lệnh ;
- « 3) Tận-trung chức-vụ ;
- « 4) Nghiêm giữ bí-mật ;
- « 5) Thề cùng sống chết.

Từ nay giữ vững lời ước, đến chết không sai ; nếu có nhĩ tâm, nguyên xin tội chết. » Sau khi Tôn-Văn đóng dấu in tay, các đảng-viên cùng nối tiếp viết theo lời thệ, trong đó chỉ thay mấy chữ tò ý nói theo Tôn-Văn làm đúng như lời thệ nguyện.

Sửa đổi phương-lược cách-mạng.— Sau khi Trung-hoa cách-mạng đảng thành lập, có phát biểu tuyên-ngôn, thanh-minh các biện-pháp sau này là cốt chính đốn thanh-trường tận nguồn tận gốc, bài trừ sạch vết quan liêu, gạt lọc hết nguy cách-mạng, thu lấy hiệu-quả hoàn toàn thống-nhất trong đảng. Lại ban bố 39 điều « tông-chương », nêu rõ tôn-chỉ thực-hành hai chủ-nghĩa Dân-quyền và Dân-sinh, trừ hết chánh-thề chuyên-chế, và kiến-thiết hoàn toàn Dân-quốc làm mục-dịch. Chương trình tiến hành chia làm 3 thời kỳ là Quân-chánh, Huấn-chánh và Hiến-chánh. Kể từ ngày quân Cách-mạng khởi-nghĩa cho tới thời kỳ ban bố hiến-pháp gọi là Cách-mạng thời kỳ. Trong thời gian đó, nhất thiết các việc quân quốc đều hoàn-toàn do đảng chịu trách nhiệm. Lại do Tổng-lý Tôn-Văn triệu tập bọn Hồ-hán-Dân, Trần-kỳ-Mỹ, Điền-Đông, Đới-truyền-Hiến luôn luôn hội-họp thảo-định ra phương-lược cách-mạng. Nhân vì sau cuộc cách-mạng thất bại, các đồng-chí trước cơ hồ sai lạc chủ-nghĩa tam-dân, nên cần dùng phương-pháp Đảng-trị để cho thống nhất công việc hành-động ; song thực ra kỷ-luật trong đảng rất là khắc-nghiệt rõ ràng, phòng ngừa hết thầy các sự lạm-dụng xảy ra.

Về phương-diện tuyên-truyền, thì có tờ « Dân-quốc tạp-chí », có nhà Pháp-chánh học-hiệu, có nơi giáp thọ quân-sự đề đào luyện nhân-tài tung ra cán bộ. Việc tổ chức đảng chia làm 6 Bộ, là Tổng-vụ, Đản-x-vụ, Quân-vụ, Tài-chánh, Chánh-trị và Tuyên-truyền. Ngoài ra, còn ủy-định các tư-lệnh trưởng quan và chỉ-bộ trưởng các tỉnh, đề tiến hành công việc của đảng cùng các quân-sự ở trong nước, nhưng đều giữ tánh cách bí-mật, vận-động triệt đề về đường cách-mạng.

Chế-độ Tổng-lý.— Công cuộc lập đảng phen này, đã theo Chế-độ lãnh-tụ. Các đảng viên thầy đều phải phục tùng mệnh lệnh của người lãnh-tụ, đề tránh cái họa chia lìa tan rã hồi năm Dân-quốc trước đây. Còn nhớ hồi năm Dân-quốc thứ 3, Tôn-Văn viết thư cho Đặng-trạch-Nhu từng thống thiết nói về việc đó. Trong thư đại ý nói như sau :

« Những thức-giã bàn đến sự thất bại của đảng ta trước đây, thầy đều đổ tội vì một nỗi tan rã chia lìa : điều đó thực là xác-dáng. Ngay như hồi chánh-phủ Nam-kinh, đệ tuy làm Tổng-thống, song chẳng qua chỉ là tượng gỗ, không có một việc gì tự chủ trương được. Đối với việc họ Viên ra làm Tổng-thống, họ Viên tự nói là chịu mệnh lệnh của Long-Dụ Hoàng-hậu, mà không phải là chịu mệnh lệnh Dân-quốc.

(còn tiếp)



A. — TIN TRONG NƯỚC

I — HOẠT-ĐỘNG CỦA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

1. — ĐẶC-SAN VỀ TINH-THẦN QUỐC-GIA

NHA Văn-hóa Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã xuất-bản một số đặc-biệt Văn-hóa Nguyệt-san, gồm có những bài đủ các loại, mà chủ-điêm là tinh-thần quốc-gia. Số đặc-san này là số 12, tháng 6 năm 1956.

2. — HỘI-NHỊ GIÁO-DỤC LIÊN-HIỆP-QUỐC

Ngày 4-7-56, một Phái-đoàn của Chính-Phủ, gồm có các ông Bùi-phụng-Chi, Tổng-giám-Đốc Học-vụ, Võ-văn-Lúa, Giám-đốc Nha Văn-hóa, Nguyễn-văn-Tính, Giáo-sư, đã lên đường để tham dự Hội-nghị Giáo-dục Liên-hiệp-Quốc, — Hội-nghị họp tại Gio-neo, từ 9 đến 17-7-1956.

Chương-trình nghị-sự gồm có ba vấn-đề chính :

— Việc thanh-tra học-chính (huấn-luyện, tuyển-dụng, và ấn-định qui-chế về các ngành thanh-tra học-chính).

— Việc dạy toán pháp tại các trường trung-học (chương-trình, phương-pháp, dự-án, việc dùng phim ảnh về toán-học).

— Tình-hình và sự tiến-triển của nền giáo-dục Việt-nam trong học khóa 1955-56.

3. — THI NHẬP HỌC TRƯỜNG CÁN-SỰ Y-TẾ

Kể từ ngày 5-7-56 là ngày ký Nghị-định 210/GĐ sửa đổi lại nghị-định 213-TTP/CV ngày 16-1-56 về việc thiết-lập trường Cán Sự Y Tế, các nam-nữ thí-sinh có bằng Tú-tài phần thứ nhất Việt-Nam hay Pháp, cũng phải qua một kỳ thi nhập học như các thí-sinh khác.

4. — DIỄN-THUYẾT VỀ VĂN-HÓA

Hồi 18 giờ, ngày 12-7-56, Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã tổ-chức tại Rạp Thống Nhất, Saigon, một cuộc diễn-thuyết về Văn-hóa. Diễn-giã là Linh-mục Lucien Gagné, tiến-sĩ văn-chương, tâm-lý và sư-phạm, giảng-sư về khoa-học lịch-sử và Tổng-Giám-học trong khu Đại-học Laval, tại Québec, Gia-nã-đại. Ông đã nói về : « Vấn-đề văn-hóa hiện-đại ».

Thính-giả rất đông, và ông Nguyễn-dương-Đôn, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục, đã tới chủ-tọa.

5. — THI HỌC BÔNG ĐẶC-BIỆT KỸ-THUẬT

Một kỳ thi « Học-bông đặc-biệt kỹ-thuật » về niên-khóa 1956.57, được mở vào sáng 30-7-1956 tại Huế, Saigon và Paris. Học-bông này dành riêng cho các sinh-viên, để theo học ở Pháp hay ngoại-quốc khác, tại :

- a) đệ nhất niên các trường Cao-đẳng chuyên-nghiệp.
- b) các lớp dự-bị vào các trường Cao-đẳng chuyên-nghiệp.

Học-bông sẽ được hưởng trong suốt thời-hạn thường về môn-học.

6. — THI-VỀ

Đề giúp các trẻ em học-sinh tham-gia cuộc Triển-lãm Mỹ-thuật Trẻ em Quốc-tế kỳ thứ 3 tại Nhật-bản, do Liên-đoàn Giáo-dục Mỹ-thuật Unesco Nhật tổ-chức vào mùa thu 1956, Nha Thanh-tra Mỹ-thuật và Mỹ-nghệ học-vụ, sẽ tổ-chức một kỳ thi vẽ tại các trường trung-học, tiểu-học và mẫu-giáo công và tư trên toàn-cối Việt-Nam tự-do.

Các em dự thi được trường mình giới-thiệu và gửi đến thi tại trường Quốc-gia Cao-đẳng Mỹ-thuật Gia-định (nếu thí-sinh ở Saigon Chợ-lớn), và

tại các trường hàng tỉnh (nếu thí-sinh ở xa Saigon-Chợ-lớn). Bài thi phải gửi đến trường Quốc-gia Cao-dăng kể trên, trước ngày 1-9-56.

7 - CUỘC HỢP MẶT HỌC-SINH QUỐC-TẾ TẠI NỮ-UỚC.

Tờ báo « Nữ-ước diễn-dàn » (New York Herald Tribune), sẽ tổ chức vào đầu năm 1957, tại Nữ-ước, một cuộc họp mặt học-sinh trung-học các nước.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã trù-liệu lựa chọn một số nam nữ học-sinh trung học, đi dự cuộc nhóm họp này. Các học-sinh ra đi, sẽ là các học-sinh hiện tòng học tại các trường trung học công, tư Việt-Nam, từ 16 đến 19 tuổi, khỏe mạnh, học lực khá, về nhất là thông thạo Anh-ngữ.

8. - THI TUYỂN NAM-NỮ GIÁO-SINH NHẬP HỌC TRƯỜNG

QUỐC-GIA SU-PHẠM TRONG NIÊN-KHÓA 1956-1957

A. - Ngày và nơi thi.

Một kỳ thi tuyển giáo-sinh vào ban Su-phạm 3 năm, ban Cấp-tốc 1 năm, và lớp huấn-luyện cấp-tốc giáo-viên mẫu-giáo của trường Quốc-gia Su-phạm sẽ mở vào ngày 20-9-56, hồi 7 giờ sáng, chung cho cả hai ban và lớp huấn-luyện giáo-viên mẫu-giáo, tại 2 địa-điểm sau đây :

1) tại Saigon : ở các trường Quốc-gia Su-phạm, trung-học Gia-Long và trung-học Pétrus-Ký cho các thí-sinh ngụ tại các tỉnh Nam-Việt và các tỉnh Trung-Việt từ Nha-trang trở vào Nam.

2) tại Huế : ở trường trung-học Ngô-dình-Diệm cho các thí-sinh ngụ tại các tỉnh Trung-Việt trừ các tỉnh từ Nha-trang trở vào Nam. Các thí-sinh ngụ tại các tỉnh thuộc Cao-nguyên miền Nam được tùy-tiện xin thi ở Huế hay Saigon, nhưng phải ghi rõ trong đơn nơi thi đã chọn.

B. - Điều kiện ghi tên.

Được dự thí những nam-nữ thanh-niên đã đỗ bằng Trung-học đệ nhất cấp hoặc một văn-bằng tương-đương, và tuổi từ 16 đến 21 nếu xin vào ban 3 năm, và từ 17 đến 23 nếu xin vào ban 1 năm hay ban huấn-luyện cấp-tốc giáo-viên mẫu-giáo, tính đến 31 tháng 12 năm 1956.

C. - Thê-thức thi.

Kỳ thi tuyển gồm có 4 bài thi viết rút trong chương-trình đệ tứ niên trung học đệ nhất cấp.

1) 1 bài luận Việt-văn, thời-hạn 3 giờ, hệ số 3.

2) 1 bài dịch Việt-văn ra Pháp-văn hay Anh-văn, thời-hạn 2 giờ, hệ-số 2.

3) 1 bài sử-dịa Việt-Nam làm bằng Việt-văn, thời-hạn 2 giờ, hệ-số 2.

4) 2 bài toán làm bằng Việt-văn, thời-hạn 2 giờ, hệ-số 2.

(Trong thời-kỳ chuyên-tiếp, thí-sinh có thể làm 2 bài toán này bằng Pháp-văn và đầu-đề 2 bài toán sẽ ra bằng Việt-văn và Pháp-văn).

9 - LỄ PHÁT THƯỞNG THỐNG-NHẤT CHO CÁC HỌC-SINH TU-THỰC

Sáng chủ-nhật 24-6-1956, hồi 8 giờ 30, 61 tu-thực Sài-gòn, Chợ-lớn, Gia-định, đã tổ-chức tại Hội-viện Thống-nhất, đại lộ Thống-nhất Sài-gòn, một lễ Phát-thưởng Thống-nhất, cho các học-sinh trường tu ba nơi ấy, dưới quyền chủ-tọa của ông Nguyễn-dương-Đôn, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục.

Buổi lễ đã bắt đầu bằng việc đọc Huấn-từ của Ngô Tổng-Thống. Sau đó, Ông Kiêu-công-Gia, đại-diện Hiệp-hội và Nghiệp-đoàn Giáo-học tu-thực, đã đọc diễn-văn thưởng lệ.

Ông Bộ-trưởng Nguyễn-dương-Đôn đáp từ. Ông tỏ vẻ rất « vui mừng được chứng kiến sự đoàn kết giữa các tu thực, và giữa học-đường cùng gia-đình ».

Ông tuyên bố : « Sự đoàn kết ấy làm cho tôi càng thêm tin tưởng vào tương lai thanh niên nước Việt.

« Quang cảnh đáng mừng này, là một đỉnh chảnh hùng hồn đối với những ai quá bi quan về tình trạng các tu thực, cho rằng ở đây luật cạnh tranh đã đi xa quá mức. Nghề nhà giáo là một trách vụ cao quý, vượt lên trên mọi quyền lợi tầm thường.

« Không riêng gì ở nước ta, mà ở khắp các nước, trường công lập có bao giờ được đủ, để giảng dạy thanh niên. Trường công thiếu, các tu nhân gom của, góp người, để bù vào chỗ khuyết đó. Tôi vốn biết những nỗi khó khăn của giới tu thực, sự cố gắng của các trường về mặt vật chất cũng như tinh thần. Đối với nền học-vấn nước nhà, các vị đã giúp Chánh phủ không ít, trong công cuộc điu dắt con em.

Biết rõ như vậy, nên Bộ Quốc-gia Giáo-dục cũng hằng lưu tâm đến việc nâng đỡ các tu thực. Một ngân khoản, đầu eo hẹp vì tình hình ngân sách Quốc-gia không cho phép rộng rãi hơn, đã được dự trù. Và gần đây, tôi sẽ triệu tập một Hội đồng xét trợ cấp cho những trường

xứng đáng. Số trợ cấp có thể không được dồi-dào, nhưng, trong khuôn khổ eo hẹp của hiện trạng ngân sách Quốc gia, nó sẽ có giá trị một mối khuyến khích tinh thần, tương trưng cho sự ân cần của Chánh phủ và Bộ Quốc gia Giáo-dục đối với các tu-thực.

Ông Bộ trưởng nhắc lại rằng :

« Trường bán công thiết lập ra không phải để cạnh tranh với tu-thực, mà chính là để bù đắp tình trạng khiếm khuyết cả trường công lập lẫn tu-thực, ở nhiều nơi trong nước ».

Hướng về các anh em học sinh, ông Bộ Trưởng khen ngợi và khuyến bảo :

« Các em đã ngoan ngoãn, đã chuyên cần, đã được cha mẹ vui mừng mà thầy yêu chuộng. Được thưởng là xứng đáng lắm.

« Rồi đây, bước chân ra, các em sẽ được phần thưởng nữa, là nghỉ hè. Có chăm học, rồi nghỉ mới thú. Nghỉ cho thân thể được tráng kiện, cho tinh thần được sáng khoái. Chín tháng lo học tập, làm cho các em một phần nào, ở ngoài đời sống của gia đình. Nay có nhiều thì giờ nhàn rỗi, các em sẽ thấu hiểu sự hy sinh không bờ bến của cha mẹ, sự âu-yếm thân yêu của anh chị em.

« Rồi đây, khi hết hè, tựu trường, các em sẽ tăng cường về Thể, Trí Đức. Mỗi năm một bồi bổ thêm, ở trường biết nghe thầy, ở nhà biết vâng lời cha mẹ, lo gì đến tuổi trưởng-thành không xứng đáng làm dân một Quốc gia Độc-lập ».

Buổi lễ đã chấm dứt hồi 12 giờ.

10 - LỄ PHÁT THƯỞNG TẠI TRƯỜNG TRUNG-HỌC PHÁP

CHASSELOUP-LAUBAT

Ngày 21-6-56, ông Bộ-trưởng Nguyễn-dương-Đôn đã tới chủ tọa lễ Phát-thưởng cho học-sinh trường Trung-học Pháp Chasseloup-Laubat, Sài-gòn. Ông Brigaudeau, giáo-sư văn-chương, đã đọc diễn-văn thưởng lệ. Dưới đây là đáp từ của ông Bộ-trưởng :

Mesdames, Messieurs,

Chers élèves,

A l'instigation de Paul Verlaine, on vient de tordre impitoyablement son cou à l'Éloquence.

Je n'essayerai pas, quant à moi, de ranimer la vieille victime, à vos grands dépités. Ce serait, de ma part, un geste d'imprudence et surtout d'inqualifiable indécence envers mon prédécesseur à cette place.

Je me contenterai donc de vous livrer quelques réflexions, que m'a suggérées le message si substantiel de M. Brigaudeau sur l'enseignement et la culture.

Message bienfaisant et combien opportun, devant le développement exceptionnel de la science moderne.

En effet, depuis deux siècles, le progrès scientifique est tellement rapide, tellement énorme, qu'il n'est plus possible pour n'importe quelle intelligence, si douée soit-elle, de prétendre à une universalité encyclopédique.

Comme l'a si bien remarqué Manuel Garcia Morente : « dans l'Antiquité, un Aristote pouvait se flatter de tout savoir. Dans un âge plus proche de nous, Leibniz peut être aussi signalé comme un esprit absolument universel. Mais aujourd'hui, ce serait un rêve inouï de penser qu'il puisse y avoir un homme capable de dominer l'immense quantité de savoir, que l'humanité a accumulée le long de ces derniers siècles ».

Dans ces conditions, on comprend combien lourd, moralement, doit être le poids du livresque, qui accable la frêle personnalité de l'écolier moderne. On le comprend, et l'on en vient à se poser cette question : « L'enseignement serait-il donc une fonction contre nature ? Ne serait-il pas plus sage d'y renoncer et de laisser l'esprit de nos élèves se former tout seul ? »

Je ne le croirai pas, et ma croyance personnelle est d'autant plus forte qu'elle se trouve raffermie par l'expérience pédagogique d'un éducateur de marque comme M. Brigaudeau, et aussi par l'autorité des vieux maîtres de la Pensée française comme de la Sagesse sino-vietnamienne ; celle de Montaigne, de Rousseau, de Confucius et de Mencius, pour ne parler que des éducateurs.

Ces esprits remarquables se sont trouvés, de leur temps, en présence du même antagonisme entre le livresque et l'original. Ils ont eu à résoudre le même problème pédagogique que nous, et ils y ont apporté des solutions analogues qui consistent dans une harmonieuse conciliation des extrêmes. Évidemment, il existe entre eux, des nuances, des divergences même tenant à des différences de races, d'époques et de doctrines. Mais,

ce qui frappe, par dessus tout, c'est cette analogie de vœux dont il est parlé plus haut et qui prouve que la minute de vérité réclamée de ses élèves par M. Brigaudeau est une minute de vérité absolue; c'est-à-dire simplement humaine.

Quelques rapprochements entre Confucius et Mencius d'une part, Montaigne et Rousseau de l'autre, vous en apporteront la démonstration.

A tout seigneur, tout honneur : Commençons par le plus ancien et le plus vénérable, Confucius.

Le livre des Entretiens (Luân ngữ) nous a laissé, de lui, le portrait d'un éducateur. Le Maître ambitionnait de former des hommes accomplis, utiles à l'Etat et à la Société. Il s'assignait la tâche primordiale d'interpréter l'ancien héritage culturel. A ce titre, il était, selon ses propres termes, un homme qui transmettait et non un créateur.

En réalité, des idées traditionnelles transmises à ses disciples, Confucius donna des interprétations personnelles découlant de ses propres concepts moraux. Bien qu'il s'en défendit, il fut donc aussi un novateur.

Venons-en maintenant à Mencius, son disciple le plus proche. Plus moraliste que pédagogue, Mencius a pourtant laissé à la postérité, quelques préceptes sur l'éducation qui sont devenus classiques dans les pays de l'Extrême-Orient et en particulier au Viêt-nam. L'un de ses préceptes, c'est qu'il faut respecter la nature : ne forçons pas l'intelligence de l'enfant. Celui-ci peut parvenir, de lui-même, à certaines vérités qui se trouvent à sa portée. Ne cherchons donc pas à loger de force des notions artificielles dans sa mémoire, sans acceptation de sa part, et laissons lui l'effort de recherche qui lui facilite l'assimilation de la vérité découverte. « Le disciple, dit Mencius, avance sans cesse par la vraie voie. Il veut surtout arriver à la posséder par sa propre recherche. Lorsqu'il la possède par sa propre recherche, il la garde tranquillement ; lorsqu'il la garde tranquillement, il en a un trésor abondant, il y puise et en fait usage en toutes circonstances. Il est toujours à la source ».

Le second précepte, corollaire du premier, c'est qu'il faut laisser librement s'épanouir les tendances naturelles de l'enfant, sans chercher à les réprimer ou à les gêner. C'est là un conseil auquel il revenait le plus souvent et qu'il exprima à l'aide d'une savoureuse anecdote.

« N'imitons pas, dit-il, certain villageois de Song qui, voyant avec peine que sa moisson poussait trop lentement, tira les tiges avec ses doigts pour les allonger. De retour chez lui, ce nigaud dit à ses gens : Aujourd'hui, je suis très fatigué, j'ai aidé la moisson à grandir. Ses fils coururent voir son travail : les tiges étaient déjà desséchées. »

Et Mencius d'ajouter : Ici-bas, il est peu d'hommes qui ne travaillent pas à faire grandir la moisson par des moyens insensés. Ceux qui la négligent, laissent les mauvaises herbes croître dans leur moisson. Ceux qui emploient des moyens violents pour en développer plus vite la croissance, font comme cet insensé qui arracha sa moisson. Leurs efforts ne sont pas seulement inutiles, ils sont nuisibles ».

Cependant, respecter la nature chez l'enfant n'implique pas nécessairement qu'on la laisse à l'abandon. La nature a besoin d'une nourriture, qu'elle serait incapable de se procurer par elle-même. Il appartient à l'éducateur de la lui offrir sans pour cela chercher à la lui imposer de force. A chaque stade du développement spirituel de l'enfant, doit correspondre un enseignement approprié. « La prudence et la perspicacité, dit Mencius, servent peu, si l'on ne saisit pas l'occasion ; la houe et le sarcloir servent peu, si l'on n'attend pas le moment favorable. »

Ces idées de Confucius et de Mencius sur le rôle de transmetteur et de créateur du pédagogue, sur l'art d'enseigner en respectant la personnalité de l'enfant, tout en lui inculquant des connaissances nécessaires, sur l'adaptation enfin de l'enseignement à l'âge et aux besoins de l'enfant, rappellent étrangement celles de Montaigne et de Rousseau venus pourtant plus de 20 siècles après les deux grands instituteurs de l'Asie. Faute de temps, je ne vous ferai pas des citations de deux pédagogues français, pour les mettre en regard de celles de leurs devanciers en Extrême-Orient. Vous verriez mieux combien est frappante l'analogie de leurs vœux sur l'enseignement et la culture. Quoi qu'il en soit chers, élèves, le peu que j'en ai dit suffit, du moins je l'espère, à éclairer notre religion touchant l'axiome pédagogique que M. Brigaudeau vient de formuler en ces termes à votre adresse : « Ne vous défendez pas d'être traités d'intellectuels, c'est le plus beau nom. Soyons fiers, en effet, de ce titre, mais noblesse oblige : Ne confondons jamais répétition et compréhension, imitation et inspiration, âme bouffie et âme pleine, pédantisme et sagesse ».

Élèves vietnamiens de ce Lycée, gravez dans votre esprit et dans votre cœur, ce précieux conseil d'un professeur, soucieux de votre avenir culturel. Tâchez de devenir de grands aventuriers de l'esprit. Enrichissez-vous intellectuellement et moralement par la fréquentation assidue des classiques français qui sont d'admirables découvreurs de la vérité humaine. Mais en même temps, tâchez de rester bien vous-mêmes, c'est-à-dire de vrais Vietnamiens conscients de votre origine et de votre destin. Ce serait d'ailleurs, de votre part, la meilleure et la plus éloquente marque de gratitude à l'égard de ceux qui ont la charge de votre avenir.

Élèves français, vous qui, sur le conseil de votre professeur, quittez l'aventure intellectuelle, j'espère qu'un avant-goût de la pensée sino-vietnamienne, fera naître en vous le désir de la mieux connaître. Vous avez pu constater que si certaines idées de nos sages d'Asie contredisent celles des philosophes d'Occident, d'autres les rencontrent aussi parfois, et souvent les complètent.

Ainsi, il se trouve que le Vietnam et la France, de par certaines affinités de leur humanisme, sont faits pour se comprendre. Je voudrais donc, en guise de conclusion, formuler le vœu que, le plus souvent possible, suivant une expression fortement imagée de Montaigne, dans le Livre Ier des Essais, « vous frottiez et limiez votre cervelle » contre celle de vos camarades vietnamiens.

Vous aurez été les uns et les autres, la compréhension et la sympathie aidant, les meilleurs artisans de l'amitié franco-vietnamienne et les meilleurs défenseurs des valeurs spirituelles du monde libre, contre les assauts maléfaisants et destructeurs du Totalitarisme. »

o°o

II - LỄ ĐẶT VIÊN GẠCH ĐẦU TIÊN XÂY CÁT TRUNG TÂM VĂN-HÓA

8 giờ sáng ngày 3-7-1956, đã cử hành, tại khu ở góc đường Gia-Long và Nguyễn-Trung-Trực, Lễ đặt viên gạch đầu tiên xây cất Thư-viện Quốc-gia và Trung-tâm Văn-Hóa, do Bộ Quốc-gia Giáo-dục tổ-chức, dưới sự chủ tọa tối cao của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa.

Tới dự, có các Ông Bộ-trưởng Ngoại-giao, Tư-pháp, Công-chính và Giao-thông, cùng Y tế và Xã-hội. Ngoại-giao đoàn cũng tới dự đông đủ.

Dưới đây, là bài diễn-văn của ông Nguyễn-dương-Đôn, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục.

« Kính thưa Tổng-Thống.

Thưa Quý vị Bộ-trưởng,

Thưa Quý vị Đại-diện Ngoại-Giao Đoàn.

Thưa Quý vị.

Gia đình Giáo-dục, hôm nay, được vinh dự tiếp đón Tổng-thống Cộng-hòa Việt-Nam, trong buổi lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng Thư viện Quốc-gia và Trung Tâm Văn-hóa.

Kính thưa Tổng-Thống.

Sự hiện diện của Tổng-thống chứng tỏ rằng, lúc nào, Ngài cũng đặc biệt lưu tâm đến những công cuộc kiến thiết cơ sở văn-hóa để đào tạo nhân tài, ngõ hầu thiết lập một nền văn chương nghệ thuật phong phú cho đất nước.

Một lát nữa, bàn tay của Ngài sẽ đặt viên đá đầu tiên khởi công việc xây cất, và sẽ để lại nơi đây một kỷ-niệm đẹp đẽ và thân yêu : đẹp đẽ vì tấm gương tranh đấu và chí khí của Ngài sẽ được truyền tiếp vào tâm trí những lớp thanh niên tuần tú được rèn luyện tại đây, thân yêu vì lúc đặt viên đá đầu tiên này, thì Ngài cũng đặt vào thanh niên Việt-Nam, bao nhiêu tru mến và hy vọng.

Thưa quý liệt vị,

Từ ngày Hiệp định Genève chia xẻ đất nước, một số lớn sinh-viên, học sinh đã di cư vào tìm Tự-do. Tìm chỗ ăn, chỗ ở, chỗ học cho các thanh niên đã đặt cho các nhà chức trách, một vấn đề nan giải.

Nhưng, với sự lãnh đạo sáng suốt của Ngài Tổng-Thống, với sự cố gắng của Bộ Giáo-dục, với tinh thần hy-sinh nhẫn nại của Giáo giới và cùng với sự giúp đỡ sốt sắng của các nước bạn, tất cả những nỗi khó khăn đã lần lần được khắc phục.

Trong vòng hơn một năm, các trường học ở khắp nơi, đã được, hoặc tu sửa, hoặc mở rộng, hoặc xây cất thêm.

Về cấp đại học, riêng ở Thủ-đô, những trường mới xây cất hay sẽ xây cất, được xếp thành ba khu lớn. Khu thứ nhất là Trung tâm kỹ thuật và khoa học tại Phú-thọ, với những trường như Việt-nam hàng hải, Vô tuyến điện, Cán sự y-tế, Cao-đẳng công chánh, Đại học y khoa, Đại học khoa học, và một cơ xá cho sinh viên.

Khu thứ hai là Trung tâm Mỹ-thuật tại Gia Định. Nơi này sẽ tập trung tất cả các ngành hoạt động về Mỹ-thuật, Mỹ-nghệ, Âm-nhạc và Kịch-trường. Đơn vị đầu tiên là trường Quốc-gia Cao-dẳng Mỹ thuật, vừa mới được hoàn thành. Đề tiếp tục công việc xây cất, Bộ Quốc-gia Giáo-dục mới đệ trình, đề Tổng-Thống duyệt xét, một chương trình đại cương.

Khu thứ ba, gồm có Thư viện Quốc-gia, trường Văn-khoa và Luật-khoa Đại-học cùng Viện Quốc-gia Hành-chánh, ngày hôm nay được khởi công xây nền đắp móng.

Bộ tôi nhận thấy rằng : Thư Viện hiện có tại Saigon vừa chật hẹp, vừa thiếu thốn, không thể ứng đáp được nhu cầu của Viện Đại-học và sự đòi hỏi của dân chúng mỗi ngày một tăng thêm. Ngoài một Thư viện rộng lớn hơn nhiều, Thủ đô Việt Nam lại cần phải có một nơi đây đủ tiện-nghi, để có thể tổ-chức những Hội-nghị văn-hóa quốc-gia hay quốc-tế.

Bởi lẽ đó, Bộ Giáo-dục hồi tháng 3 năm ngoái, đã mở một cuộc thi để án xây cất và đã dự trù một ngân khoản là 50.000.000 đ, cho công cuộc kiến thiết. Gần mười Kiến-trúc sư danh tiếng, người Việt-Nam cũng như ngoại-quốc, đã tham dự cuộc thi, và đã cố gắng họa nên những mẫu nhà lớn đẹp. Sau khi một Hội-dồng đã thẩm sát kỹ càng, Kiến-trúc sư Nguyễn hữu Thiên được trúng giải 100.000 đ. và được giao phó nhiệm vụ điều khiển công cuộc xây cất.

Kính thưa Tổng-thống,

Sở dĩ ngày nay mọi người vui mừng được thấy đặt viên đá đầu tiên, là cũng nhờ Tổng-thống đã dành cho Bộ tôi được xử dụng miếng đất của Khám lớn cũ này, trước kia được phá đi để dự định xây cất trụ sở cho các Bộ. Quyết định như vậy, Tổng-thống đã muốn rằng cái di-vãng đen tối tại nơi đây, được vĩnh viễn xóa bỏ và thay thế bằng một cơ-sở Văn-hóa huy-hoàng.

Tại nơi đây, nhờ sự tận tâm của các vị Giáo-sư lỗi-lạc, sinh-viên nam nữ sẽ trở nên những cán-bộ của các ngành Giáo-dục, Tư-pháp hay Hành-chánh, để tham dự một cách đặc-lực vào công cuộc phục hưng xứ sở. Và trong những thanh niên ấy, điều ước mong của Quốc-dân là được thấy những phần tử đặc biệt ưu tú cố gắng bồi đắp nền Văn-hóa Quốc-gia, để tạo cho nước nhà một tương lai xán-lạn.

Nhờ sự khai thác những tài liệu cổ kim của nền Quốc-học và của các nền Văn-minh khác trên thế giới sẽ gom góp tại nơi đây, nhờ những cuộc trao đổi với ngoại-bang, một nền Văn-hóa mới sẽ được thành lập. Nền Văn-hóa này phải duy trì những cá tính cổ truyền của dân-tộc, nhưng nó cũng phải sẵn sàng tiếp nhận cái hay, cái đẹp của bốn phương. Có như vậy, chúng ta mới có thể mong theo kịp được các nước tiên-tiến.

Đối với nền quốc-học, trường Văn-khoa Đại-học Việt Nam đặc-biệt là Trung tâm, nên sẽ được xử dụng đầu tiên phần đầu của cơ sở Văn-hóa này, một khi việc xây cất hoàn thành.

Trước khi ngừng lời, một lần nữa, tôi xin tỏ lòng tri ân đối với Tổng, thống đã vui lòng đến chủ tọa buổi lễ này. Tôi lại xin cảm ơn liệt quý vị, đã đến đông đảo, để tỏ lòng sốt sắng đối với công cuộc xây dựng Quốc-gia Việt-Nam. »

Ngô Tổng-thống đã đọc diễn văn, in ở trang đầu số báo này.

12. — LỄ PHÁT THƯỞNG CHO CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC SAIGON-CHOLON, TẠI RAP THỐNG-NHẤT

Tại rạp Thống-Nhất, đã cử hành hai cuộc lễ phát thưởng long trọng, dưới sự chủ-tọa của ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục :

Sáng thứ tư 11-7-1956, cho hai trường Nữ Trung-học Gia-long và Trung-vương ;

Sáng thứ năm 12-6-1956, cho hai trường Trung-học Pétrus-Ký và Chu-văn-An.

Bà Hiệu-trưởng trường Gia-long và Giáo-sư Lê-chí-Thiệp, trường Trương-vinh-Ký, đã đọc diễn-văn thưởng lệ.

Ông Nguyễn-dương-Đôn, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục có đọc đáp từ (nguyên-văn cả hai bài đã in ở phần đầu tập V.H.N.S này).

II^o. — LỄ KỶ-NIỆM SONG-THẤT

Ngày 7-7-1956, toàn dân đã kỷ-niệm Đệ nhị Chu-niên ngày chấp-chính của Ngô Tổng-Thống. Tại thủ-đô Saigon, một phòng Triển-Lãm những thành-tích hoạt-động của Chính-Phủ, trong hai năm, (7-54 đến 7-56), đã được tổ-chức tại trường Tôn-thọ-Tường, Đại-lộ Trần-Hung-Đạo.

Các đuốc thiêng đã từ Cà-Mâu, Bến-Hải, Kontum, và đuốc Thanh-niên di-cư, đã về tới sân Tao-Đàn ngày 7-7. Ngô Tổng-Thống đã chính tay châm ngọn lửa thiêng vào đỉnh hương, đặt ở giữa sân Tao-đàn.

Nhân ngày lễ Song Thất, Ngô Tổng-Thống đã hiệu-triệu quốc-dân đồng-bào, và đã nói: « Nếu năm đầu tiên là năm thâu hồi độc-lập hoàn toàn, và năm vừa qua là năm thiết-lập cơ-sở dân-chủ, thì năm tới đây, phải là năm thực-hiện dân-chủ về kinh-tế, xã-hội. Nhưng muốn cho công-lao xây-dựng của chúng ta khỏi ồng phí, thì những kết-quả đã thâu lượm được, phải được tồn-tại, luôn luôn khai-thác và phát-triển... Chúng ta sẵn-sàng tiếp đón những nhiệm-vụ trọng-dại đang chờ đợi chúng ta trong giai-đoạn sắp tới. »

III.— PHÓ TỔNG-THỐNG NIXON TỚI SAIGON

Phó Tổng-Thống Hợp-chúng-quốc Richard Nixon, đã tới Saigon trưa ngày 6-7-1956. Sau đó, ông đã tới thăm Ngô Tổng-Thống, và chuyên đặt bức Thông-diệp riêng của Tổng-Thống Dwight-David Eisenhower, trong đó có câu: « ... Chúng tôi đặc-biệt nhắc lại thắng lợi của Ngài, trong công-cuộc gây cho dân-chúng Việt-Nam một tinh-thần đoàn-kết quốc-gia.. »

IV.— TRIỀN-LÂM HỘI-HỌA

Hội Việt-Mỹ, với sự công-tác chuyên-môn của trường Quốc-gia Cao-đẳng Mỹ-thuật, đã trình bày một cuộc Triền-lâm về Hội-họa sơn mài, tại số 31 đường Cao-Thắng Saigon, từ 14 đến 28-7-1956 (từ 16 đến 18 giờ mỗi ngày).

Cuộc Triền-lâm này đặt dưới quyền Bảo-trợ danh-dự của ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục, và ông Đại-sứ Hoa-kỳ tại Việt-Nam.

V.— DIỄN-THUYẾT

Liên-đoàn Công-chức Cách-mạng Quốc-gia, đã tru-liệu tổ-chức những buổi diễn-thuyết, gọi chung là: « Vòng quanh thế-giới tự-do 1956 », dưới quyền bảo-trợ của ông Cố-vấn Ngô-đình-Nhu.

Buổi diễn-thuyết đầu tiên đã tổ chức tại Đô-sảnh Saigon, ngày 10-7-56, hồi 20 giờ, dưới quyền chủ-tọa của ông Nguyễn-dương-Đôn, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục. Diễn-giả là ông Nguyễn-quang-Trình, Viện trưởng Viện đại học Việt Nam, nói về: « Hai tháng tiếp xúc với nền Văn hóa và chính sách Dân chủ Hoa kỳ. »

o°o

B — TIN NGOÀI NƯỚC

I.— HỘI-NHỊ CÁC CHUYÊN-VIÊN NGU-NHIỆP Ở ROTTERDAM

— Hội-nghị lần thứ nhất của các Chuyên-viên ngư-nghiệp, đặt dưới quyền bảo-trợ của Tổ-chức Liên-hiệp-quốc về Thực-phẩm và Canh-nông, đã nhóm họp tại Rotterdam (Hòa-lan), từ 25 đến 29-6-1956.

Ông Ngô-bá-Thanh, bác-sĩ thú-y, giám-đốc Nha Ngư-nghiệp tại Nam-Việt, đã đại-diện nước Việt-Nam tại Hội-nghị.

Chương-trình nghị-sự gồm những vấn-đề thiết thực, như: việc dùng sản phẩm ngư nghiệp làm thực phẩm trong các nước nhiệt-đới, cách ướp cá, cách dùng thuốc trừ độc, và trừ vi-trùng.

II.— TRỢ-CẤP ĐỀ IN LUẬN-ÁN

Những sinh-viên Việt Nam đã trúng tuyển kỳ thi luận-án, có thể được Hội đồng Du học cấp cho một số tiền đề giúp vào việc in luận-án. Trợ cấp này dành cho những sinh viên mà gia đình không được sung túc, đã trúng tuyển kỳ thi luận án vào hạng bình hay ưu.

